Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

同奈文集

Địa-chỉ liên-lạc :
Ông AN CƯ
393B, đại lộ Trần Hưng-Đạo
— SAIGON —

Giấy phép số 3974 TBTTCH/BC 1
ngày 11/9/1967

GIÁ NHỨT ĐỊNH : 25$
CÔNG-SỞ : GIÁ GẤP ĐÔI

Librairie KHAI-TRI
32, Bd. Lê-Lợi, SAIGON

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

nguyệt - san

phát-huy văn-hóa dân-tộc

xuất-bản mỗi tháng vào ngày 15

năm thứ hai quyển 15

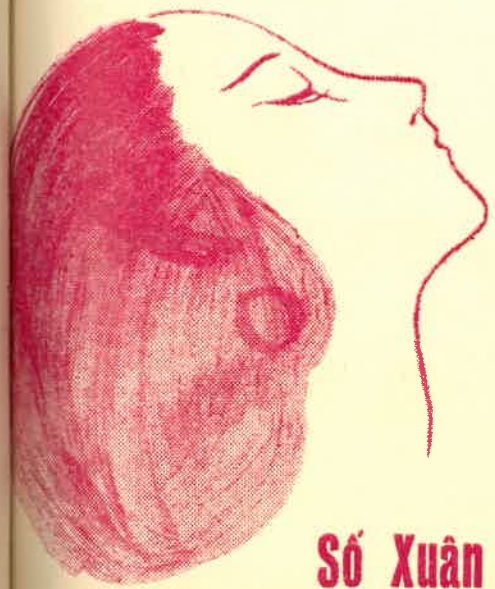

Số Xuân MẬU-THÂN

nhóm đồng-nai xuất-bản

Bộ mới : số 4

Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

Trong tập 15 :

Số trang		
3	tâm nguyện đầu xuân	an cư
9	cuồng đàm : cháu họ tề thiên	nhị cuồng
11	bài văn gả mẹ của vua thuận trị (nhà thanh)	an quốc cường
14	văn minh nhân loại	lê duy tâm
32	giá trị đạo đức của truyện lục vân tiên	an cư
41	đôi chuyện vui vui trong việc học sử địa	lê thọ xuân
57	biên khảo : hát bội (tiếp theo)	thân văn nguyễn văn quí
74	giải trí cách nào	việt thường
82	lẽ sống (truyện ngắn)	nguyễn hữu tri
91	vương thúy kiều truyện của dư hoài tự đạm tâm (trích ngu sơ tân chí)	an cư dịch
95	tìm hiểu quốc nhạc việt nam	nguyễn công thiện
102	đi dạo với giáo sư nguyễn thiệu lâu	sơn nam
111	tao đàn : mùa xuân hồi tanh	kiên giang hà huy hà
114	xử án hàng quí phi	tiểu nguyên tử
120	sức mạnh của ca dao	kiên giang hà huy hà
125	ích lợi và giá trị của môn sinh ngữ	huỳnh phú hiệp
134	sốt đô thị (truyện dài)	long điền
148	tao đàn : vườn trăng	trần văn linh

chủ nhiệm kiêm chủ bút : **an cư**
tổng thơ ký tòa soạn : **thôi tiêu nhiên**

phát-huy văn-hóa dân-tộc

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

nguyệt - san
xuất-bản mỗi tháng vào ngày 15

năm thứ hai *quyển* **15**

SỐ XUÂN

MẬU THÂN

nhóm đồng-nai xuất-bản

Bộ mới : số 4

Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

Nhà Hàng

KIM - LONG

51-53, đại lộ Tổng-đốc Phương (CHỢ-LỚN)

Điện-thoại : số 37.389

15 NĂM NỔI TIẾNG VỀ THỰC-ĐƠN QUẢNG-ĐÔNG

— Lãnh tiệc đám cưới

— Phòng sạch-sẽ, rộng-rãi

— Tiếp-đãi lịch-sự, châu-đáo.

Hãy đọc và cổ động

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

nguyệt-san

THAY LỜI CHÚC

tâm nguyện đầu xuân

● Bài của AN - CƯ

Năm nào, cuối Đông cũng có vài ngày lạnh hơn. Miền Nam đánh dấu sự thay đổi rõ nhứt trong năm. Bầu trời sáng ra lạ lùng.

Tiếng đạn tiếng bom nổ già trong mùa xuân nầy hơn hai mươi ba mùa xuân loạn ly đã qua. Lòng đất Việt nam banh ra, nhày nhụa, lòng người Việt nam se lại, đau nhói, đỏ mắt về hướng đường vào Thảo Cầm Viên, hai bàn tay nắm chặt ngón lại, miệng lầm bầm...

Tiếng nấc uất hận trong cổ, tiếng pháo hòa nhịp với tiếng nổ rặc mùi thuốc súng, vả lên từng hồi âm thanh vang rền trong đêm giao thừa. Tiếng khóc của những người « bị » lụy trong cuộc chiến dai dẳn nầy lẫn trong tiếng cười dửng dưng, sung sướng của những kẻ « được » hưởng nhiều giàu có, nhiều địa vị trong khói lửa hiện nay.

Tiếng mở rượu Champagne thi nhau nổ nghe dòn tai. Lời chúc Tết qua lại giữa người Việt và người ngoại bang, nghe mặn nồng, thấy tràn viễn ảnh chứa chan hy vọng. Người ta nâng cốc rượu Champagne, bước sang năm mới, uống và uống cho đến say nhầu.... không biết trời trăng non nước gì nữa. Người ta say quá, không làm sao nuốt thêm vào được. Người ta thi nhau đè những cô vũ nữ, những cô mỹ nữ trẻ măng xuống, giựt bứt nút áo cho hở ngực, rồi rót vào hai ngọn đồi nhỏ.... đủ thứ rượu, hoặc Martel, hoặc Whisky, hoặc Champagne.... Người ta cúng giao thừa mà.

Có người Việt khóc rưng rức. Các trái hỏa châu ánh vàng tung lên tại một vài góc trời sáng trăng, treo lủng lẳng như những cái lồng đèn tô điểm cho một mùa xuân chinh chiến.

Tiếng chuông chùa ngân xa, tiếng chuông nhà thờ vang xa, nửa như lời cầu nguyện hòa bình cho con người Việt đang quằn quại, cho đất nước Việt đang tan tác, nửa như lời siêu độ cho các oan hồn tử sĩ khắp trong nước. Khói hương từ các chùa chiền và từ các gia đình bay ra, phủ lên khắp bầu trời. Oai nghiêm và thiêng liêng.

Đàn con và vợ ngóng chừng ngoài cửa trông cha trông chồng. Bà mẹ thì thầm mong con về. Lòng thắt lại. U buồn. Xót xa. Tiếng chó sủa cắn đêm làm cho giờ giao thừa thê lương thảm đạm. Sớm không về, phút nầy sao về được, nhưng vẫn đợi, biết là vô hy vọng, biết là vô lý. Bên nhà kia, mấy đứa con mếu máo hỏi : « Má ơi ! Sao ba không về ? » Người mẹ trẻ, úp mặt vào vòng tay, nức nở. Mấy đứa trẻ nắm vạt áo mẹ. Trời trong lòng người tối sầm lại.

Giờ giao thừa sum họp. Bà mẹ già, da mặt nhăn nheo, ôm bức ảnh của đứa con trai, mặc nhung phục, oai hùng và đầy nhựa sống, nay đã hóa người thiên cổ ; bà mẹ không nghĩ đến cúng giao thừa nữa, đời bà mất đứa con, mất hết ý nghĩa, mất hết lẽ sống, huống hồ là một mùa xuân, một cái Tết, huống hồ là cúng giao thừa. Nhà kia, mấy đứa con và người vợ, đầu chít khăn sô, vây quanh bàn thờ cha, bàn thờ chồng, im lặng, không nghe thấy tiếng pháo giao thừa, đôi mắt mờ sau làn nước mắt, lòng đang thổn thức.

Tiếng pháo nổ vang khi xa khi gần...

Khói nhang xông lên, hơi trầm bốc lên. Hồn nước phảng phất...

★

Thấy hiện tại mặc một màu đen dày, nhìn tương lai mang một sắc thái mịt mù. Con người Việt nam nặng chĩu thương xót và lo âu, tâm hồn lùi lần vào dĩ vãng, mong tìm lại một

chút khuây khoả, một chút niềm tin... cho thân phận bé nhỏ của mình và cho vận mạng to lớn của dân tộc. Những khuôn mặt hùng vĩ của người xưa lần lượt diễn qua tấm màn tâm tư mà nền nhuộm tình cốt nhục quê hương.

Tiếng pháo trễ tràn vẫn tiếp nổ lác đác... đánh nhịp cho những tiếng nghẹn ngào, cho những tiếng thổn thức cùng vang dội lên từng đợt mãnh liệt trải khắp non sông, ngân dài.... ngân dài, não nùng bi đát.

Đêm giao thừa mùa xuân nầy sao dài quá, sao lê thê quá !

Hồn Việt nam thở ra từng chặp.

Người ta hồi tưởng một mùa xuân thuở xưa, hùng dũng, quyết liệt, một mùa xuân mà không người Việt nam nào quên được.... MÙA XUÂN QUANG TRUNG.

Mùa xuân thực sự giành được Độc Lập trong vật chất, trong tinh thần.

Mùa xuân trọn vẹn dân tộc, không lệ thuộc ngoại bang. Ngày nay, ôi chào mi ! Buồn tênh !

Số Quang Trung ít quá ! Số Lê Chiêu Thống nhiều quá ! Người Việt nam không ngại, không sợ Tôn Sĩ Nghị. Sau một Tôn Sĩ Nghị Tàu, đã có một Tôn Sĩ Nghị Nhựt, một Tôn Sĩ Nghị Pháp.... và vân vân. Mỗi một Tôn Sĩ Nghị hoành hành trong một thời gian hoặc dài hoặc ngắn rồi cũng phải tan xác rút đi bởi sức kháng cự của nhân dân Việt nam. Có Tôn Sĩ Nghị nào ở mãi được. Lịch sử Việt nam chứng minh ràng ràng điều đó. Lòng người Việt nam chỉ đau khổ, chua xót : « Giá không có một Lê Chiêu Thống toa rập hưởng ứng những luận điệu, những chương trình xâm lược, thì đời nào có một Tôn Sĩ Nghị đứng tạm được một thời gian. Khổ là mỗi thời kỳ, hễ có một Tôn Sĩ Nghị xuất hiện, thì lại có một số người Việt nam ra tranh làm Lê Chiêu Thống để chụp giựt một chút hư danh, ảo vị, tư lợi rất nhỏ nhen so với vận mạng, quyền lợi quốc gia dân tộc. Đã có những Lê Chiêu Thống tên Nguyễn văn Thinh, Trần văn Hữu, Nguyễn văn Tâm, Bảo Đại, Ngô Đình Diệm và...

Chúng ta không sợ có những Tôn Sĩ Nghị xuất hiện mà chúng ta không làm sao cản được, nhưng chúng ta chỉ lấy làm buồn thấy mọc ra mãi loài Lê Chiêu Thống. Loài Lê Chiêu Thống thí nghiệm quá nhiều trong nỗi thống khổ của dân tộc Việt nam. Chừng nào mới hết ? »

Khuôn mặt Quang Trung hùng vĩ và thiêng liêng nổi bật trên nền trời, huy hoàng và đẹp đẽ như một hào quang. Mọi người Việt nam cúi đầu tuân theo. Tiếng pháo giao thừa tí tách nổ, tắt dần trong đêm xuân lạnh tanh rên rỉ.

★

Chắc chắn rồi đây, người Việt nam tự sáng tạo lại một Mùa Xuân Quang Trung.

Ngày xưa, người Trung quốc gọi Việt nam là An Nam, ngụ ý dùng chiêu bài « đem lại thanh bình » cho đất nước của chúng ta, lấy cớ là nước của chúng ta rối loạn. Người Pháp đưa cao nghĩa vụ khai hóa người Việt nam, làm như dân tộc Việt nam là một dân tộc dã man. Ngày nay người ta sợ chúng ta đói đem thực phẩm lúa gạo cho chúng ta ăn, nuôi sống chúng ta.

Không, nước Việt nam không loạn ly. Không, dân tộc Việt nam không mọi rợ.

Không, nước Việt nam không thiếu thốn, một vùng Miền Nam nầy thôi cũng đủ nuôi hai vùng kia, nếu không có chiến tranh và nếu biết canh tác. Chính ngoại bang, từ ngàn xưa, gieo rắc loạn ly, tạo ra tình trạng chậm tiến, vun bồi nghèo đói vào đất nước Việt nam. Từ bao giờ, ngoại bang đặt vấn đề Việt nam, tùy thuộc sự sanh tồn của dân tộc họ, của đất nước họ. Họ khai thác quốc gia của chúng ta cho đến chừng nào hết khai thác được, thì họ sẽ bỏ mặc chúng ta. Có người Việt nam nào còn chút lương tri đối với quốc gia dân tộc, dám ngây thơ tin vào chánh sách « khỏi lỗ vỗ về » của ngoại bang.

Các cuộc « vận động hòa bình » của bất cứ một ngoại bang nào đều nhằm « chấm mút » ít nhiều quyền lợi cho quốc gia của họ. Họ là phường « được mướn » để làm trò múa rối, mưu đồ mà mất thế giới. Họ là phường đi săn quyền lợi trên nỗi thống khổ của dân tộc Việt nam.

Chiếc chìa khóa giải quyết vấn đề Việt nam nằm trong tay dân tộc Việt nam, vì vấn đề Việt nam liên hệ đến sự sống còn của cả dân tộc Việt nam. Không một nhân vật nào, không một quốc gia nào đánh cướp được quyền thiêng liêng « dân tộc tự quyết » của người Việt nam. Ý chí phấn đấu của dân tộc Việt nam là một võ khí mạnh mẽ nhứt, hữu hiệu nhứt, mầu nhiệm nhứt.

Chỉ có dân tộc Việt nam mới giải quyết được một lần cho dứt khoát, vĩnh viễn.... bằng không thì vấn đề Việt nam cứ đặt đi đặt lại mãi, đó chính là nguồn gốc triền miên của nỗi thống khổ di truyền của dân tộc Việt nam.

Có một bọn người Việt Nam, « yếu bóng vía », dựa vào thế lực của ngoại bang mà tạo nên sự sản kết sù và địa vị tót vót cùng các tay em của họ, không muốn có sự thay đổi nữa. Bọn nầy thầm ước sống « vui sướng » mãi mãi thế nầy trong tình trạng « tan tác chiến tranh » của đất nước và trong nỗi khổ nhục của toàn dân. Bọn nầy ngụy biện rằng quốc gia của chúng ta không có nguồn lợi gì hết. Tất tất phải trông vào viện trợ của ngoại bang, nói một cách rõ ràng, thì bọn nầy chủ trương rằng toàn dân phải sống bằng ăn mày để bọn họ hưởng « nước đầu » của sự ăn mày, tóm lại, để bọn họ làm « cha ăn mày » của « dân tộc ăn mày ».

Hiện chúng ta không có gì, đúng, nhưng dân tộc Việt nam tự tin vào *tinh thần tự lực tự lập* và *khả năng sáng tạo của mình*, đó là VỐN LIẾNG DỒI DÀO KHÔNG CẠN, đó là NGUỒN GỐC CƯỜNG THỊNH VÔ BIÊN của quốc gia dân tộc mà chúng ta không phải quì lụy để ăn mày với ngoại bang.

CHÚNG TA CHỈ CẦN CÓ NGHỊ LỰC LÀ ĐƯỢC, CÓ QUYẾT TÂM LÀ ĐƯỢC.

Người Việt nam phải dẹp tất cả tư hiềm, tư lợi, dẹp tất cả ích kỷ ngấm ngầm và vùng lên nắm lấy vận mạng của mình,

của quốc gia dân tộc mình, chớ để ngoại bang lùa chúng ta đi như một bầy trừu yếu đuối.

Mùa xuân Quang Trung đang cuồn cuộn chảy trong huyết quản của người Việt nam, nóng rần. Lòng người Việt nam đang lên trong ánh trời ngày Tết tưng bừng.

Cả ngàn năm, người Việt nam không cúi gục, thì không có mãnh lực nào sai khiến được người Việt nam cam gục đầu trong mùa xuân Quang Trung đã khởi lên.

Tiếng pháo nổ vui.

AN CƯ

KÍNH CHÚC QUÍ VỊ ĐỘC GIẢ VÀ ĐỒNG BÀO

XUÂN MẬU THÂN

Vui vẻ

khỏe mạnh

phấn khởi

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

nguyệt san

Cuồng-đàm

Cháu họ TỀ-THIÊN

của **NHỊ CUỒNG**

Tiên-thạch hấp thụ âm-dương nhựt-nguyệt mấy ngàn năm sanh ra một trứng đá và trứng đá hóa hình võ-hầu, cũng kêu là thạch-hầu. Thạch-hầu về núi Hoa-sơn, chiếm động Thủy-Liêm và làm vua tất cả các loài khỉ.

Sau theo Bồ-đề-tổ-sư học đạo. Tổ-sư đặt tên «Tôn-ngộ-Không» dạy cho phép cân-đẩu-vân vụt một cái bay xa trăm ngàn dặm và bảy mươi hai phép huyền-công biến-hóa.

Thân khỉ thì tánh khỉ, rắn mắt làm cho thầy giận đuổi đi. Tôn-ngộ-Không bấy giờ như ngựa không cương, cậy phép thần-thông, ỷ tài võ-dõng, xuống Diêm-la-điện đoạt cây như-ý-kim-câu-bổng dùng làm khí-giới và tiện dịp xóa bỏ hết sổ-bộ luân-hồi, cố ý tự giải-thoát. Sau lại lén vào vườn đào của bà Tây-vương-mẫu, cung Diêu-trì, trộm đào tiên, ăn chơi vài trái cho trường-sanh bất-tử. Sẵn trớn Ngộ-Không nhảy lên Trời đại-náo thiên-cung. Ngọc-hoàng sợ hắn đảo-chánh bèn chịu thua, phong chức Bật-mã-ôn. Ngộ-Không chê chức nhỏ, trở về Thủy-liêm-động chỉnh-lý, xưng Tề-Thiên-Đại-Thánh.

Hoành-hành một lúc rồi bị Nhị-lang-thần Dương-Tiễn dùng nguyên-tử điều-khiển con hạo-thiên-khuyển cắn thôi bất-kể, bắt giải về thiên-đình. Thái-thượng-lão-quân đem hắn nhốt trong lò bát-quái, dùng tia-sáng la-xe (laser) mấy triệu độ tính đốt ra tro, nào ngờ Ngộ-Không biết la-xe kỵ nước tiểu khỉ, nên hắn đái tắt và thoát ra khỏi. Phật thi-triển phép ngũ-chỉ cầm-nã bắt nhốt dưới núi Ngũ-Hành, lại họa bùa trên đầu núi, sợ hắn trốn ra ngoại-quốc xưng đại-sứ, rồi thêm nữa.

Quan-Thế-Âm bồ-tát đi ngang nghe Ngộ-Không năn-nỉ quá, bảo đợi Tam-Tạng đi thỉnh-kinh Đông-độ, người có phép đem ra khỏi và dạy sau đó phải sám-hối tội-lỗi, theo người sang Tây-Tạng.

Đá hóa khỉ, từ-nhiên có tánh khỉ-khọt leo-trèo, nhảy-nhót, nhăn-răng, nhướng mắt, hú-hí tối ngày, thế mà muốn tu thân xuất thế thoát luân-hồi mới tìm thầy học đạo, nhưng đắc học rồi lại có tham-vọng chọc trời khuấy nước, khoe phép thần-thông, phô sức cái-thế, gây ra không biết bao nhiêu tội-nghiệt, may mà sớm ăn-năn sám-hối, ngộ không mà quày đầu.

Tề-Thiên ấy thủy-tổ loài khỉ và khoa-học đã chẳng nói con người gốc khỉ, vậy chúng sanh đều là khỉ, anh khỉ, tôi khỉ, nó khỉ, con cháu họ Tề-Thiên. Tiếc thay ta không noi nếp thiện, dõi căn lành, cứ giữ tánh nguyên-thủy khỉ-khọt, nết chẳng thuần, tâm quá động, tham-sân-si một cây, dữ số dách.

Không tham sao làm đến tỉnh-trưởng, quận-trưởng mà thèm tiền như khát-vọng đào tiên cùng Diêu-Trì, đục-khoét công-nho, bóc-lột dân nghèo cho bị bãi chức đi đày?

Không sân sao phe nầy ganh phe nọ, rồi cùng nhau chửi mắng, cấu-xé, tranh-giành Thủy-Liêm-động mà kết oán gây thù?

Không si sao tài-học nhom-nhem, đức-hạnh khiếm-khuyết, thế mà cân-đầu-vân vào trường chánh-trị, nhướng mắt, gải má, nhăn răng, múa tay khoa chơn, chí-choét tranh ghế trên ghế dưới, để khi đắc cử rồi, lo tư bỏ công, trối thây bọn khỉ phó-thường-dân cơm không đủ ăn, áo không lành mặc?

Không dữ sao khỉ-đực cao-bồi rút súng chơi dao, coi mạng người bỏ như rác-rến đô-thành, sao khỉ-cái chiêu-dãi bán phấn buôn hương, khiến gia-đình loạn như chợ trời hàng lậu, một đàng làm mất an-ninh xã-hội, một phía giẫm nát luân-lý cang-thường?

Ôi! Khỉ đồng-bào ôi! Người anh em khỉ ôi! Như vậy thì sức mấy mà độc-lập tự-do hạnh-phúc?

Còn lâu, lâu lắm, nói cho mà buồn!

NHỊ-CUỒNG
Xuân Mậu-Thân
(1968)

Một câu chuyện vui chánh trị nhà Thanh

Bài văn gả mẹ của Vua Thuận Trị

NHÀ THANH

● *Bài dịch của An Quốc Cường*

Với tuổi nhỏ Trẫm lên ngôi báu,
đặt kinh thành ở đất Yến kinh,
làm mô phạm cho muôn phương,
mở rộng bốn bề,
thân Trẫm nhỏ, đức Trẫm mọn,
làm sao nên được nghiệp lớn như vầy.

May nhờ :
trong cung cấm có mẹ là Thái hậu dạy thấu đạo hiền,
ngoài thời cậy chú là Nhiếp Chính Vương tận tụy khuông phò.
ngài thật hết lòng phò Trẫm,
mới được cơ nghiệp vững bền ngày nay.

Riêng nghĩ : Thái hậu từ khi vua cha về trời làm khách,
Thái hậu thường vịn râu rồng mà tưởng nhớ đến luôn,
sao tránh khỏi cảnh thương tâm,
Thái hậu ngậm đắng nuốt cay để dạy con trẻ,
khó nở môi cười.

Nhưng nhờ có Nhiếp chính vương để Trẫm gởi trọng trách như thể tay chân,
việc quan trọng đó chỉ có người thân tính như ngài mới giao phó được.

Vì thế Trẫm sống trong sủng ái mưa móc của mẹ hiền,
hưởng hạnh phúc tràn đầy trong gia đình,
Rồi thành công sự nghiệp đế vương.

Nhiếp Chính vương dâng xích đảm phô lòng thành,
đức vọng ngài lên như chim ó cao bay,
ngài gôm lòng son phò trợ Trẫm,
kế hoạch bình định của ngài chất đầy tủ sắt,
ngài lập được công đội trời bằng Chu công,
Ngài tổ chức quân đội cho Trẫm dùng.

Than Ôi !
Ngài có nỗi buồn vì góa thiếm nên thiếu người sửa túi nâng khăn,
vả lại, Trẫm cũng cần đền đáp mẹ bằng cách để mẹ được vui,
làm khuây niềm sầu bi của con chim học mất bạn,
từ đó phòng tiêu tràn đầy hạnh phúc,
và không hát khúc nhạc chia lìa loan phượng.

Nếu cứ mãi giữ Kinh giữ Lễ,
sao bằng thay đổi tòng quyền,
vừa trọn đạo phu phụ luận thường,
lại an ủi lòng Trẫm vì xong bổn phận kính trưởng thương thân,

Hỡi ôi !
dầu Lễ kinh còn đó,
dù không vui mừng ghi việc tái giá.
vẫn biết phép nhà tập truyền,
không tán đồng sự trùng hôn.

Nhưng thánh nhân thay đổi chút đỉnh chi tiết chẳng sao,
vả lại ! hiếu lớn quí ở chỗ thuận lòng người thân,
nỗi lòng khốn khổ của Trẫm chắc trăm họ đều cảm thông.
nghi thức của buổi hôn lễ,
trao Lại bộ trù liệu rồi tâu trình,
Nay ban bố.

Vài lời chú cho rõ nghĩa bài văn hơn :

1) Tác giả bài văn này là vua Thuận Trị nhà Thanh, viết ra để trăm họ cùng biết rằng nhà vua làm mai gả mẹ là Hoàng Thái Hậu Cát Đặc Thị cho Hoàng Thúc là Đa Nhĩ Cổn.

2) Hoàng Thái Hậu là Cát Đặc Thị, nguyên là hoàng hậu vua Thái Tôn. Thái Tôn mất, con thứ mười bốn của Thái Tổ là Đa Nhĩ Cổn làm Nhiếp Chính vương, nắm trọn toàn quyền. Cát Đặc Thị với thân phận là Hoàng Thái hậu lấy Nhiếp chính Vương.

3) Hoàng Thúc Đa Nhĩ Cổn là con thứ mười bốn của Thái Tổ, em của Thái Tôn, chú của Thế Tổ tức Thuận Trị. Đa Nhĩ Cổn là người tài giỏi. Khi Thái Tôn mất, Thuận Trị lên ngôi mới được Sáu tuổi, Đa Nhĩ Cổn làm Nhiếp Chính Vương, hết lòng phò trợ, thừa nhà Minh phải loạn Lý tự Thành, lợi dụng hàng tướng Ngô tam Quế làm tiên phong, phá Sơn hải Quan vào Trung nguyên, chiếm Bắc Kinh lập nên nhà Thanh rồi cưới Hoàng thái hậu.

4) Theo tục lệ người Thanh, khi người anh qua đời, thì người em sẽ cưới vợ anh làm vợ của mình, gọi là « Huynh chung đệ cập ».

5) Việc làm mai để gả mẹ của vua Thuận Trị có tính cách chính trị hơn là tục lệ, vì hồi đó quyền hành quốc gia nằm trong tay của chú là Nhiếp Chính Vương cũng như mẹ là Hoàng Thái hậu, do đó không thể không được, thành thử phải chiều lòng chú và mẹ để bảo tồn sinh mạng, chớ đời nào vua Thuận Trị bằng lòng mẹ mình lấy người khác, xem đó cũng đủ biết uy thế của hoàng thúc Đa nhĩ Cổn lớn đến mực nào.

6) *Công đội trời bằng Chu Công :* xưa cho rằng vua là trời ; Chu Công là con của Văn vương nhà Châu, em của Vũ vương, chú của Thành vương ; Vũ vương mất, Thành vương còn nhỏ, Chu công hết lòng giúp đỡ, đến khi Thành vương trưởng thành, Chu công trả lại quyền trị nước cho cháu.

Câu này khen hoàng thúc Đa Nhĩ Cổn có công phò Vua Thuận Trị cũng như Chu công phò Thành vương vậy.

AN QUỐC CƯỜNG dịch

HÃY ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

— Nêu các vấn-đề thời-đại Việt-Nam
— Có nhiều bài văn-học miền Nam

VĂN-MINH NHÂN-LOẠI

Bài của LÊ DUY-TÂM

LỜI TÒA SOẠN : Bạn Lê Duy Tâm viết bài « Văn Minh Nhân Loại » này để trình bày sự tiến hóa của loài người tùy thuộc rất nhiều với những dữ kiện địa lý của vùng sanh trưởng và để đánh bạt thuyết « chủng tộc siêu đẳng » của giống da trắng do một số học giả và thực dân Âu, Mỹ đề xướng.

AN CƯ

★

Đối với con người của thế-kỷ 20, văn-minh hầu như là một giai-đoạn tất-nhiên phải vượt đến sau khi sinh-hoạt văn-hóa đã diễn ra nhiều thế-kỷ. Ít ai dừng chân lại để tra-hỏi xem làm thế nào con người vượt đến văn-minh được. Nhiều câu hỏi liên-quan đến nhiều ngành học-thuật khác nhau sẽ hiện lên để chỉ giải-thích sự khả-hữu của văn-minh. Thiên-văn-học, địa-chất-học, khảo-cổ-học, cổ-sinh-vật-học, vật-lý-học, hóa-học, sinh-vật-học, địa-lý-học, nhân-chủng-học là những khoa-học có liên-quan đến việc giải-thích nói trên.

Trước hết, ta phải tự hỏi trong vũ-trụ có bao nhiêu hành-tinh có đời sống như trái đất. Trước đây người ta giả-thiết rằng nhiều vì sao có thể có nhiều hành-tinh tương-tợ như trái đất và do đó trên những hành-tinh nầy đời sống có thể tìm thấy được như ở trên trái đất. Nhưng theo lý-thuyết thịnh-hành thì muốn tạo nên hành-tinh hai vì sao phải đến đủ gần nhau mà không đụng nhau. Trong trường-hợp đó thì sẽ hình-thành hai ngọn triều khổng-lồ ở hai phía đối-diện nhau của mỗi vì sao. Nếu một trong hai vì sao đã tiến đến một giai-đoạn trưởng-thành nào đó, và có đủ khối lượng nào đó thì những ngọn triều của nó có thể tách rời khỏi sao mẹ và hai vòi chất-liệu sẽ vọt ra hai bên của vì sao đó. Dẫn-lực của sao mẹ sẽ giữ cho số chất-liệu tách rời đó bám vào lực-trường của mình và không theo sao kia. Mặt khác tốc-độ của vòi chất-liệu sẽ đủ nhanh để ngăn-cản nó rơi trở lại sao mẹ. Nếu trường-hợp nầy xảy ra thì lần-lần số chất-liệu đó sẽ quay chung-quanh sao mẹ và cô-đọng lại thành hành-tinh. Theo Shapley, một nhà thiên-văn Mỹ hiện-đại, thì các vì sao trong vũ-trụ cách xa nhau quá nên hy-vọng tạo thành hành-tinh chỉ là một phần triệu, dù các vì sao có thể sống hằng tỷ năm. Shapley ước-lượng rằng trong số hằng triệu sao của giải Ngân-hà, chỉ có một hệ-thống hành-tinh có thể được hình-thành trong 6 tỷ năm, tức là một thời-gian dài bằng hai hoặc ba lần tuổi trái đất chúng ta.

Bây giờ giả-thiết rằng có một hệ-thống hành-tinh đã được thành-lập. Muốn hội đủ điều-kiện để dung-dưỡng đời sống, phải có mười yếu-tố thích-nghi. Đó là thể-tích, mật-độ, khoảng cách xa thái-dương, hình-dạng của quĩ-đạo, tốc-độ quay, thời-gian của một ngày và độ nguội của hành-tinh; và thể-tích, giai-đoạn trưởng-thành và độ xê-dịch phóng-xạ của mặt trời. Một hành-tinh như Jupiter quá lớn nên nhiệt-độ cao và không giữ được nước trên mặt. Nó có thể có một khí-quyển quá dầy-đặc và phức-tạp về thành-phần nên không có dưỡng-khí tự-do và không để cho ánh-sáng mặt trời soi thấu được. Một hành-tinh nhỏ quá không

---

Sách tham-khảo : Huntington, Ellsworth 1945, Mainsprings of Civilization, A Mentor Book.

đủ sức để giữ khí-quyển và do đó mất nước và dưỡng-khí, như trường-hợp của Mars và mặt trăng. Một hành-tinh quá xa như Neptune, cách mặt trời 4.501.000 cây-số, chỉ nhìn thấy mặt trời như một vì sao thường thì không hấp-thụ đủ sức nóng để tăng nhiệt-độ lên cao hơn độ tan chảy của băng-hà. Còn khi mặt trời chiếu thẳng vào mặt một hành-tinh ở gần như Mercure, chỉ cách có 57 triệu cây-số thì nhiệt-độ quá cao nên cũng không dung-dưỡng đời sống được. Cho nên trái đất quả thật là một hành-tinh lý-tưởng cho đời sống nhờ hội đủ những điều-kiện thiết-yếu kể trên. Về mặt vật-lý trái đất chúng ta hầu như hoàn-toàn duy-nhứt. Một đặc-tính duy-nhứt đó là sự đồng-nhứt của nhiệt-độ. Trong suốt hai tỷ năm, nhiệt-độ hầu như bất-biến. Những nhà địa-chất-học cho rằng sự chênh-lệch về nhiệt-độ giữa các thời-đại băng-hà và những thời-đại giữa băng-hà chỉ độ 20° C, mà 20° C, đem so-sánh trên bình-diện vũ-trụ thì không có nghĩa gì. Nhiệt-độ trên mặt của các vì sao thay-đổi từ 3000° C đến 30.000° C, còn bên trong thì có thể nóng đến 30.000.000° C như mặt trời hay 100.000.000° C ở các sao khác.

Cho dẫu chúng ta lấy số nhiệt-độ cao nhứt và thấp nhứt trên toàn-thể mặt đất trong suốt thời-gian có đời sống trên đó thì sự chênh-lệch cũng có thể không vượt quá 150°C. Sự liên-tục của đời sống trên mặt đất kể từ nguyên đại tiền-Cam (pré-Cambrien) chứng-minh rằng, ngoại-trừ một vài trường-hợp, nhiệt-độ thấp hơn 73°C dưới số không và cao hơn 77°C chưa hề xảy ra trong một tỷ năm. Chỉ cần một vài năm hay nhiều lắm là vài trăm năm trong đó nhiệt-độ lạnh dưới nước đông và nóng trên nước sôi ở khắp nơi trên mặt đất cũng đủ giết chết hết mọi hình-thức sinh-vật.

Sự đồng-nhứt của nhiệt-độ nầy còn đáng chú-ý hơn nếu ta ghi nhận rằng nó xảy ra trong điều-kiện thuận-lợi nhứt về mặt hóa-học. Nước dầu ít đến đâu, rất cần-thiết cho đa số các phản-ứng hóa-học. Ví-dụ, nếu không một ít

nước thì cơ-lo và sô-đi-um không thể thành muối thường được mặc dầu ta có nấu chảy sô-đi-um đi nữa. Không-khí hoàn-toàn khô và than cháy đỏ sẽ không cháy có ngọn và chỉ tạo được ốc-xít cac-bon (CO) chớ không thể làm được thán-khí (CO_2). Tất cả các phản-ứng hóa-học hữu-cơ đều xảy ra trong tầm nhiệt-độ mà nước ở thể lỏng có thể hiện-diện được.

Đời sống dưới mọi hình-thức chỉ có được trong tầm nhiệt-độ từ 0° đến 100°C. Chỉ ở trong tầm đó, các đơn-chất như ốc-xy, hít-drô, ni-trô, cac-bon, và đôi khi lưu-huỳnh và phốt-pho mới kết-hợp nhau được thành những phân-tử rất to-lớn và phức-tạp của nguyên-sinh-chất (protoplasma). Đó là những phân-tử duy-nhứt có khả-năng sinh-sản. Chúng có năng-lực để kết lại nhau và xây tường chung-quanh mình để làm thành tế-bào có khả-năng kỳ-diệu là có thể phân-liệt ra thành những tế-bào mới. Một tế-bào nguyên-thủy sản-sinh ra nhiều tế-bào khác để cuối-cùng ta có răng trắng và cứng hoặc nứu đỏ và mềm,

Như thế ta thấy rằng nước rất cần-thiết cho đời sống nhờ những đặc-tính duy-nhứt của nó. Vì nước để rất lâu mới hút sức nóng hay trả lại sức nóng nên đóng vai trò điều-hòa nhiệt-độ. Trái với những chất lỏng khác nước thu thể-tích lại khi đông thành nước đá và nổi trên mặt nước ở nhiệt-độ cao hơn. Nếu không có đặc-tính nầy thì mỗi lần mùa đông nước đá sẽ chìm xuống đáy sông, hồ, rạch, biển từ miền ôn-đới trở lên địa-cực, và đến mùa hè băng-hà vẫn chưa tan hết nên phần nước phía trên mặt sông, hồ, v.v... sẽ rất lạnh. Các hải-lưu từ miền nhiệt-đới không thể sưởi ấm vùng địa-cực nữa. Sự tương-phản nhiệt-độ giữa vùng ôn và nhiệt-đới sẽ gay-gắt hơn hiện nay gấp bội và gió cũng mãnh-liệt hơn. Do đó sự tiến-hóa của đời sống có thể sẽ đi theo một chiều-hướng khác và con người có thể không xuất-hiện được. Ngoài ra, ốc-xy ở trạng-thái tự-do cũng là một yếu-tố thiết-yếu khác cho đời sống nữa. Mà nước và ốc-xy chỉ hiện-hữu được ở trên một hành-tinh

có thể-tích, tốc-độ quay và nhiệt-độ của trái đất thôi. Sự trùng-hợp nầy quả thật là hy-hữu như ta đã thấy ở trên.

Bây giờ ta hãy tưởng-tượng xem một thay đổi nhỏ-nhặt sẽ đưa đến những xáo-trộn nào cho những điều-kiện của đời sống. Ta hãy tưởng-tượng rằng trái đất vẫn y như cũ, chỉ khác có một điều là một ngày sẽ dài bằng một tháng thay vì bằng 24 tiếng đồng-hồ. Khắp nơi sự tương-phản giữa ngày và đêm sẽ gia-tăng. Ngay tại đường xích-đạo một đêm dài hai tuần-lễ sẽ mang lại đông-giá mỗi tháng. Còn trong lúc ban ngày thì nhiệt-độ tăng một cách khủng-khiếp và có thể tiêu-diệt hết cả sinh-vật. Những trận bão mãnh-liệt sẽ thổi từ những vùng lạnh của ban đêm đến những vùng nóng của ban ngày. Cây-cối và sinh-vật có thể sống được, nhưng có lẽ sẽ khác rất xa với trạng-thái mà ta biết chúng ngày nay. Vì thế nếu một sự thay-đổi cỏn-con trong môi-trường làm xáo-trộn nhiều như vậy thì ta hãy tưởng-tượng thế quân-bình giữa các yếu-tố ảnh-hưởng đến đời sống rất dễ bị khuynh-đảo đến dường nào. Bất-cứ một trong muôn ngàn sự xê-dịch có thể xảy đến cho một trong mười yếu-tố kể trên có thể làm cho trái đất không còn dung-dưỡng đời sống được nữa.

Trên đây chúng ta đã xét qua tính-cách duy-nhứt của trái đất giữa vũ-trụ bao-la là đã hội đủ những điều-kiện thuận-lợi cho đời sống. Lẽ dĩ-nhiên, nếu không có những điều-kiện thuận-lợi đó thì đời sống con người sẽ không xảy ra được và văn-minh nhân-loại như ta biết ngày nay cũng không thể hình-thành được.

Trong đoạn vừa rồi chúng ta đã xét qua tính-cách duy-nhứt của trái đất như là nơi dung-dưỡng đời sống nhờ một sự trùng-hợp hy-hữu các yếu-tố vật-lý về sự cấu-tạo của trái đất. Chúng ta tiếp tục xét đến những yếu-tố sinh-vật và vật-lý khác đã dẫn đến sự xuất-hiện của loài người.

Những điều-kiện sinh-vật và vật-lý trong đó văn-minh có thể diễn ra được có tính-cách hết-sức đặc-thù. Những

điều-kiện đó đã tiến đến giai-đoạn hiện-tại sau khi đã xuyên qua những bước tiến có ảnh-hưởng sâu-đậm đối với sinh-lý và văn-hóa của loài người. Chúng ta đã thấy sự quan-trọng về phương-diện sinh-vật và hóa-học của nước. Hậu-quả tất-nhiên của sự quan-trọng đó là đời sống đã bắt đầu từ dưới nước như nhiều nhà sinh-vật-học đều đồng-ý. Hằng trăm triệu năm đã trôi qua kể từ ngày động-vật và thực-vật đã rời khỏi đại-dương, thế mà dấu vết của đại-dương vẫn còn rõ-rệt trong nhiều sinh-vật ngày nay. Nguyên-sinh-chất (protoplasma) có một phần chất lỏng mà thành-phần hóa-học không khác với nước biển. Mật-độ có thể thay-đổi song đại-để thì cứ mỗi 50 phần muối thường (cơ-lo-rua sô-đi-um) thì có một phần cơ-lo-rua cal-ci. Các hợp-chất của những đơn-chất như lưu-huỳnh, ma-nhê, pô-tát, si-lit, phốt-pho và sắt cũng hiện-diện theo những tỷ-lệ không khác mấy những tỷ-lệ của những hợp-chất đó trong nước biển.

Những bước nhảy vọt khác trong sự tiến-hóa liên-quan đến các giai-đoạn của môi-trường vật-lý. Một trong những bước quan-trọng nầy là sự phát-triển một bộ xương sống vừa mạnh vừa mềm-dẻo. Một xương sống như thế sẽ không ích-lợi gì cho văn-minh nếu sinh-vật có nó không xuất-hiện khỏi mặt nước. Chính ở dưới nước những động-vật không xương sống mới có những kích-thước to-lớn được. Người ta đã tìm thấy những con mực khổng-lồ dài trên 15 thước từ đầu tay nầy đến đầu tay kia (tentacule). Còn trên đất liền ít bao giờ ta thấy được những động-vật không xương sống mà có kích-thước lớn. Cho dầu có những động-vật không xương sống lớn trên đất liền như sâu dài từ 3 đến 6 tấc, hay côn-trùng lớn bằng chuột lắt, thì chúng cũng không thể tạo nên văn-minh được. Chúng ta thấy rằng cho tới nay những sinh-vật có thể làm bá-chủ trái đất được là những động-vật to lớn sống trên đất liền và có một bộ xương vừa chắc vừa mềm-dẻo.

Bộ xương sống hình như đã xuất-hiện ngay dưới nước. Giả-thuyết hay nhứt có lẽ là bộ xương sống đã thành hình để thích-ứng với sự nhô lên của lục-địa hồi đầu nguyên-đại cổ-sinh (Paléozoique) tức là nguyên-đại cổ nhứt. Sự nhô lên nầy tạo nên những suối nước chảy siết và những bờ biển đá lởm-chởm, nơi sóng đại-dương đập một cách mãnh-liệt. Những sóng nước đó gây rất nhiều khó-khăn cho các động-vật không xương sống và lội một cách yếu-ớt. Chiều-hướng của tiến-hóa là phát-triển một hình-thức sinh-vật nào đó có thể sống được trong mọi môi-trường không lạnh quá, khô quá hay khắc-nghiệt quá. Trong trường-hợp nầy các động-vật sống dưới nước phải phát-triển những bộ-phận mới để có thể lội được trong nước chảy siết. Bộ phận đó chỉ có thể là một bộ xương sống mềm-dẻo có bắp thịt gắn chặt vào và hai đôi vây ở hai bên đối-diện của cơ-thể, một đôi ở gần đầu và một đôi quá về phía sau. Một phát-triển nào khác có thể sẽ chỉ đưa vào một ngõ cụt mà thôi. Sự đối-xứng trong thân-thể ta, đôi tay, đôi chân, đôi mắt, thế đứng thẳng, và sự giao nhau của đôi bàn tay trọng tầm mắt thấy — tất cả những thứ đó và hằng trăm đặc-điểm khác của con người đều tùy ở xương sống và sự đối-xứng song-phương đã phát-hiện để thích-ứng với nước chảy siết. Đó là một trong những bước tiến quan-trọng đến văn-minh.

Sau khi đã sống dưới nước trầm-lặng và nước nổi sóng, các động-vật có xương sống đã sẵn-sàng để rời khỏi nước mà lên chiếm lục-địa và thở không-khí. Sự vươn lên không-khí cũng là một thích-ứng đối với hoàn-cảnh vật-chất mới. Lần nầy có sự thay-đổi về khí-hậu. Vào cuối thời-đại si-lưu (Silurien) và trong thời-đại Đê-vôn (Devonien), sự hạn-hán đã làm cho nhiều vùng mênh-mông hết bị ngập-lụt thì đến khô-nẻ. Do đó những động-vật nào có thể dùng bong-bóng để thở như phổi được, và dùng vây để đi được thì sống-sót, kỳ-dư đều phải chết hết vì không thích-ứng được với môi-trường mới.

Một bước tiến khác trên đường văn-minh hình như đã thực-hiện trong thời-đại nhị-điệp (Permien), khi những sinh-vật máu nóng đầu-tiên dường như đã xuất-hiện. Nếu con người là loại động-vật có máu lạnh thì chưa chắc gì ta có đủ sinh-lực để tạo văn-minh mặc dầu ta vẫn có thể vượt đến giai-đoạn tiến-hóa hiện-tại. Sự xuất-hiện của các động-vật máu nóng hình như là một thích-ứng với điều-kiện khí-hậu mới. Những dấu-vết sa-mạc chứng minh rằng thời-đại Permien rất khô-khan và dấu-vết của băng-hà cho thấy những thời-gian nhiệt-độ thấp. Sự hạn-hán đòi-hỏi khả-năng di-chuyển mau lẹ, chẳng những vì phải đi xa để tìm nước và đồ ăn mà còn vì phải đương đầu với sự săn-đuổi của thú săn mồi nữa. Còn nhiệt-độ thấp đòi-hỏi khả-năng hoạt-động ngoài thời-tiết ấm-áp của mùa hè, mà khả-năng đó thì chỉ loài máu nóng là mới có được thôi. Các loại bò sát, lưỡng-sinh, côn-trùng và những động-vật không xương sống khác thì hoặc ngủ hoặc rất yên-lặng trong khí-hậu lạnh. Vì thế mà ở các xứ lạnh, rắn và thằn-lằn không thể sống được. Vì loài người có máu nóng nên sống nơi nào cũng được và đi đến đâu đem theo văn-minh của mình đến đó.

Tuy-nhiên trong số những động-vật máu nóng có một loại tiến theo chiều-hướng của một ngõ cụt. Đó là loài chim, bay trên không, làm ổ và đẻ trứng. Con đường tiến tới văn-minh phải là trên mặt đất, và bốn chân, con yếu, sữa mẹ là vài đặc-điểm của đời sống. Đời sống trên không-khí làm cho thân-thể không thể to-lớn được, khối óc lớn cũng không xuất-hiện được và hai tay vô-dụng không thể cầm nắm được vì phải biến thành cánh để bay. Tất cả các loài chim đều có đầu nhỏ. Những loài chim lớn như đà-điểu thì không dùng đến cánh. Nhưng nhờ có máu nóng và làm ổ trên cây nên loài chim đã phát-minh một tập-quán làm nòng-cốt cho văn-minh. Tập-quán đó là sự săn-sóc thế-hệ sau do thế-hệ trước phụ-trách, và do đó đã đặt nền-tảng cho các đức-tính luân-lý. Chỉ tiếc là đạo-đức của loài

chim không phát-triển được hơn nữa vì thiếu một khối óc lớn và đôi bàn tay.

Đối với loại động-vật có vú thì không có sự ngăn-chặn tiến-bộ nầy. Việc nuôi con làm cho thú mẹ có một mối tương-quan mật-thiết với con hơn là loài đẻ trứng. Vì thế ngay đến ở cấp động-vật hạ-đẳng người ta đã thấy manh-nha một sự-kiện là các đức-tính luân-lý bắt nguồn từ những liên-hệ gia-đình và được bà mẹ phát-triển nhiều hơn cha.

Giai-đoạn ở trên cây của các loài có vú hình như cũng là một bước tiến cần-thiết đến văn-minh. Giai-đoạn nầy dẫn đến sự xuất-hiện loài linh-trưởng (Primatas) tức là khỉ và người. Một số những động-vật có vú đầu tiên ở trên cây. Chúng có thể theo một trong ba ngõ tiến-hóa khác nhau. Thứ nhứt là lối đeo trên cây bằng móng cong như con thú ăn kiến chẳng hạn. Đó là tiến đến ngõ cụt vì việc di-chuyển rất chậm-chạp và hạn-chế. Những thú nầy dù có trở về mặt đất vẫn còn quá chậm-chạp và thường tự-vệ bằng mùi hôi thúi, giáp lưng cứng hoặc lông nhọn và cứng như lông nhím chẳng hạn. Ngõ thứ hai là đeo trên cây bằng móng nhọn như con sóc và con báo. So với những động-vật có móng cong thì những thú nầy có thể chạy dễ-dàng trên mặt đất. Chúng nó nhanh-nhẹn và mau-mắn. Nhưng đó cũng là một ngõ cụt chớ không tiến tới văn-minh được, vì các chân trước phải dùng để đi và không thể thay-đổi để cầm nắm được. Ngõ thứ ba là di-chuyển xuyên qua cây-cối bằng cách dùng ngón tay và ngón chân để nắm nhánh cây. Muốn nắm cho dễ-dàng thì cần có một ngón tay — ngón cái — đối-diện với cả những ngón còn lại. Cho nên ngõ tiến-hóa đúng phải phát-triển một bàn tay có ngón cái đối-diện. Và một bàn tay như thế đó sẽ hữu-ích hơn nhiều nếu thuộc về hai chi trước (tức là cánh tay) hơn là chi sau. Nếu nó thuộc hai chi sau thì bất-tiện vì không nắm trong tầm mắt thấy.

Nhưng dầu có bàn tay tốt đến đâu cũng vô-dụng nếu đôi mắt không thấy hình nổi được. Nhiều thú có cặp mắt

cách xa nhau quá nên thấy vật gì cũng đẹp, phẳng nên không thể ước-đoán được khoảng cách và chiều-bề, như con sơn-dương chẳng hạn. Những động-vật chuyền từ cây nầy sang cây khác không thể sống được nếu chỉ có khả-năng thị-giác như thế thôi. Đối với chúng, khả-năng nhìn thấy hình nổi là thiết-yếu cho đời sống. Loài khỉ, được trang-bị khả-năng thấy hình nổi, và đôi bàn tay có ngón cái đối-diện là những động-vật nhảy rất giỏi. Nhiều con vượn có thể nhảy đến trên mười thước từ cành nầy sang cành nọ. Mỗi lần nhảy đều đòi-hỏi một sự ước-tính chính-xác tuy vô-thức về khoảng cách, gió, sức chịu đựng của cành cây và sức mạnh vừa-đủ để nhảy chỉ bao xa đó thôi. Trong số những hoạt-động của loài động-vật ít có hoạt-động nào đòi-hỏi thị-lực, sự phối-hợp các bắp thịt mau-chóng, và ước-tính thời-gian chính-xác như vậy. Dĩ-nhiên tất cả những khả-năng đó sẽ vô-ích nếu không có một khối óc để ước-tính khoảng-cách cấp-tốc, sự to-lớn của cành cây và nhiều yếu-tố liên-quan khác.

Những đặc-tính mà con người đã thu được trong giai-đoạn ở trên cây nầy rất cần-thiết để tiến-tới văn-minh. Không có những đặc-tính đó người thợ săn không thể bắn tên được, người chiến-sĩ không đỡ được đường kiếm của địch, người đàn-bà không xỏ kim được, và người thợ mộc không thể đóng đinh ngay thẳng được. Nhưng vì một số động-vật cứ ở mãi trên cây nên đã mất dịp phối-hợp các năng-lực của bắp thịt với khả-năng của khối óc và do đó không tiến-theo đường hướng của văn-minh.

Giai-đoạn quan-trọng kế đó là sự rời bỏ rừng cây để trở xuống mặt đất. Đa-số các nhà địa-chất-học và nhân-loại-học đều đồng-ý rằng sự trở xuống đất liền nầy là hậu-quả của một thời-kỳ thay-đổi khí-hậu, có lẽ đã xảy ra ở Á-Châu. Cách đây hai, ba triệu năm, Tây-tạng và các vùng phụ-cận là một miền rừng, thấp, có nhiều nước. Rồi đời sống càng ngày càng khó-khăn hơn, khoảng cách giữa cây-cối càng xa hơn, cây có trái cũng hiếm hơn, và nhiều nơi

uống nước trở nên khô-cạn. Những hoàn-cảnh mới nầy là hậu-quả của sự khô-khan gây nên bởi sự hình-thành của núi Hy-mã-lạp-sơn và những núi lớn khác. Khí-hậu càng khô-khan thì rừng cây càng thưa hơn và có vẻ như là vườn cây trái, có rất nhiều cỏ và khoảng trống giữa các lùm cây. Địa-thế đó, trừ phi có gì chen vào làm trở-ngại, rất thuận-tiện cho các loài ăn cỏ đến sinh sống như trừu, dê, ngựa, và trâu bò. Những con thú nầy, nhứt là khi còn nhỏ, cung-cấp nhiều thịt nên nuôi-dưỡng rất nhiều động-vật ăn thịt to lớn như chó sói, sư-tử, cọp, báo, v.v...

Trong địa-bàn sinh-hoạt của mình, tổ-tiên của ta đã đương đầu với một trong những sự chọn-lựa quyết-định thỉnh-thoảng cứ xảy ra suốt dọc theo quá-trình tiến-hóa. Có nên ở lại với rừng cây quen-thuộc mà ranh-giới càng ngày càng lùi về phía nam, hay thử sống một nếp sống mới ? Có nên tìm thức ăn mới và đương đầu với những nguy-cơ mới ? Dĩ-nhiên sự chọn-lựa tùy-thuộc vào thể-chất của động-vật. Những con nào không khác mấy với tổ-tiên của chúng sẽ phải ở lại với rừng cây cũ. Những con nào đã tiến-bộ hơn thì có thể tách-rời để sống trong hoàn-cảnh mới. Nhiều con có lẽ đã diệt-vong vì không thích-ứng được với môi-trường mới mà đã rời địa-bàn cũ. Đời sống mới nầy đòi-hỏi động-vật phải đi trên mặt đất vì ngoài những lùm nhỏ, cây-cối bây giờ xa nhau quá nên không thể chuyền từ cành nầy qua cành nọ được. Khí-hậu càng trở nên khô-khan thì các giống viên-nhân (anthropoides) càng ăn thịt nhiều hơn, như thịt sơn-dương, chim, các thứ gặm nhấm. Đồng-thời để thay-thế trái cây rừng, chúng ăn các hột khô của cốc-loại. Ngoài ra chúng cũng phải đề-phòng nhiều hơn trước vì các động-vật ăn thịt cũng ăn cả giống viên-nhân (anthropoides) như bao nhiêu con mồi khác.

Người ta đã đưa ra giả-thuyết rằng khả-năng dùng gậy-gộc, đá và những khí-giới khác để giết thú mồi là bước đầu dẫn đến sự xử-dụng khí-cụ. Những viên-nhân nào mà

khối óc và đôi tay đã thu-thập được khả-năng đó sẽ có đủ điều-kiện hơn để tự-vệ và bảo-vệ con chống lại các thú rừng và để tìm thức ăn nữa. Núi càng nhô cao và loại bỏ ảnh-hưởng của đại-dương thì loài viên-nhân càng phải đương đầu với một mùa khô lâu-dài. Vì vậy chúng phải đi xa hơn nữa để tìm thức ăn và nước uống, và phải cẩn-thận hơn, khôn-ngoan hơn mới tránh được nguy-hiểm.

Đến đây chúng ta va-chạm phải những vấn-đề bối-rối nhứt trong lãnh-vực của tiến-hóa. Đây là những vấn-đề thuộc các giai-đoạn của văn-hóa và tiền-nhân-loại. Khi thủy-tổ loài người leo lên cây thì đã có những đột-biến (mutations) xảy ra cho bàn chân, chân, mắt, vị-trí tương-đối của tạng-phủ, và nhứt là thần-kinh-hệ và óc. Rồi khi những con viên-nhân đó trở xuống đất thì những đột-biến khác lại xảy đến làm thay-đổi hình-dạng của chân và bàn chân, vị-trí của tạng-phủ, đường cong của xương sống, và nhiều đặc-điểm khác. Quan-trọng hơn hết là những thay-đổi tương-xứng đã xảy ra trong óc-não và thần-kinh-hệ. Tất cả những đột-biến nầy đều kéo theo hằng trăm thay-đổi sinh-lý khác, hằng ngàn nữa là đàng khác nếu ta kể đến các nhóm tế-bào. Rất nhiều những biến-đổi nầy vẫn chưa hoàn-thành, nên vết-tích của vị-trí cũ vẫn còn đó. Tuy-nhiên nhìn một cách tổng-quát thì tất cả những biến-đổi nầy được phối-hợp một cách rất tinh-xác nên nếp sống mới rất hữu-hiệu. Sự phối-hợp tổng-quát nầy giữa các biến-đổi đã xảy ra nhiều lần trong lịch-sử tiến-hóa. Nó đã xảy ra khi thủy-tổ của ta trở thành động-vật có xương sống, khi chúng có máu nóng, khi chúng thành loài có vú, khi chúng leo lên cây, khi chúng trở xuống đất liền, và cứ thế suốt thời-gian tiến-hóa.

Vấn-đề là sự phối-hợp đó có phải đã xảy ra như là hậu-quả của những sự đột-biến hoàn-toàn tùy-thuộc ở ngẫu-nhiên, hay là ta nên giả-thiết rằng trong vũ-trụ có một kế-hoạch tiến-hóa đã an-bài nào đó ? Nếu quả có một kế-hoạch như thế thì nó hoạt-động như thế nào hiện nay ?

Nhờ hoạt-động sáng-tạo văn-minh và phát-triển cơ-khí của mình, nhân-loại đã thay-đổi môi-trường của mình một cách triệt-để gần như những thay-đổi địa-chất như sự hình-thành lục-địa và biến-đổi khí-hậu. Một ngày nào đó sự-kiện nầy có dẫn đến sự thay-đổi sinh-vật nào cho con người không? Hay là sự thay-đổi về sinh-vật của con người đã bị khả-năng xử-dụng khí-cụ của nó chấm dứt rồi? Đây là những vấn-đề mà chúng ta cần suy-nghĩ đến mặc dầu chưa giải-quyết được.

Dưới đây, chúng ta sẽ xét đến khả-năng sáng-tạo văn-minh của Homo sapiens, tức là chủng-loại con người của chúng ta, và xét xem về mặt vật-chất con người đã ngừng tiến-hóa chưa.

Chúng ta đã theo-dõi quá-trình tiến-hóa dẫn đến sự sự xuất-hiện của chủng-loại Homo sapiens. Dĩ-nhiên chúng ta không xét đến các giai-đoạn trung-gian như người Java, người Pekin, người Neanderthal, người Cro-Magnon, v.v., vì sự khảo-sát nầy thuộc lãnh-vực của nhân-loại-học và là một đề-tài phong-phú riêng-biệt. Chúng ta sẽ bằng lòng, trong một phạm-vi khiêm-tốn hơn, với việc tra-xét về mối tương-quan giữa sự cấu-tạo và chức-phận sinh-vật của loài người với khả-năng vươn tới văn-minh của nó.

Chủng-loại người mà chúng ta nói đến nơi đây là loài Homo sapiens, tức là loài người của chúng ta, khác với các hình-thái nhân-loại kia đã xuất-hiện trước chúng ta. Các hình-thái nhân-loại nầy khác nhau về nhiều phương-diện hơn cả sự khác-biệt giữa ngựa và ngựa rằn hay lừa nữa. Sự khác-biệt giữa các loài người quan-trọng nhứt là ở khối-lượng của bộ óc, và ở trình-độ phát-triển của các phần của bộ óc đó với những công-năng chuyên-biệt của chúng. Homo sapiens khác với các loài khác ở chỗ đã phát-triển khu-vực suy-nghĩ của bộ óc đến cao-độ. Chính sự phát-triển nầy đã giúp con người vượt lên được khỏi trình-độ của các viên-nhân khác.

Có khả-năng tồn-tại nhiều hơn hết là những loài thú và các loại văn-hóa đã theo một chiều-hướng tổng-quát. Các loài thú và loại văn-hóa đó có rất nhiều đức-tính có thể khai-triển được. Chúng không phát-triển thái-quá theo một đường-hướng nào mà chỉ phát-triển theo chiều-hướng của tiến-hóa thôi. Con người là một sinh-vật không chuyên-biệt. Bộ tiêu-hóa của nó có thể hoạt-động với bất cứ loại thực-phẩm nào. Ta chỉ cần nhìn chung-quanh cũng đủ thấy con người quả là hỗn-thực. Nó ăn từ con rắn, con đuôn cho tới rau cải, cốc-loại và những thịt thú to lớn khác. Thật là khác hẳn với các loài thú khác chỉ ăn chuyên một loại thực-phẩm nào đó thôi. Về nơi trú-ngụ thì con người cũng có phần tự-do hơn động-vật khác. Chúng ta không phải mang mãi cái nhà mình trên lưng như con ốc chẳng hạn. Dù không có sẵn dụng-cụ, ta cũng có thể cất được những nơi trú-ẩn bằng cỏ tranh trong đồng cỏ, bằng đất bùn ở đồng bằng, bằng nhánh cây trong rừng, bằng đá trong núi, và bằng tuyết hoặc da thú gần miền bắc-cực.

Có người nghĩ rằng da chúng ta không có sự bảo-vệ của lông là một điều bất-lợi. Nhưng chính đó mới là ưu-điểm của ta. Vì ta có thể thêm bớt áo-quần dầy mỏng là có thể chịu-đựng được mọi khí-hậu. Trái lại con gấu ở trên địa-cực có lông dầy nên rất khổ-sở nếu phải sống vào mùa hè ở vùng ôn-đới, và có lẽ sẽ chết nếu phải sống ở miền nhiệt-đới. Con voi tuy có da dầy có thể bảo-vệ nó chống lại côn-trùng trong rừng nhưng vì lông ít nên cũng không thể sống trong những vùng nhiệt-độ thấp được.

Tứ chi của con người cũng chứng-minh cho thấy một phát-triển không chuyên-biệt có giá-trị hơn một phát-triển chuyên-biệt. Nếu kể như là vũ-khí thì đôi bàn tay không của chúng ta là vũ-khí tồi khi so-sánh với móng ngựa, sừng bò mộng hay móng cọp. Tuy-nhiên bàn tay của chúng ta cử-động rất tự-do để đẩy, kéo, đập, xé, cầm, v.v. Và nếu có cầm một dụng-cụ trong tay, con người có thể làm tất cả những cử-động của các chân thú và làm hơn thế

nữa. Nó có thể thực-hiện hàng ngàn công-việc tinh-vi mà vòi voi hay ngón tay khỉ không làm được. Nghĩ cho kỹ thì bàn tay con người chuyên cầm nắm một cách tổng-quát nhưng không chuyên về một loại cầm nắm nào hay một hoàn-cảnh nào.

Đôi chân của con người cũng thế. Trong lúc đôi chân trước của con yak (loại bò lông dài ở Tây-tạng và Trung-Á) có khả-năng thử sự trơn-trợt của đá sỏi trên triền Hy-mã-lạp-sơn thì đối với con lạc-đà cũng chính đôi chân đó là một bất-lợi đáng kể. Lạc-đà có loại chân riêng-biệt của nó, bàn chân to và nhiều thịt như cao-su. Nhưng đôi chân nầy sẽ trơn và trợt trên bùn hay tuyết và có thể nguy-hại đến tánh-mạng. Trái lại chân con người có thể đi trên mọi địa-thế, trên đá trơn, trên cát cũng như trên bùn và tuyết.

Một ví-dụ khác về sự linh-động về sinh-lý con người là sự tương-đối khỏi bị lệ-thuộc vào mùa sinh-sản.

Trong đa-số các loài thú, sự hấp-dẫn hỗ-tương và giao-hợp chỉ xảy ra trong một mùa ngắn và nhứt-định. Dĩ-nhiên có lẽ lý-do là vì trong mùa đó những thú con được thụ-thai có nhiều may-mắn để sống-sót hơn trong những lúc khác trong năm. Tổ-tiên ta xưa kia dĩ-nhiên cũng đã bị lệ-thuộc vào sự tăng-giảm theo mùa nầy của khả-năng sinh-sản. Nhưng văn-minh đã làm cho con người ngày nay được tự-do hơn trong sự thụ-thai, vì bản-năng tình-giao của con người hoạt-động suốt năm thay vì chỉ vào một thời-gian nào đó thôi. Đó là một khuynh-hướng nòng-cốt của văn-minh. Nếu không có nó, có lẽ đàn ông sẽ bỏ mặc đàn-bà và trẻ con tự lo lấy sự sống còn trong nhiều tháng mỗi năm, như ta đã quan-sát thấy ở nhiều loài thú khác. Một nhà khoa-học đã nhận thấy rằng trong mùa sinh-sản, con dã-nhơn đực chịu để cho con cái chia thức ăn mà trong mùa khác nó đã giành lấy một mình. Nhà khoa-học nầy còn cho sự-kiện đó là sự manh-nha của lương-tâm. Riêng về loài người thì người đàn-bà tuy đã bị

đàn ông ngược-đãi nhiều nhưng luôn-luôn họ tìm cách giữ người đàn ông bên cạnh họ mãi để cung-cấp thức ăn và che-chở họ và con họ. Ta có thể tưởng-tượng rằng nếu con người lệ-thuộc vào mùa giao-hợp thì hai phái nam-nữ có khi ít ở lâu với nhau đủ để thành-lập gia-đình. Dĩ-nhiên gia-đình là nền-tảng của xã-hội. Nó đòi-hỏi sự hợp-tác, thích-ứng, phân-công và hy-sinh cho nhau giữa những thành-phần chánh là vợ, chồng và con-cái. Từ gia-đình xuất-phát hành-vi luân-lý và quan-niệm đạo-đức, cũng như những giai-đoạn phôi-thai của việc giáo-dục và trị nước. Tất cả những điều lợi đó sẽ biến đi nếu hai phái nam-nữ chỉ quan-tâm đến nhau trong một thời-gian ngắn mỗi năm thôi.

Đến đây chúng ta đã xét qua quá-trình tiến-hóa của con người đến văn-minh trên những bình-diện vật-lý và sinh-vật. Đường-lối tiến-hóa dẫn đến văn-minh quả thật là hy-hữu và duy-nhứt vì nếu có một thay-đổi nhỏ-nhặt nào trong các điều-kiện vật-lý và sinh-vật thì có lẽ chúng ta không thấy văn-minh ở trạng-thái của nó ngày nay được. Nhìn về tương-lai chúng ta còn câu hỏi nầy mà chúng ta vẫn chưa trả lời dứt khoát được : Sự tiến-hóa của con người về mặt thể-xác đã hoàn-tất chưa ? Người ta đã nhận thấy kể từ khoảng 40.000 năm nay, từ lúc Homo sapiens thủy-tổ trực-tiếp của chúng ta xuất-hiện, hình như không thấy con người tiến-hóa gì nữa về mặt thể-xác. Tuy-nhiên trong khoảng thời-gian đó con người đã xử-dụng tay, mắt, và trí-óc mình để chế-tạo không biết bao nhiêu vật-dụng để chế-ngự thiên-nhiên. Và nhờ đó con người đã vượt đến địa-vị của nó hiện-tại. Tất cả những thành-tích của con người chứng-minh sự cao-cả và phẩm-giá của nó trên tất cả mọi loài vật khác, và nếu ta nhìn con người dưới bất cứ khía cạnh nào ta đều thấy nó là một phép lạ. Cuộc phiêu-lưu của con người cho đến nay là cả một bản anh-hùng-ca đẹp và hứng-khởi. Ta có quyền tin-tưởng rằng nếu nó đã vượt muôn ngàn khó-khăn để đạt đến văn-minh thì

nó cũng sẽ có đủ tri-năng để giải-quyết những vấn-đề hiện-tại của nó. Trở về với sự tiến-hóa về sinh-lý của con người thì tuy con người ngày nay đã không thấy có thay-đổi căn-bản nào đối với người Cro-Magnon, đó vẫn chưa phải là bằng-chứng loài người đã ngưng tiến-hóa về mặt thể-xác. Những hoàn-cảnh sinh-hoạt của con người văn-minh có lẽ đã bắt đầu một loạt những đột-biến để thích-ứng nó vào hoàn-cảnh mới, những đột-biến mà hiện chúng ta vẫn chưa hiểu rõ được.

Tại vài nước trên thế-giới, sự hiện-diện của các trung-tâm kỹ-nghệ với khói mù của các nhà máy, của các siêu-đô-thị với nhịp sống gấp-rút, của thuốc ngừa thụ-thai, đã làm cho sự sống còn của một số người nào đó trở nên khó-khăn hơn. Ví-dụ, bịnh ung-thư bao-tử hay đau tim thường chỉ đánh vào những nhà tư-bản sống quá xa-hoa chớ ít khi giết người nông-dân của Á-châu chẳng hạn. Chúng ta thấy rằng yếu-tố văn-hóa sẽ ảnh-hưởng rất mạnh đến sự tiến-hóa, có lẽ còn mạnh hơn cả yếu-tố vật-chất của khí-hậu và hình-thể mặt đất, hay yếu-tố hóa-học của đại-dương và nguyên-sinh-chất, và yếu-tố sinh-vật của động-vật và thực-vật nữa. Nhờ yếu-tố văn-hóa mà những khả-năng con người được kết-hợp lại với nhau để biến-đổi mặt đất trên một qui-mô chưa hề thấy từ xưa đến nay. Cũng nhờ nó mà mỗi thế-hệ đều bắt đầu từ một trình-độ văn-minh cao hơn thế-hệ trước nó, khác với loài thú lúc nào cũng chỉ nằm ở một trình-độ cũ với bản-năng để hướng-dẫn sự sinh-hoạt thôi. Vì con người chiếm một địa-vị hết-sức đặc-thù trong trật-tự thiên-nhiên nên nó là một đối tượng phong-phú để tra-hỏi và tìm hiểu. Một kiến-thức thấu triệt về con người sẽ giúp chúng ta xây-dựng một thế-giới trong đó thông-cảm thay-thế cho thành-kiến, tình-thương thay-thế cho hận-thù, tình nhân-loại thay-thế cho bạo-tàn. Bởi lẽ đó mà con người trước ngưỡng cửa của không-gian cần trở về tìm hiểu lấy mình, đem sự khiêm-tốn ước-định lại vị-trí của mình, và tránh cái tội-lỗi khổng-lồ của

kiêu-hãnh có thể đưa chính mình đến diệt-vong. Tương-lai nhân-loại tùy-thuộc ở chính nó. Con người hiện đang nắm trong tay quyền-năng tiêu-diệt cả thế-giới, ta có bổn-phận cầu-nguyện cho những Hitler đừng bao-giờ trở lại địa-vị lãnh-đạo những cường-quốc quân-sự. Và vì không ai chiếm được độc-quyền sự-thật, ta không bao giờ dừng chân trên con đường đi tìm chân-lý để bảo-vệ sự toàn-vẹn của văn-minh.

LÊ DUY-TÂM

Giá trị ĐẠO ĐỨC của truyện Lục Vân Tiên

● Bài của AN CƯ

Chủ đích của Truyện Lục Vân Tiên, Nguyễn Đình Chiểu nêu lên rất rõ rệt, là truyền bá đạo đức, hay nói đúng hơn, là chấn chỉnh đạo đức, đạo đức ở đây lại là đạo « tam cương ngũ thường ». Chúng ta hãy nghe mấy câu trong lời mở đầu dưới đây :

— Trước đèn xem chuyện Tây minh
Gẫm cười hai chữ nhân tình éo le
Hỡi ai lẳng lặng mà nghe
Dữ răn việc trước, lành dè thân sau
Trai thời trung hiếu làm đầu
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình.

Đọc kỹ Truyện Lục Vân Tiên, chúng ta thấy Đồ Chiểu biện minh *đúng sách vở thánh hiền* và đầy đủ đạo « quân thần, phụ tử, phu phụ và nhân nghĩa lễ trí tín » qua việc và hành động của các nhân vật bày tỏ trong lời thơ. Chúng tôi không đặt câu chuyện bình dân nầy trong khung cảnh hiện tại mà gắn trở vào trạng huống xã hội và lịch sử lúc bấy giờ là thời Nguyễn Đình Chiểu để thẩm xét đạo « tam cương ngũ thường » có gây được tác dụng như tác giả kỳ vọng không ?

HÀNH TRẠNG TRUYỀN ĐẠO CỦA KHỔNG TỬ

Sanh thời, Khổng Tử đem đạo lý truyền bá từ nước Lỗ, quê hương của Ngài, đến nhiều nước khác. Đến đâu, Ngài cũng bị ruồng

rẫy, chua chát. Khổng Tử thường than với Tử Lộ, Tử Cống, Nhan Hồi... khi thấy các đệ tử nầy tỏ vẻ bất mãn : « Thi văn : Phỉ hủy phỉ hồ, suất tuần khoáng dã. Ngô đạo phi da ? Ngô hà vi ư thử ? » nghĩa là Kinh Thi nói rằng một con vật không phải là con tê giác cũng không phải là con hổ, dẫn một bầy đi trên đồng. Có phải tại đạo ta không đúng, mà thú dữ dị hình xuất hiện hay sao ? Tại sao ta phải đến như thế nầy ?

Trước câu nầy, Tử Lộ nói : « Chúng ta chưa đạt được đức NHÂN, nên người không tin cậy chúng ta ; chúng ta bất TRÍ, nên người không cho chúng ta là phải, là đúng ». Có lẽ Tử Lộ muốn nói rằng chúng ta tự cho là NHÂN, tự cho là TRÍ, chúng ta có chủ quan chăng ?

Cũng trước câu nầy, Tử Cống nói : « Đạo của Phu Tử rất lớn, nên thiên hạ không dung được Phu Tử, Phu Tử không bớt chút ít đi ? » Có phải Tử Cống nhắc khéo Khổng Tử là đạo của Ngài không thiết thực, trên tầm tay của con người.

Còn cũng trước câu nầy, Nhan Hồi nói : « Đạo Phu Tử quá lớn, nên thiên hạ không dung, dầu vậy, Phu Tử đem đạo ra thực hành, thiên hạ không dung, có can hệ gì ? » Ý Nhan Hồi lại bất chấp thái độ của người đời đối với đạo Khổng. Có phải Nhan Hồi nói miễn là đúng thì cứ làm hay Nhan Hồi vừa vuốt Khổng Tử vừa lưu ý Khổng Tử là đạo của Ngài quá lớn nghĩa là không thiết thực, phải duyệt lại ?

Tóm lại chúng ta thấy gì nếu không phải là chính các môn đệ của Khổng Tử không tin hẳn đạo của Ngài và có những ý kiến rất tương phản với nhau ?

Ngoài ra người đương thời có nhiều kẻ tỏ ra không tín cẩn Khổng Tử, không tin tưởng đạo của Khổng Tử : Từ ấp Diệp về nước Thái, giữa đường gặp Trường Tự và Kiệt Nịch đang cầy ruộng, Khổng Tử sai Tử Lộ đến hỏi bến đò.

Trường Tự hỏi : « Người cầm cương trên xe là ai ? » Tử Lộ nói : « Là Khổng Khưu ». « Có phải Khổng Khưu nước Lỗ không ? » Trường Tự cố tình hỏi vặn. Tử Lộ đáp : « Thưa phải ». « Vậy ông ta nhứt định phải biết bến đò ở đâu rồi ». Nói rồi, Trường Tự nín lặng, không nói thêm gì nữa.

Kiệt Nịch hỏi : « ông là ai ? ». Tử Lộ đáp : « Tôi là Trọng Do ». Kiệt Nịch tiếp : « Có phải ông là môn đệ của Khổng Khưu không ? ». Tử Lộ lễ phép : « Dạ phải ». Kiệt Nịch nói tiếp, giọng nghe gắt : « Thiên hạ đều loạn, ai đến thay đổi được chiều hướng (biến dịch) ? Ông theo kẻ sĩ tránh người (tị nhân chi sĩ), sao không theo kẻ sĩ lánh đời (tị thế chi sĩ) ? » Rồi tiếp tục cầy cấy, không cho biết bến đò ở đâu.

Lời trách cứ của Kiệt Nịch không phải vô căn cứ : Năm 35 tuổi, gặp nước Lỗ có nội loạn, Khổng Tử đến Tề làm gia thần cho Cao Chiêu Tử. Lúc Ngài 56 tuổi đang nhiệp hành nhiệm vụ tể tướng, thấy vua tôi nước Lỗ hoang dâm, nhận mỹ nữ của nước Tề, Khổng Tử bỏ Lỗ đi Vệ, rồi lại đi Trần. Có lần Khổng Tử lại tỏ ra nhỏ nhen, Tử Cống hỏi Khổng Tử : « Kẻ nhân thần ngày nay, ai là người hiền ? ». Khổng Tử đáp : « Ta không biết có ai ; xưa thì nước Tề có Bào Thúc, nước Trịnh có Tử Bì là người bầy tôi hiền ». Tử Cống hỏi vặn : « Thế thì nước Tề không có ông Quản Trọng, nước Trịnh không có ông Tử Sản ? » Khổng Tử nói : « Tứ, theo ý anh, tiến cử người hiền là hiền hay dùng sức mình là hiền ? » Tử Cống đáp : « Tiến cử người hiền là hiền ». Khổng Tử nói : « Phải. Ta nghe nói Bào Thúc tiến cử ông Quản Trọng, còn Tử Bì tiến cử ông Tử Sản, chớ chưa nghe nói Quản Trọng và Tử Sản tiến cử người khác nữa ». Khổng Tử cho thấy là không ai tiến cử Ngài với các quốc quân, Ngài chua xót về điều đó.

Tóm lại, thường nói : « Quốc gia lâm nguy thất phu hữu trách » ; Khổng Tử hễ gặp quốc gia hữu sự thì Ngài « giong mất ». Không được các đấng quân vương tin dùng, thì Ngài lấy làm đau xót không được tiến cử, vậy có xứng đáng là có lượng cả của một bực thánh hiền không ?

Hơn nữa suốt đời Khổng Tử chạy theo bọn quân vương phong kiến, mong được bọn phong kiến nầy tín nhiệm và thỉnh dùng, thử nghĩ trong tình trạng nầy Khổng Tử không làm sao không xu phụ theo quyền hành và quyền lợi của bọn thống trị nầy được. Một bữa nọ, Khổng Tử đi trước, Tử Lộ theo sau, gặp một cụ già đang cắt cỏ, Tử Lộ hỏi : « Cụ có thấy Phu Tử không ? ». Cụ già đáp : « Tay chân ta không cần mẫn, ngũ cốc ta phân biệt không

được, làm sao biết được ai là Phu Tử ». Rồi cụ già tiếp tục cắt cỏ. Chúng tôi tưởng rằng miệt thị đến thế là cùng, không làm sao hơn nữa.

Trong bài thơ « Lư Sơn Dao Ký Lư Thị Ngự Hư Châu », Lý Thái Bạch mở bằng câu « ngã bổn Sở cuồng nhân, Cuồng ca tiếu Khổng Khưu » nghĩa là ta vốn người điên nước Sở, Làm bài ca điên cười Khổng Khưu.

Qua đoạn trình bày trên đây, chúng ta thấy lúc sanh thời, Khổng Tử không được người đương thời tín cẩn như Trường Tự, Kiệt Nịch và cụ già cắt cỏ đã bày tỏ. Vả lại mấy lần Khổng Tử tỏ ra có thái độ vô trách nhiệm, mỗi khi quốc gia hữu sự. Như vậy thử nghĩ đạo lý do Ngài chủ trương có tác dụng ảnh hưởng lớn cho xã hội đương thời không. Chắc hẳn là không nhiều như người ta đã tưởng tượng và vẽ vời.

Ngoài ra theo bài « Nguồn gốc của đạo tam cương ngũ thường » mà chúng tôi trình bày kỳ trước, thì cái mà người ta gọi là đạo lý Khổng chẳng qua là sản phẩm do sự cấu kết quyền lợi của giai cấp nho sĩ và từng lớp quân vương thống trị tạo ra. Đấng quân vương có mấy khi biết đến noi theo tam cương ngũ thường, điều chỉ bắt buộc đối với muôn dân mà thôi. Nhà vua hoang dâm thì không sao, mà người con gái không chồng có chửa thì bị đem đi « trấn nước » cho đến chết. Bọn nho sĩ và vua chúa ngụy biện rằng tài sản của người dân và chính người dân đều thuộc quyền sở hữu của đấng quân vương, cho nên bọn vua chúa sử dụng tùy sở thích. Còn người dân lấy chút gì của người khác thì bị cáo là bất lương, có thể bị nhiều cực hình vô nhân đạo như bị chặt tay hay đánh đòn đến tan xương nát thịt. Do đó thành ra đạo Khổng được dựng ra cho người dân theo, còn bọn thống trị thì được « miễn dịch ». Như vậy mưu tính lấy đạo lý Khổng huấn xã hội bất quá chỉ là một ảo tưởng xa vời, nếu không muốn nói đó là một công cụ áp chế tinh thần người dân.

GIÁ TRỊ ĐẠO LÝ THỜI NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Đầu thế kỷ 19, nền văn hóa Á châu nói chung và nền đạo lý Khổng nói riêng phải trải một cuộc thử thách cam go, cuối cùng

bị đánh bại, ít ra là tạm thời. Nhà Nguyễn nếm ba lần nhục nhã sự thi oai của các khẩu súng đồng Pháp : Lần thứ nhứt, ngày hai mươi bảy tháng giêng năm Quí Mão (25-2-1843), chiếc tiểu hạm L'Héroine do Favin L'Evêque cai quản, xồ đại bác thị oai trước trước cửa Hàn (Đà Nẵng). Vua Thiệu Trị chỉ biết uất hận một cách bất lực. Lần thứ nhì tháng tư năm Ất Tị (tháng 5-1845), contre-amiral Cécile lại ra lịnh sai capitaine Fortier du Plant đem chiếc tiểu hạm Alemene đến trước cửa Hàn cho nổ súng đồng thị oai nữa Lần thứ ba, ngày hai mươi chín tháng hai năm Đinh Vị (14-4-1847) capitaine Lapierre dẫn chiếc trung hạm La Gloire, còn Rigault de Genouilly đem chiếc trung hạm La Victorieuse đồng đến cửa Hàn bắn tan hạm đội nhà vua Nguyễn. Thiệu Trị chỉ phẫn nộ, không biết làm gì hơn.

Rồi lần lần các nhà vua Nguyễn đầu hàng bọn thực dân Pháp, khi toàn cõi Việt nam lọt vào tay họ. Còn các nho sĩ như Phan Thanh Giản thì tuẫn tiết, Tôn Thọ Tường, Hoàng Cao Khải chạy theo giặc, Phan Văn Trị thì chưởi đồng, Huỳnh Mẫn Đạt rút về ở ẩn, Đề Thám, Phan Đình Phùng, Nguyễn Duy Dương, Thủ Khoa Huân kháng chiến một thời kỳ rồi cũng tan rã. Nhà vua và các nho sĩ không lôi cuốn được nhân dân. Đạo lý Khổng không còn đủ uy quyền bắt buộc nhân dân vâng lời vua chúa cùng bọn quan triều như ngày trước nữa. Đạo lý Khổng hoàn toàn bất lực trước sức mạnh của súng đồng khi thiếu hẳn hậu thuẫn quần chúng. Chúng ta nguyền rủa hành động của tên Trương Quang Ngọc bắt vua Hàm Nghi giao cho Pháp và hành động của tên đội Tấn bắn chết Trương Định, nhưng xét cho kỹ, biết đâu những hành động phản bội đó lại không phải là những phản ứng tâm lý tất nhiên do sự kềm chế của nền đạo lý Khổng chất chứa lâu ngày làm phát sanh. Bấy giờ đạo lý Khổng, mất thế dựa của quyền lực phong kiến, chỉ còn là những nguyên tắc cứng đờ, không còn được ai theo nữa. Tiếng kêu :

— Trai thời trung hiếu làm đầu
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình

hầu như tan biến trong đêm khuya vắng lạnh. Nhiều nhà nho kêu gào như Đồ Chiểu, nhưng tuyệt vọng. Trong bài « Cảm hoài », Phan văn Trị viết.

— Trung trinh dốc trọn đạo tôi dân.

Bùi Hữu Nghĩa tức Thủ khoa Nghĩa viết trong bài « Quan Công »

— Tấm son tôi chúa đuốc chong cao.

Thủ khoa Huân viết trong bài thơ « Tuyệt mạng » bằng chữ Hán

— Vũ trụ trường khan tiết nghĩa lưu.

mà cụ Phan Bội Châu dịch là

— Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ.

Tất cả bao nhiêu lời trung liệt đều rơi rớt trong sự thản nhiên dày đặc của nhân dân. Dĩ nhiên cũng có một số người lo chống ngoại xâm, bỏ qua những điều xấu xa do vua quan tạo ra, nhưng số người nầy không được đông.

GIÁ TRỊ ĐẠO LÝ TRONG TRUYỆN LỤC VÂN TIÊN

Đọc truyện Lục Vân Tiên, người đọc có cảm giác như đọc truyện Phan Trần, truyện Hoa Tiên..., tóm lại như đọc một truyện tiểu thuyết vào một, hai thế kỷ trước. Trước những nhà nho đầu giặc như Hoàng Cao Khải, Tôn Thọ Tường..., trước nếp sống mới « tối rượu sâm banh sáng sữa bò » và trước những cảnh « chồng chung vợ chạ, kìa cô Bố ; đầu lạy, quan xin, nọ chú Hàn » hoặc trước những cảnh « nhà đâu lỗi phép con khinh bố ; mụ nọ chanh chua vợ chưởi chồng » hoặc nữa trước những cảnh « vợ lăm le ở vú, con tấp tểnh đi bồi », Nguyễn Đình Chiểu thật thà đem những nguyên tắc đạo lý cổ truyền ra mong lôi kéo lại tinh thần dân tộc cho khỏi bị xuống dốc. Cụ đem những ông quán, ông tiều, ông ngư nêu làm gương cao thượng tự gác thân ngoài vòng danh lợi như chính bổn thân của cụ.

Một cách tích cực hơn, Đồ Chiểu mơ ước có một Kiều Nguyệt Nga chịu hy sinh « sắc tướng » của mình bằng cách cống Hồ thì làm cho giặc lui binh. Cụ Đồ có biết đâu cuộc xâm lược của Pháp là quốc sách tìm thuộc địa để nuôi mẫu quốc, chớ không phải thứ lấy đất do tham vọng cá nhân của các vua chúa Á đông ngày trước nữa. Một lần khác cụ Đồ mơ tưởng đến « nửa đêm nằm thấy ông tiên ; đem cho chén thuốc mắt liền sáng ra », rồi Vân Tiên cùng Hớn Minh đánh dẹp giặc Ô Qua dễ như giỡn cợt.

— Hớn Minh ra sức tiên phong
Đánh chàng Hỏa Hổ, Thần Long một hồi
Hớn Minh đánh xuống một roi
Hai chàng đều bị một hồi mạng vong.

Còn Vân Tiên « đầu đội kim khôi »

— Truyền đem máu chó đều thoa ngọn cờ
Ba quân gươm giáo đều dơ
Yêu ma xem thấy một giờ vỡ tan
Sa cơ Cốt Đột chạy hoang
Vân Tiên giục ngựa băng ngàn đuổi theo.

Trời lại giúp vận cho Vân Tiên, khiến cho Cốt Đột

— Chạy ngang qua núi Ô sào
Phút đâu con ngựa sa hào, thương ôi
Vân Tiên chém Cốt Đột rồi
Đầu treo cổ ngựa phản hồi bổn quân.

Dầu có mù lòa, Nguyễn Đình Chiểu vẫn nghe nói đến những Cốt Đột Pháp bấy giờ là những Rigault de Genouilly, những thiếu tướng Page, những trung tướng Charner... mà « đánh xuống một roi » thì có đâu dễ dàng « một hồi mạng vong », hoặc « thoa chút máu chó » thì có đâu « một giờ vỡ tan ». Vả lại bọn thực dân Pháp đã biết áp dụng chánh trị vào trong mưu đồ xâm lược của chúng, biết dùng những thủ đoạn dụ dân và mị dân, chớ không phải như bọn vua chúa Á đông ngày xưa, khi vào thành vừa chiếm được, thì cho phép binh sĩ chém giết cướp giựt ba ngày ba đêm.

Ngoài ra, hoặc cố ý hoặc vô tình, Nguyễn Đình Chiểu cho thấy đạo lý Khổng lúc bấy giờ không còn uy tín tinh thần đối với người dân nữa : Chỉ có Võ công bị Vương Tử Trực sỉ vả, biết nhục, cho nên

— Võ công hổ thẹn trong lòng
Năm ngày nhuốm bịnh thất tình chết oan.

Còn những hạng như Trịnh Hâm, được Vân Tiên tha chết vì chút máu anh hùng, không có tỏ ra một chút hối hận ngày trước đã hãm hại người tha chết cho mình, đã từng xô Vân Tiên xuống sông, mà Trịnh Hâm chỉ biết hí hửng

— Hâm rằng khỏi giết rất vui
Vội vàng cúi lạy chân lui ra về.

Nói gì đến Võ Thể Loạn và mụ Quỳnh Trang vô liêm sỉ đến độ không tưởng tượng được, ở bạc với Vân Tiên a tòng vào việc giết Vân Tiên, giờ đây lại mưu toan dùng nhan sắc để rủ quyến Vân Tiên. Chúng ta hãy nghe hai mẹ con bàn bạc :

— Cùng ta xưa có ân tình
Phải ra đón rước lộ trình họa may.
Loan rằng mình ở chẳng hay
E người còn nhớ những ngày trong hang.
Trang rằng con có hồng nhan
Cho chàng thấy mặt thì chàng cũng ưa.
Ví dầu còn nhớ tích xưa
Mẹ con ta lại đỗ thừa Võ công.

Đến đây Đồ Chiểu cho thấy nền đạo lý Khổng không tạo được cho con người một chút tình cảm hối hận sau khi làm tội tày trời, người ta có thể nói là đạo lý Khổng đã đến hồi phá sản.

THAY LỜI KẾT LUẬN

Vào đầu thế kỷ 19, các quốc gia láng diềng của Việt nam bắt đầu chuyển mình, duyệt lại toàn bộ quốc sách như văn hóa, chánh trị, kinh tế, giáo dục, đạo lý.

Năm 1851, quốc hội Huê Kỳ chấp thuận nguyên tắc đem hạm đội vào nước Nhựt xin ký thương ước. Năm 1853, thủy sư đô đốc Perry chỉ huy một hạm đội vào hải cảng Yedo, đem thông điệp của Tổng Thống Mỹ xin cho thương gia Huê Kỳ vào đất Nhựt buôn bán.

Vị tướng quân không thuận. Thủy sư đô đốc Perry cho xả đại bác bắn thị oai.

Những phát thần công đó đã đánh thức tỉnh Minh Trị Thiên Hoàng và toàn dân Nhựt. Quốc gia Nhựt bắt đầu duy tân, duyệt xét lại toàn bộ quốc sách cho thích ứng với tình thế mới, có nhiều cải cách táo bạo, áp dụng quân chủ lập hiến dựa trên nguyên tắc phân quyền, thủ tiêu chế độ phong kiến, giải phóng nô lệ, đặt mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, xóa bỏ các giai cấp, tu

chính vấn đề văn hóa giáo dục, phái người xuất ngoại du học, chỉnh đốn kinh tế, khuếch trương công kỹ nghệ, phát triển nghề buôn bán, tối tân hóa quân đội.

Ngoài ra, trong trung tâm của nền văn hóa Á châu cũ là Trung Hoa, cũng có các cuộc vận động duy tân ồ ạt sôi nổi, với những Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu. Có đâu như nước ta, những ý tưởng Nguyễn Trường Tộ không tạo được những phong trào canh tân.

Vào thế kỷ 19, người Việt nam chúng ta vẫn ôm mãi cái di vãng bốn ngàn năm văn hiến, vẫn cố chấp như từ thuở nào, vẫn mộng mị khư khư với đạo lý Khổng bất lực hoàn toàn cả về phương diện tinh thần lẫn vật chất, đã suy tàn...

AN CƯ

Xưởng Kỹ - Nghệ

CHẤN - NGUYÊN

SỐ 817, ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI (CHỢLỚN)

Điện-thoại : số 37.197

CHUYÊN LÀM GIÀY BẰNG NHỰA HÓA HỌC

đủ cỡ từ trẻ con đến người lớn

KIỂU ĐẸP — BỀN TỐT — GIÁ RẺ

ĐỐI CHUYỆN VUI VUI

TRONG VIỆC HỌC SỬ-ĐỊA NƯỚC NHÀ

1) BÁT và CẠY

Đọc bài thơ xưa trong *Đồng-Nai Văn-Tập* quyển 10, dưới tựa « Cây bần », có cặp trạng :

Dòng hầu đặng thế ăn không bữa,
Loại uỷnh nhờ hơi đốt nửa lừng,

chúng ta thấy tác giả thân với cây bần lắm, hiểu rõ cây bần lắm, nếu chúng ta biết rõ « Dòng hầu » và « Loại uỷnh ».

Dòng hầu là giống khỉ ; ăn không bữa là ăn lu-bù, ăn không giờ giấc, ăn không cần « triêu tứ mộ tam hay triêu tam mộ tứ » (1).

Mà tại sao nói đến cây bần là phải nhắc đến giống khỉ ? — Vì ai lại không thuộc hai câu hát nhà-quê :

« Cây bần gie, cây bần ngã..... cây bần quì,
« Cám thương con khỉ đột lấy gì nó ăn !

và

« Tuổi Thân con khỉ ăn bần,
« Chuyền qua chuyền lại té ùm xuống sông.

(1) Ngày xưa, ở Trung-hoa, có người nuôi một bầy khỉ rất khôn. Chủ cho chúng ăn cơm vắt và ra dấu với chúng bằng những ngón tay : « Tao cho chúng bây triêu tứ mộ tam (sáng bốn chiều ba) ». Lũ khỉ thấy ba ít hơn bốn nên không chịu, ré lên và nhăn mặt phản đối. Chủ đổi lại : « Tao cho chúng bây triêu tam mộ tứ (sáng ba chiều bốn) ». Lũ khỉ thấy bốn nhiều hơn ba reo mừng nhảy nhót hoan nghinh.

Ấy vì giống khỉ rất thích trái bần.

Còn loại uỷnh là loài gì ? Loài gì mà có lửa để đốt nửa lừng ?

★

Tôi còn nhớ một hôm, ngày bãi-trường tháng 7 dương-lịch, Ba tôi đem ghe ra tỉnh-lỵ rước anh em tôi, bấy giờ tôi mới 12 tuổi, em tôi 10 tuổi và bấy giờ chưa có xe hơi đò.

Tan học chiều. Chúng tôi xuống ghe ăn cơm nếp với thịt gà kho sả ớt và chờ nước lớn mới xuôi dòng được. Đèn bờ, đèn ghe đã « nổi » đều. Đợi lâu lắm, ghe mới nhổ sào. Mà đường sông dài những hai mươi cây-số...

Đêm đã về khuya. Anh em tôi nôn, trông mau tới nhà nên không ngủ được...

Thỉnh-thoảng có tiếng hô to từ ghe nọ hay ghe kia : « Hoát nghen hôn ! ... Cạy nghen hôn !... »

Rồi ghe đàng nầy đáp lớn : « Hoát đi !... Ờ, Hoát đi ! »

Hay ghe đàng khác trả lời ầm lên : « Cạy phải hôn ?.. Ừa, cạy đi ! »

Và thỉnh-thoảng, người chèo ghe nầy hay ghe khác cất tiếng hò vang và hát êm-dịu mà lãnh-lót những câu đượm tình quê-hương đất-nước...

Người chèo lái ghe chúng tôi — anh Bảy Trực, da đen như Ông Táo (nên gọi là « Anh Bảy » chớ anh thiệt là thứ Ba), có cái chơn mặt suốt năm to như cái ghè từ đầu gối xuống tới bàn chơn, nên chúng tôi quen gọi là « Anh Bảy chưn tượng » — nghe bên ghe nào đó có tiếng « bùi tai » của một « nữ-hò-sĩ », anh liền lấy giọng, anh trêu :

« Cây bần gie bầy đôm-đốm đậu sáng lòe,

« Bởi qua thương em bậu, bởi qua nhớ em bậu, nè bớ em bậu ơi, bởi qua thương qua nhớ, cho nên giữa nửa đêm tăm-tối, *giữa nửa đêm tăm-tối, anh cũng thả bè* mà *anh lội qua sô ... ô ... ông ...*

★

Đêm đã vào khuya, dẫu đã « giữa nửa đêm », Ba tôi vẫn chưa ngủ. Thấy chúng tôi ngồi chong-ngóc ở khoang trước để nghe hò và ngắm cảnh « lửa đốm cụm bần », Ba tôi nằm trong mui nói chuyện đời xưa cho chúng tôi nghe :

« Hai con coi có vô-số đôm-đốm chớp sáng rực ở các cụm bần. Tiếng « bần » nghe không đẹp tai, nhưng có cái tên Tàu rất tốt là « Thủy-liễu », cây liễu ở mé nước. Tên nầy do chúa Nguyễn-Ánh đặt khi ông ăn trái bần với mắm sống rất ngon-lành, do Cai-việc Hạc ở Cồn-Đất dâng cho ông.

Còn con đôm-đốm thì chữ Tàu là *Huỳnh* (1). Nó đã từng giúp ích cho hàn-sĩ. Vì thuở xưa, cũng bên Tàu, có người quá siêng học mà nhà thật nghèo, không tiền mua dầu, ban đêm bắt đôm-đốm bỏ vào một cái đãy bằng vải thưa, để đôm-đốm chớp cho thấy chữ mà học. Về sau, người nầy thành một danh-sĩ : đó là một gương hiếu-học.

Bởi vậy mà Tàu có điển « Nang-huỳnh », nghĩa là « Đãy đốm » (2).»

★

Ba tôi giảng tiếp :

« Còn *Hoát* là cho ghe qua phía cột chèo mũi (bên tay mặt), *Cạy* là cho ghe qua phía cột chèo lái (bên tay trái), mà đúng lý phải nói *Bát* và *Cạy*.

Ngày xưa, ông Nguyễn-Cư-Trinh ở ngoài Huế vào làm quan trong miền Nam, thấy xứ Đồng-nai nhiều sông-ngòi, dân Đồng-nai dùng nhiều ghe-thuyền nên ông truyền ghe

---

(1) Chữ đọc âm, « Huynh », quen đọc là « Huỳnh » (vần Bình) và trong Nam đọc trại ra là « Huýnh » (vần Trắc), cũng có người viết ra « Uýnh ».
Cao-Bá-Quát viết : «... dăm ba ngọn lửa huỳnh khêu nho-nhỏ », trong bài *Tài-tử đa cùng phú*.

(2) Đãy — gần thành tử-ngữ — là cái túi nhỏ. Hồi trước, ở miền Nam, các bà mẹ hay may đãy cho trẻ-em mang ở cổ, để đựng tiền (tiền xưa : xu, điếu, tiền hoẻn) cho khỏi bị mất-mát. Người lớn thì dùng đãy để đựng trầu, thuốc, đi đâu thì mang theo, nên kẻ tay-chơn hầu-hạ thì gọi là kẻ tùy-tùng điếu-đãy. Ta lại còn biết và nói : con già-đãy, ít thấy đầy đãy...

phải « khắc-tự », nghĩa là phải chạm tên và chỗ ở của chủ ghe trên be ghe — như ghe mình đây cũng có « khắc-tự » — để đỡ nạn bị trộm ghe hay dùng ghe đi trộm cướp.

Ông lại truyền đi ghe phải hò nhau « Bát, Cạy », như ngày nay theo luật đi đường, để đỡ tai-nạn đụng-chạm, và khi lỡ có đụng-chạm thì dễ phân ai phải, ai quấy.

Xưa bày, nay theo, nên bây giờ có ghe phải « khắc-tự » và đi ghe phải tuân phép « Bát, Cạy »...

Ba tôi thường thuật chuyện đời xưa như thế cho chúng tôi nghe, gián-tiếp dạy chúng tôi học mà chúng tôi không đè, và chúng tôi nghe mà mê, mà ghiền.

★

2) HOA-NGOẠI ?... TRỜI !

Dạy học-trò thì vui mà cũng ngán. Bọn nhỏ thường hỏi mình nhiều câu « trặc bản họng ». Vậy mà còn dễ chịu hơn bọn lớn, những đứa học-trò cũ mà nay đã học lớp cao.

Lâu-lâu, nhơn ngày nghỉ học, chúng kéo 5, 7 đứa đạp xe hàng 20 cây-số đến nhà thăm và « hạch miệng » tôi nhiều câu « ngoài chương-trình » (vì tôi chỉ đặc-biệt xin được giấy hành-nghề dạy Sử-Địa, Việt-văn ở ba lớp Thất, Lục, Ngũ).

Như một hôm, có mấy cô cậu đến thăm, và hỏi :

— Các cháu chưa học với bác Tư — chúng quen gọi tôi như thế — về Nhà Nguyễn, nhưng nghe Bác Tư biết nhiều về việc Tây-sơn đánh nhau với Nguyễn-phúc-Ánh. Bác Tư cho các cháu biết xem Lê Tả-quân có tật ẩn-cung phải chăng là tật « gia-truyền » ?

Tôi ngơ-ngác đáp :

— Ẩn-cung mà là gia-truyền thì nghe cũng lạ !

Chúng « mách có sách », nên cãi :

— Ấy vì các cháu đọc quyển *Cuộc đời oanh-liệt của Lê-Văn-Duyệt*, thấy soạn-giả nói cụ tứ-đại của Lê Tả-quân lúc bé đi ra ngoài đồng bị chó cắn « cái ấy » của ông cụ nên ông cụ thành ra người ẩn-cung. Soạn-giả có giải nghĩa tật ẩn-cung là gì nữa. Và soạn-giả giảng : « *Sau này Tả-quân Duyệt cũng có di-tướng ấy* (tức tật ẩn-cung). *Vậy là gia-truyền...* »

Tôi nói qua-loa :

— Bị chó « thiến » mất là một cách, còn sanh ra vốn mang tật ẩn-cung là một cách khác. Nếu ông cụ là người ẩn-cung từ bé thì làm sao có con cháu được mà... gia-truyền ? Mà nếu ông cụ có con trước rồi sau mới bị chó « thiến » thì tật ẩn-cung của Lê Tả-quân cũng khó cho là ... gia-truyền.

Chúng còn tiếp :

— Thế mà sau đó soạn-giả còn nhấn mạnh chỗ « phát-minh » của mình bằng lối đệm một câu : « *Vậy ta có thể tin rằng Duyệt có tật ẩn-cung là vì gia-truyền chứ không phải tự-hoạn* ».

Tôi nín thinh, xin chịu.

Chúng vừa cạp bắp nấu, bắp nướng, vừa cười, vừa hỏi thêm :

— Điểm chánh mà các cháu muốn nhờ Bác Tư chỉ-bảo là cũng sách nầy viết rằng Nguyễn-phúc Ánh có đạo binh Hoa-ngoại phụ-giúp, vậy Hoa-ngoại là đạo binh nào, của ai và Hoa-ngoại có nghĩa như thế nào ?

Tôi ngần-ngừ, chầm-rãi trả lời :

— Trong đời dạy học, Bác Tư giữ một điều chánh-yếu là biết thì nói biết, bí thì nói bí, chớ không dám ẩu, e chỉ sai bảo láo thì mang tội. Bác Tư biết các đạo binh giúp Nguyễn-phúc Ánh là *đạo Kiến-hòa* của Võ-Tánh (khởi từ đất Kiến-hòa), *đạo Đông-sơn* của Đỗ-Thanh-Nhơn (1)

(1) Người ta quen đọc và viết « Đỗ-THÀNH-NHƠN » !

(tỏ ra đối-chọi hẳn-hòi với Tây-sơn), *đạo Lương-sơn* của Châu-Văn-Tiếp (khởi từ Lương-sơn, Phú-yên), chưa từng nghe nói đến *đạo Hoa-ngoại* hay *Hoa-nội* nào nên không rõ nghĩa. Xin khất lại, chờ học-hỏi thêm, khi nào biết chắc sẽ phân-giải tận-tường.

★

Chẳng chịu thua. Chúa-nhựt sau, chúng lại kéo đến. Chúng đưa quyển sách mà chúng đã kể trên cho tôi xem.

Dở sách ra. Ngay ở tờ đầu, một trang đóng khuôn trịnh-trọng. Soạn-giả mạnh-bạo viết :

« ...Tả-quân LÊ-VĂN-DUYỆT... đem lại an-ninh, phú-cường cho toàn thể nhân dân trấn Gia-định, tức là miền Nam nước Việt ngày nay.

Vì thế cho nên soạn-giả thiên tiểu-sử nầy mạnh dạn đem nó để kính tặng một Người cũng đã đem lại, trong những giây phút đen tối nhất của lịch-sử nước nhà, an-ninh cho đồng-bào miền Nam nước Việt ; hơn nữa...

Người đó là ai ?

Không cần phải nói tới, chắc bạn đọc cũng đã thừa đoán rằng Người đó là chí-sĩ NGÔ-ĐÌNH-DIỆM, người hướng-đạo anh-minh và... Tổng-Thống đầu tiên của Việt-Nam Cộng-Hòa ».

Lúc học-trò đưa tôi xem quyển nầy là lúc ông Ngô-Đình-Diệm đương làm Tổng-thống. Tôi chỉ tỏ ý-nghĩ :

— Vậy quyển sách nầy ra đời không phải vì lịch-sử nước-nhà cũng không phải vì Lê Tả-quân, mà vì muốn « suy-tôn Ngô Tổng-thống » nhằm hồi đúng lúc.

Một đứa khác lật quyển sách ở trang 14, chỉ và đọc :

« Tháng sáu năm 1782, bọn quân Trung-Hoa (sử gọi là quân Hoa-Ngoại) trước theo Nhạc, nay lại phản Nhạc theo quân Nguyễn.

Trong một trận giao phong giữa quân Nguyễn và Tây-Sơn, một tướng Tây-Sơn tên là Ngạn bị quân Hoa-Ngoại giết... » (1).

Nó ngưng đọc, nói tiếp :

— Lại có chua số (1). Và giải-thích ở cuối trang : *«... Rất căm giận quân Hoa-Ngoại, Nhạc tiến quân... Hơn một vạn quân Hoa-Ngoại vì thế bị giết...»* Và lại có chua rõ xuất-xứ : *« Gia-Định Thống chí. Trịnh-Hoài-Đức »*. Chữ Thống có dấu sắc hẳn-hòi.

Sợ có ai cướp lời, nó nói liền miệng :

— Vậy là Trịnh-Hoài-Đức chép rõ-ràng về đạo quân Hoa-ngoại nầy. Hoa-ngoại chắc hàm ý là quần ngoại-viện từ Trung-hoa sang, phải không Bác Tư ?

Tôi suy-nghĩ vài phút rồi vỗ trán đáp :

— Biết rồi ! Biết chắc-chắn, các cháu ạ ! Biết là nhờ soạn-giả nói do Trịnh-Hoài-Đức kể ra, biết là nhờ soạn-giả nói đó là đạo quân Trung-hoa trước theo Nhạc sau theo Ánh. Các cháu nghe đây :

Chữ « Nghĩa » trong Nam ta đọc là « Ngãi », như ân-nghĩa ra ân-ngãi, Quảng-nghĩa ra Quảng-ngãi... Trên bảng xe đò ở Quảng-ngãi, người ta viết thúc — như « Hớt tóc » ở Sài-gòn ra H O T O C — Quảng-ngãi thành ra Q U Ả N G Ã I.

Vậy đây là đạo quân do tên Lý-Tài chiêu-mộ người Trung-hoa mà lập ra và đặt tên là *Hòa-nghĩa*, cũng đọc là *Hòa-ngãi*, rồi người Pháp viết không dấu thành *Hoa-ngai*, rồi soạn-giả nầy đoán chừng theo ý riêng của mình mà viết đại ra *Hoa-ngoại*, mặc kệ ai muốn hiểu sao thì hiểu, miễn sách ra được với trang « Kính tặng » ở đầu là đủ.

Cả bọn ngả ngửa, đưa tay lên trời, và chúng khẩu đồng từ : « Hoa-ngoại ?... Trời !...»

★

3) KÊU BẰNG ÔNG NỘI !

Lại một hôm. Mấy đứa học-trò cũ khác đưa nhau đến. Chúng ngâm thơ :

Khỏe mắt Hi-Di trời Ngũ-quý,
Nhọc lòng Gia-Cát đất Tam-phân.

Rồi chúng hỏi :

— Thưa Bác Tư, Gia-cát lúc Tam-phân thì các cháu biết là đương hồi đất-nước chia ba (Tam-quốc) thì ông Gia-cát Khổng-Minh « mệt » lắm. Còn đối với ông Gia-cát là ông Hi-Di, vậy ông Hi-Di là ai, ổng hi-sinh chi chi ? Và đối với thời Tam-quốc lúc Tam-phân là thời Ngũ-quý ; vậy Ngũ-quý là thời nào, lúc nào mà gọi là Năm thứ quý hay Năm Quý-báu ?

Tôi cà-rỡn với chúng :

— Hi-Di là... tía đứa nào chưa có tiền đưa cho con đóng tiền trường, lo quá không ngủ được, hoặc đã đóng tiền rồi mà được giấy nhà-trường cho hay đứa nhỏ đến trường mà không chịu học, cứ đùa-nghịch, phải bị cấm-túc hay có thể bị « trả lại cho gia-đình », ổng càng lo quá càng không ngủ được suốt đêm. Sáng ngày, ổng bảo « ông con » chạy lại tiệm thuốc Bắc mua cho ổng vài viên Hi-Di ninh-thần-hoàn để ổng uống đặng an-ninh tâm-thần mà ngủ cho được.

— Vậy Hi-Di là ông thầy Thuốc-ngủ phải không Bác Tư ?

— Đúng vậy. Hi-Di nghĩa là Vui-vẻ và Vui-vẻ. Đó là biệt-hiệu của một ông Tiên, mà là một ông Tiên có tài phi-thường : tài ngủ. Thường-thường ổng đánh một giấc hàng 5, 6 tháng, như trọn một mùa mưa ở xứ Đồng-nai mình và có lẽ ổng còn ngáy như sấm vang mùa hạ.

— Tài thật !

— Vậy mà gặp thời Ngũ-quý loạn-lạc, ông khó ngủ yên, nên ông hay uống rượu. Một hôm hạ san, cỡi lừa đến chợ mua rượu, ông gặp người ta chạy giặc, kẻ cõng con, người dắt vợ... Có một phụ-nữ gia-tài dồn vào một gánh, vừa gánh gánh vừa chạy. Chạy mệt, để gánh xuống nghỉ. Ông nhìn thấy ở hai đầu gánh là hai cái thúng, trong mỗi thúng có một thằng nhỏ... ngủ ngồi. Ông dừng lừa lại, ngó qua. Một thằng nhỏ có bộ mặt lạ : hồng kiểm liên mi, nghĩa là má đỏ và chơn mày dính liền. Xem kỹ thì cả hai đều có tướng đế-vương, và là hai vị vua sẽ đem lại Hòa-bình cho đất nước. Ông vui-mừng quá, ông sung-sướng quá, liệng tung hồ-lô đựng rượu lên không-trung, vỗ tay lu-bù, cười khanh-khách và la như điên : « Hòa-bình tới rồi ! Thái-bình tới rồi ! Mặc-sức cho ta ngủ khỏe » !

Mảng vỗ tay, lỏng buông tay khấu, mảng híp mắt cười vang, ông trật yên... nghe cái ịch.

Vậy mà ông không thấy đau, ông vẫn ngồi dưới đất, vỗ tay, khoa chơn và cười ngặt cười nghẹo.

Bởi thế, ngày nay, trên nhiều tường nhà của người Trung-hoa còn treo bức hình họa lại cảnh-tượng hi-hữu nầy, gọi là tranh « Tiên té lừa », để chào đón Thanh-bình.

Ông đó là Hi-Di tiên-ông, tên thiệt là Trần-Đoàn, cỡ cao số dách ; còn hai thằng nhỏ kia là Triệu Khuông-Dẫn và Triệu Quang-Nghĩa, hai vua đầu nhà Tống, đã chấm dứt chiến-tranh tàn-khốc trong thời Ngũ-quý.

Bọn học-trò cũng cười vang, cười ông Tiên té lừa, mà cũng muốn như ông Tiên... cười đón Thanh-bình. Chúng tranh nhau nói :

— Thích quá ! Ông Tiên nầy vui quá ! Thái-bình thì sung-sướng quá !... Còn Ngũ-quý là sao, Bác Tư ?

— Ngũ-quý à ? Hi-Di mà hiểu như hi-sinh, còn Ngũ-quý mà nghĩ là Năm thứ Quý-báu thì... hết đường tương chao, hư cả sách-vở, và cũng bằng giết cụ Nguyễn-Đình-Chiểu, tác-giả của hai câu thơ trên.

Chữ « Quý » nầy nghĩa là cuối, là rốt, là sau. Có ba chữ đặt ra để chỉ thứ-tự là « mạnh, trọng, quý ». Thí-dụ : mỗi mùa có ba tháng thì tháng đầu là *mạnh*, tháng giữa là *trọng*, tháng chót là *Quý*, như lúc nầy là mùa đông thì *mạnh-đông* là tháng 10, *trọng-đông* là tháng 11 và *quý-đông* là tháng chạp.

Các cháu đã biết rõ chữ « Quý », bây giờ ta tìm hiểu « thời Ngũ-quý ».

Kêu là « thời Ngũ-quý » vì khoảng thời-gian ấy có năm « nhà », tức năm dòng vua, kế-tiếp nhau cai-trị nước Trung-hoa. Đó là *Hậu-Lương*, *Hậu-Đường*, *Hậu-Tấn*, *Hậu-Hán* và *Hậu-Châu*.

Vì năm nhà nầy đều dùng chữ « Hậu » ở trước, mà chữ « Hậu » nghĩa là « sau », nên cả thời-gian nầy gọi chung là « thời Ngũ-quý ».

Thời nầy là thời chiến-tranh khốc-hại ghê-gớm, như một Huỳnh Sào muốn « nên danh », đã khiến đồng-bào của anh ta « xương chất thành núi, máu chảy thành sông ».

Thời nầy cũng là thời không ngớt những vụ tôi giết chúa, em giết anh, cả đến con giết cha để giành địa vị, để củng-cố địa-vị !

Lũ học-trò tức, « xổ nho » :

— Thật là đáng chửi ! Thời chó-má quá !

Tôi tiếp :

— Mà đặc-biệt nhứt là từ xưa đến nay, từ Đông sang Tây, từ Nam chí Bắc, chưa ở đâu và chưa khi nào có việc phi-thường như nhà Hậu-Tấn (1),

Nhà Hậu-Tấn lập ra là do Thạch Kỉnh-Đường, sau khi Thạch Kỉnh-Đường dứt nhà Hậu-Đường.

Mà muốn dứt nhà Hậu-Đường, Thạch Kỉnh-Đường phải rước « bầy voi » Hung-nô về « giày-xéo mả tổ ».

(1) Thời soạn ra *Cựu Đường-thư*.

Lũ nhỏ lại tức, lại « xổ nho » :

— Quân tồi ! Rõ khốn-nạn !

Tôi khoát tay, kể thêm :

— Chưa hết đâu ! Khi « ngoại-bang » Hung-nô giẫm chơn lên đất Trung-hoa thì chúng tha-hồ tàn-sát dân đen con đỏ Hán-tộc và « xách » Thạch Kỉnh-Đường đặt lên ngôi Quốc-trưởng. Rồi đặc-biệt là chúng ỷ công, thẳng tay vơ-vét và... ở ỳ lại Trung-hoa gấm-vóc có mấy ngàn năm văn-hiến.

Thạch Kỉnh-Đường phải biết bao phen nộp vô-số vàng ngọc lụa-là, dâng vô-số mỹ-nữ và phải chịu làm chư-hầu của Rợ Hung-nô, để van xin chúng rút lui lần-lần.

Mà nào đã hết chuyện đâu ! Phi-thường là Thạch Kỉnh-Đường gọi Hung-nô hoàng-đế bằng VUA-CHA (Phụ hoàng-đế) và tự hạ là VUA-CON (Nhi hoàng-đế) ! Nghĩa là ta có thể tưởng-tượng rằng mỗi lần Thạch Kỉnh-Đường dâng sớ lên vua Hung-nô thì viết rất văn-hoa nịnh-bợ mà ta có thể dịch là : « THẰNG VUA-CON hèn-mọn nầy vô-cùng kính-cẩn giập đầu trăm lạy, ngàn lạy, muôn lạy tấu-bẩm với ĐẤNG VUA-CHA... »

Tôi chưa nói hết câu thì con bé N. chụp hỏi :

— Còn Nguyễn-Ánh rước « bầy voi » Tây về giúp làm Quốc-trưởng thì Nguyễn-Ánh kêu vua Pháp bằng gì ?

Bấy giờ, ông Bảo-Đại đương là Quốc-trưởng, tôi e-dè chưa biết trả lời thế nào thì thằng T. chừng như quá tức, hét lên :

— Kêu bằng Ông Nội !

Cả lũ huơi tay múa chơn, rập nhau hô :

— Kêu bằng Ông Nội ! Kêu bằng Ông Nội !

Tôi cũng phải đưa hơi, nho-nhỏ :

— Ừ thì... kêu bằng Ông Nội !

★

4) UÝ CHÀ! ĐỒ CHIEU!

Hồi mới nhom-nhem ba chữ Tàu để tiện việc học-hỏi Sử-Địa nước-nhà, tôi may-mắn được chú Hương-thân Trương-Tấn-Nguơn ở Cái-da — gần nhà cũ của Long-vân-hầu Trương-Tấn-Bửu — cho tôi hai quyển sách chữ Hán. Hai quyển sách mỏng, đã « mềm sườn », nhưng tôi mừng húm : đó là quyển *Văn-Doan truyện* (tức thơ « Thằng Lía »), không có tên tác-giả, in tại Quảng-đông, và quyển *Nam-kỳ lục-tỉnh địa-dư-chí* của Phụng-du-lý Duy-minh-thị, không biết in tại đâu vì đã mất cái bìa, đóng trùm lại bằng tờ giấy bạch có thoa lên trên một lớp nước cau khô ngâm.

Tôi nhờ Thầy Mười Trí ở Cái-mít đọc và giải-nghĩa cho tôi nghe trọn cuốn Địa-dư nầy và lấy làm thích-thú lắm.

Về sau, có bản sao *Gia-định-thành thông-chí* của Trịnh-Hoài-Đức, tôi mới rõ *Nam-kỳ lục-tỉnh* là *Gia-định-thành thông-chí* rút ngắn và tóm rất khéo, lại có thêm nhiều địa-danh mới. Tôi phục ông Duy-minh-thị đã đem sở-đắc mà giúp đoàn hậu-tấn.

Rồi không biết ông bà cô bác hay anh chị nào lại cho tôi một bộ sách khác cũng của Duy-minh-thị : bộ *Thực-lục* (1), nhớ như gồm bốn quyển.

Bộ sách nầy lược-thuật việc mông-trần (2) của Nguyễn-phúc-Ánh ở đất Đồng-nai. Có lẽ nhờ bộ sách nầy mà ông Tân-dân-tử (3) đã soạn ra hai bộ lịch-sử tiểu-thuyết khá hấp-dẫn *Gia-Long tẩu-quốc* (3) và *Gia-Long phục-quốc* (3), có Võ-Tánh lên giàn thiêu, có Võ-Đông-Sơ gặp Bạch-Thu-Hà...

(1) Tôi không nhớ đúng tên sách là *Đại-nam thực-lục* hay *Thực-lục chánh-biên* chi đó, quen gọi tắt là *Thực-lục*.

(2) Mông-trần là chịu nỗi phong-trần, chỉ vị vua lưu-vong.

(3) Tôi không nhớ đúng tên tác-giả và hai bộ truyện của ông.

Nhờ có bộ *Thực-lục* « nhỏ » nầy mà tôi biết còn có bộ *Thực-lục* « lớn », chia ra *Tiền-biên* (trước Gia-Long) và *Chánh-biên* (Gia-Long và các vua sau). Về *Chánh-biên* thì mỗi đời vua chép riêng một Kỷ, như Gia-Long là *Đệ-nhất-kỷ* (60 quyển và 1 quyển thủ), Minh-Mạng là *Đệ-nhị-kỷ* (202 quyển (?))... Hồi trước, có lẽ ở nước ta có hai chỗ có trọn bộ *Thực-lục* lớn-lao nầy : Trường Bác-Cổ Viễn-Đông ở Hà-nội và Quốc-sử-quán ở Huế. Nghe nói muốn kê-cứu tài-liệu trong bộ sách nầy ở Huế thì cả một vấn-đề : phải làm đơn xin phép Cụ-lớn Học-bộ Thượng-thơ, phải ghi rõ là muốn xem đoạn nào, kỷ nào ; được phép thì đem trình các quan-lớn ở Quốc-sử-quán. Vì là sách chép công-việc của tiên-tổ Nhà-vua, phải kính-cẩn nghiêm-túc, nên bộ sách cao-quý nầy được để trong tủ riêng có niêm-phong đàng-hoàng. Viên quan ở Quốc-sử-quán mở tủ lấy những quyển nào có ghi trong giấy phép và cho người được phép đọc tại chỗ. (Về sau, nhờ anh Đào-Duy-Anh « thương-thuyết », tôi có được trọn bộ mới tinh, và trọn bộ nầy đựng đầy một rương xe. Trọn bộ đã bị tiêu-hủy lúc quân-đội Pháp tái-chiếm Bến-tre năm 1946). Hiện nay, Viện Khảo-Cổ và Thư-Viện Quốc-Gia đều có *Đại-nam Thực-lục* nầy nhưng không đầy-đủ.

★

Thế là tôi mang ơn ông Duy-minh-thị đã gây hứng-thú cho tôi tìm học Sử-Địa nước-nhà, tìm học một cách say-mê, có khi ngồi luôn ở bàn viết suốt 40 tiếng đồng-hồ (trừ lúc ăn cơm cho vững bụng, đi tắm để không buồn ngủ, uống cà-phê để chịu-đựng), có khi đạp xe-máy cả tháng trời, ăn quán ngủ chùa, tầm di-tích tiền-nhân ở khắp Nam-kỳ lục-tỉnh.

Bởi thế, tôi cố tìm cho biết ông Duy-minh-thị là ai, lại lập-tâm tìm xem con cháu ông ở đâu hầu đến làm quen, may gặp thêm được nhiều sách quý khác, cũng về Sử-Địa nước-nhà.

Phí nhiều công. Không hiệu-quả.

Độ nọ, nhơn ở Cần-thơ nhiều ngày với em tôi, — Bác-sĩ Lê-Văn-Ngôn, lúc ấy là Hội-trưởng Hội Khuyến-học tại đó, — tôi vào thăm ông Năm Bảo. Lại ông lão trông bề ngoài thì quá quê-mùa nầy nữa ! Khi nghe tôi hỏi Duy-minh-thị là ai thì ông không cần suy-nghĩ, ông đáp ngay :

— Duy-Minh là Chỉ Có Sáng, nhơn cái tên của ổng mà đặt ra. Ổng tên là Trần-Quang-Quang, ở tại Phụng-du-lý, tức là Xóm Dầu Phộng mà ta quen gọi là Xóm Dầu trên Chợ-lớn.

Rồi ông khiêm-nhường tiếp :

— Tôi chỉ biết có vậy thôi ; chú có dịp đi Sài-gòn — Chợ-lớn thì hỏi thăm thêm, chắc có nhiều người biết rõ hơn.

★

Thẳng lên Sài-gòn, tôi nhờ anh Khuông-Việt, đương làm việc tại Văn-khố Thơ-viện của « Soái-phủ Nam-kỳ », một mặt kiếm giùm tài-liệu về ông Trần-Quang-Quang, một mặt ra vô Xóm Dầu, tức vùng « ga » An-bình, tìm giùm tông-tích và họ-hàng.

Vốn ham giúp tôi trên đường học-hỏi, anh Khuông-Việt kiếm « nát » kho. Rốt cuộc, anh chỉ thấy được một chi-tiết : ông Trần-Quang-Quang có được mời làm « Lettré » ở Soái-phủ một thời-gian.

Chữ « Lettré » thì người Pháp dùng để chỉ « nhà nho » ; còn về chức-phận thì người ta gọi « Lettré » là « ông Kinh-lịch ».

Không hài lòng về sự giúp-đỡ tìm-tòi của mình, anh Khuông-Việt bảo tôi đi cùng anh đến một bực túc-nho lão-thành, chắc-chắn biết rành về ông Duy-minh-thị, và anh còn khoe rằng nghe nhiều người nói vị túc-nho này có trọn bộ *Thực-lục*, nhưng không rõ là *Thực-lục* của Duy-minh-thị hay của Quốc-sử-quán. Nếu đúng là của Quốc-sử-quán

thì quý-hóa vô-ngần, vì tới hồi ấy tôi chưa được biết « mặt-mũi » của bộ sách nầy ra sao. Vị túc-nho nầy là người mà tôi từng nghe đại-danh từ lâu : ông Đặng-Thúc-Liêng.

Lối tám giờ tối. Chúng tôi đến thì thấy Đặng lão-tiên-sanh cùng hai ông bạn già đương ngồi hóng mát trước nhà.

Anh Khuông-Việt giới-thiệu. Tôi kính-cẩn chào. Vì chỉ có ba cái ghế đủ cho ba ông, nên chúng tôi thủ-lễ đứng thẳng mình hầu chuyện.

Tôi trịnh-trọng thưa :

— Thưa Cụ, chúng tôi nghe nói Cụ có bộ *Thực-lục*, không dám nào Cụ vui lòng cho chúng tôi mượn xem qua tại đây cho biết.

Ông lạnh-lùng đáp :

— Không tiện. Sách in bằng chữ nho, mắt-mỏ lắm.

— Dạ, chúng tôi biết như vậy. Cụ không cho mượn được thì chúng tôi xin phép hỏi thăm Cụ xem toàn bộ *Thực-lục* nầy phải độ vài trăm quyển không ?

Ông cười gằn :

— *Thực-lục* gì mà đến cả trăm quyển ?

— Dạ, thưa Cụ, vậy là bộ *Thực-lục* gồm 4, 5 quyển ?

— Ừ, 4 - 5 quyển.

Tôi rán hỏi thêm :

— Thưa Cụ, vậy bộ *Thực-lục* nầy là của Duy-minh-thị soạn ?

— Phải, của Duy-minh-thị.

— Thưa Cụ, xin Cụ cho phép hỏi thêm một câu nữa.

— Được, cứ hỏi.

— Duy-minh-thị là ai, thưa Cụ ?

Ông cả cười, đáp lớn :

— Là ông Đồ-Chiểu chớ còn ai nữa. Chữ « Chiểu » là chiếu sáng, là Ánh sáng nên lấy hiệu là Duy-minh thì đúng lắm rồi !

Rồi ông bắt chuyện với hai bạn già, coi như không có anh em tôi đương đứng chần-ngần tại đó.

Chúng tôi đành vái chào để rút lui, sau một tiếng « dạ » kéo thật dài.

Ra đường, anh Khuông-Việt hỏi tôi : « Thế nào ? »

Tôi nhừa-nhựa, đáp :

— *Thực-lục* thứ 4 — 5 quyển thì tụi anh em mình có những 5 — 7 bộ. Còn nếu Duy-minh-thị là ông Đồ Chiểu thì ít ra tôi cũng biết rõ từ trên mười năm nay rồi. Gia-phả và gia-quyến ông Đồ thì có lạ gì với tôi. Vả lại ông Đồ có bao giờ soạn sách Địa-dư hay Sử-ký. Mình biết Duy-minh-thị là Trần-Quang-Quang mà Đặng-tiên-sanh quả-quyết là ông Đồ Chiểu thì...

Anh Khuông-Việt thở khì :

— Uý chà, Đồ Chiểu !

LÊ THỌ XUÂN

Trại cưa máy

HƯNG-ĐẠO

393B, ĐẠI LỘ TRẦN HƯNG-ĐẠO

SAIGON

— Làm môi-giới mua bán các thứ gỗ Dầu, Sao, Bằng-Lăng

— BÁN ĐÒN TAY VÀ VÁN BẰNG LĂNG

— CHUYÊN MÔN ĐÓNG THÙNG ĐỦ CỠ

HÁT BỘI

Biên-khảo của Thân-văn NGUYỄN-VĂN-QUÍ

(Tiếp theo)

HÁT NAM

Cổ-nhạc có nam-ai, nam-bình và nam-xuân. Điệu nam, dù xuân, hay bình, hay ai, đều có giọng buồn, tựa như tiếng thở-than của một người đã lòng thảm-sầu man-mác. Phải chăng là tiếng nói của khách biệt-ly ?

Người sầu ly-biệt như Vương-phi My-Ê bị bắt từ Chiêm-thành giải về đất Việt.

Người thảm rẽ-duyên như Huyền-Trân công-chúa vì hai châu Ô Lý mà phải về cùng chúa Chế-Mân.

Vậy điệu nam là một điệu sầu ly-biệt, du-dương ai-oán, đã chứa-chan tình chia rẽ của My-Ê, Huyền-Trân lại còn chịu ảnh-hưởng cuộc Nam-tiến phạt Chàm.

Tiến bước vào Nam, để chinh-phục, để mở rộng đất-đai, thì tự-nhiên có kẻ viễn-chinh, có người chinh-phụ, bày ra bao nhiêu cảnh biệt-ly, mới hôm qua còn vui sum-hiệp, nay phút bỗng thảm chia tay, nhàn nam, én bắc, nghĩa ở, tình đi.

Thế nên trên sân-khấu hát-bội, nghe hát nam-xuân, nam-ai, tức là hát vào lúc cách-phân, ly-biệt, thấy chén tương-phùng cụng tương-ly, thấy người viễn-khứ ngó người viễn-vọng.

Bà Thứ Phàn-phụng-Cơ (tuồng San-Hậu) lìa con hát :

— Là ông Đồ-Chiểu chớ còn ai nữa. Chữ « Chiểu » là Chiếu sáng, là Ánh sáng nên lấy hiệu là Duy-minh thì đúng lắm rồi !

Rồi ông bắt chuyện với hai bạn già, coi như không có anh em tôi đương đứng chần-ngần tại đó.

Chúng tôi đành vái chào để rút lui, sau một tiếng « dạ » kéo thật dài.

Ra đường, anh Khuông-Việt hỏi tôi : « Thế nào ? »

Tôi nhừa-nhựa, đáp :

— *Thực-lục* thứ 4 — 5 quyển thì tụi anh em mình có những 5 — 7 bộ. Còn nếu Duy-minh-thị là ông Đồ Chiểu thì ít ra tôi cũng biết rõ từ trên mười năm nay rồi. Gia-phả và gia-quyến ông Đồ thì có lạ gì với tôi. Vả lại ông Đồ có bao giờ soạn sách Địa-dư hay Sử-ký. Mình biết Duy-minh-thị là Trần-Quang-Quang mà Đặng-tiên-sanh quả-quyết là ông Đồ Chiểu thì...

Anh Khuông-Việt thở khì :

— Uý chà, Đồ Chiểu !

LÊ THỌ XUÂN

Trại cưa máy

HƯNG-ĐẠO

393B, ĐẠI LỘ TRẦN HƯNG-ĐẠO

SAIGON

— Làm môi-giới mua bán các thứ gỗ Dầu, Sao, Bằng-Lăng

— BÁN ĐÒN TAY VÀ VÁN BẰNG LĂNG

— CHUYÊN MÔN ĐÓNG THÙNG ĐỦ CỠ

HÁT BỘI

Biên-khảo của Thân-văn NGUYỄN-VĂN-QUÍ

(Tiếp theo)

HÁT NAM

Cổ-nhạc có nam-ai, nam-bình và nam-xuân. Điệu nam, dù xuân, hay bình, hay ai, đều có giọng buồn, tựa như tiếng thở-than của một người đã lòng thảm-sầu man-mác. Phải chăng là tiếng nói của khách biệt-ly ?

Người sầu ly-biệt như Vương-phi My-Ê bị bắt từ Chiêm-thành giải về đất Việt.

Người thảm rẽ-duyên như Huyền-Trân công-chúa vì hai châu Ô Lý mà phải về cùng chúa Chế-Mân.

Vậy điệu nam là một điệu sầu ly-biệt, du-dương ai-oán, đã chứa-chan tình chia rẽ của My-Ê, Huyền-Trân lại còn chịu ảnh-hưởng cuộc Nam-tiến phạt Chàm.

Tiến bước vào Nam, để chinh-phục, để mở rộng đất-đai, thì tự-nhiên có kẻ viễn-chinh, có người chinh-phụ, bày ra bao nhiêu cảnh biệt-ly, mới hôm qua còn vui sum-hiệp, nay phút bỗng thảm chia tay, nhàn nam, én bắc, nghĩa ở, tình đi.

Thế nên trên sân-khấu hát-bội, nghe hát nam-xuân, nam-ai, tức là hát vào lúc cách-phân, ly-biệt, thấy chén tương-phùng cụng tương-ly, thấy người viễn-khứ ngó người viễn-vọng.

Bà Thứ Phàn-phụng-Cơ (tuồng San-Hậu) lìa con hát :

Nói lối ai qua nam

Tưởng tới đền rồng bát-ngát,
Cám thay bệ phụng bâng-khuâng.
Ơn nhờ Nguyệt-Kiều tam-cung,
Cứu thiếp khỏi nơi lãnh-thất.
Họ Khương đà bị mất
Ngươi Đồng bỗng chia-lìa.
Khôn hay hoàng-tử an nguy,
Chẳng biết hà phương sở trú.

(thôi thôi) Lần theo dặm thỏ
Nọi dõi đàng chim,
Tuyết sương dễ bao nài,
Vận thời sao phải vậy...

Nam ai Phải vậy biết làm sao đặng,
Nguyện hai vừng xin chứng hiền-nhơn.
Ngày nào đem lại giang-sơn,
Cám thương nỗi chúa dễ sờn công tôi.
Hai phen luống những ngậm-ngùi,
Bơ-vơ non nước sụt-sùi dầm mâu.

VĂN-CHƯƠNG.— Thể-văn điệu Nam là lục-bát và song-thất.

Lục-bát — Tức là thể-văn trên sáu, dưới tám chữ, như văn Kim-vân-Kiều, Lục-vân-Tiên, Bích-câu kỳ-ngộ. Chọn một câu nào trong ba quyển ấy đều đem ra hát Nam được.

Nợ tình chưa trả cho ai,
Khối tình mang xuống tuyền-đài chưa tan. } Kim-vân-Kiều

Trai thời trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết hạnh là câu trau minh. } Lục-vân-Tiên

Sầu dường bề, khắc như năm,
Sương mai chịu được mấy lăm mà gầy. } Bích-câu

Trọn bài hát-nam là ba câu : nhứt, nhì, ba, hay là câu trống, câu mái và câu hạ.

Nếu trên sân-khấu có hai vai hát-nam (như một đào một thế-nữ) thì bài nam có năm câu (vai phụ hát hai câu, y như câu nhì trong Nam ba, và vai chánh hát ba câu : câu khởi, câu ba và câu hạ).

Để ý — Trước khi hát-Nam thì có bốn câu lối làm vĩ qua Nam, mà câu thứ tư thường xuống chữ *Trắc* (hỏi, ngã, sắc, nặng). Câu Nam nhứt, vế lục, lập lại hai chữ chót câu lối tư, cho nên cũng hạ *trắc*. Vế *bát* đổi làm vế *thất* để cho chữ thứ năm ăn *vần* với chữ trắc sáu vế lục trên.

Hai câu nam nhì, ba thì chánh thể-văn lục-bát.

Hồ-nguyệt-Cô khi mất ngọc, hát :

Lối qua Nam — Gió liễu phất-phơ vườn hạnh.
Mưa mai lác-đác cành dương.
Đã phủi rồi son phấn một trường,
Âu trở lại nước non ngàn *dặm*...
(dặm : trắc)

Nam ai — Ngàn dặm thẹn cùng non *nước*
Gẫm mơ-màng thân *trước* thân *sau* } câu nhứt

(**nước** : trắc — Vế bát thành thất để chữ *trước* ăn vần với *nước*)

Dặm hòe một bước một *đau*
Nhìn xem cảnh cũ ra *màu* dở-*dang* } câu nhì

Ôm lòng hổ với phu-*lang*
Ái-ân chưa trọn cùng *chàng* trăm năm } câu ba

Nam một loạt *năm câu* cho hai vai, thì câu nhứt y như câu nhứt trong loạt ba, còn bốn câu sau cũng chánh lục-bát và ăn vần với nhau.

Thoại-Ba chạy theo Địch-Thanh :

Lối qua nam — Ôm lòng mà chịu tức,
Cách mặt cũng động tình
Giận nghĩ bỏ không đành,
Rán mà theo cho kịp .....

Thoại-Ba nam — Cho kịp dấu người quân-*tử*,
Nỗi đoạn tình *lở-dở* vì *ai*.

Thế-nữ nam — Nước non bao quản dặm *dài*,
Xin bà nối đặng một *bài* quan-*thơ*

Thoại-Ba nam — Người quen cảnh lạ bơ-*vơ*,
Muốn chào mà mặt ngẩn-*ngơ* khôn *chào*

Thế-nữ nam — Chồng toan vẹn nợ cung *đao*
Vấn vương sự thảm, lao-*xao* nỗi *tình*

Thoại-Ba nam — Thề lòng nguyện với trời *xanh*,
Xin cho gặp mặt mới *đành* dạ đây.

Để ý — Trước khi hát *câu hạ* kép hay đào đều nói : « Tới a...»

Tới a... Thề lòng nguyện với trời xanh...

Nếu lối qua nam là hai câu thi và câu thi nhì xuống *bình*, thì câu nam cũng hạ *bình*.

Lối thi — Phong vỗ không lao hồ-điệp mộng
Quan hà diêu trướng nhạn ngư *thơ*
(thơ : **bình**)

Qua nam — Nhạn chiều chen-chúc mây *thưa*
(thưa : **bình**)
Loi-thoi chiếc bóng, bơ-thờ giọng **kêu**.

Có khi dùng bốn câu lối điệu phú, câu thứ tư xuống *bình* thì Nam cũng hạ *bình*.

Trương-Liêu đưa Quan-hầu

Lối phú — Tịch dương độ cô nhạn
Ly quần thanh bán không
(như ân-huynh là)

Mạng thế tối đa tài, hựu thử phong-trần lão cô kiếm
(còn như em từ dữ ân-huynh tương ngộ, cũng nghĩ là tứ hải tri-kỷ, nay ân-huynh lại hữu thiên-lý chi hành, mà trường-đình bả lụy như vầy, thôi thôi)

Chiêm hàn thán vô phận, không tương thế lụy khấp bình *tung* (chữ *tung* bình)

Qua nam — Biết đâu là hội tương-*phùng* (chữ *phùng* bình)

Lòng son hẹn với non *sông* dễ mòn.

Hai thể-văn Nam nói trên, hạ bình, dùng trong điệu ***Nam-biệt***, để chia tay nhau rồi hạ, thì thường-thường Nam chỉ một câu mà thôi.

Một đôi khi mở lối Nam bằng hai câu thi, câu nhì hạ ***bình***, nhưng câu Nam lại hạ *trắc*.

Ông Phan-mạnh-Danh, trong tuồng Hoa-Tiên, viết :

Lối — Nhứt đái Tần-hoài thanh kiến đề
Liễu ty nan hệ biệt-ly *nhân* (nhân : bình)

Nam — Dãy sông Tần trong gần đến *đáy* (đáy : trắc)
Mắt trông chừng nước chảy dòng xuôi.
Liễu dương dầu có tơ dài,
Khôn đem mà buộc lấy người biệt-ly.

Hai câu nam giải nghĩa hai câu thi nho. Hành văn như thế nầy ít ai làm được.

★

Song-thất — Là hai câu thi bảy chữ, chữ thứ *năm trắc* câu nhì ăn vần với chữ thứ *bảy trắc* câu nhứt.

Đó qua đông đây xông về *bắc*
Ngựa quày đầu ruột *thắt* từng cơn.
Bước cô-chinh gập-ghình khứ *lộ*
Đoái sơn tiền lố-*xố* vân yên.

Hai câu thì không buộc đối, nếu đối càng hay.

Nam song-thất có khi người ta để vào câu ba, hát cho xơm. Trong trường-hợp nầy, cách để vần phải theo điệu song-thất lục-bát, nghĩa là chữ thứ năm về nhứt phải ăn vần với chữ thứ tám về nhì trong câu nam nhì.

Tiết-Cương trong tuồng Hộ-sanh-Đàn :

Nói lối — Sơn trung thán bì mã,
Hải thượng bi cô hồng.
(ôi phu-nhân ôi)
Xiết bao tình người cụm bắc kẻ gành đông,
Phải lần bước sớm qua Hồ chiều lại Việt...

Nam ai — Lần bước qua Hồ lại Việt,
Mặt bơ-phờ mái nguyệt cầu sương.
Ai viên mấy tiếng đoạn trường,
(thương hại cho tôi)
Chưa xong ân-oán, dễ than vận *thời*.
Bước lưu-ly sơn *thùy* hải *bạn*, } song thất
Cụm mây tàn bóng *nhạn* xa xa. }

(chữ *thùy* ăn vần với chữ *thời* câu nam nhì, vì *thời* cũng đọc *thì*, chữ *nhạn* ăn vần với *bạn*).

★

ĐIỆU HÁT NAM — PHÂN NHỊP

Hát nam có Nam-xuân, Nam-ai. Xuân là vui, nhưng cũng tương đối mà thôi, ai là buồn.

Điệu Nam-xuân còn thêm *Xuân-dựng* và *Xuân-thoàn, Xuân-tẩu.*

Điệu Nam-ai còn thêm *Nam tẩu, Nam biệt* hay *Nam dứt, Lý qua Nam.*

Lại cũng có *Nam bán xuân, bán ai.*

★

Trước khi học hát Nam, tối cần là phải nói lối *mở vĩ Nam* cho rành.

Lối mở vĩ Nam — Lối mở vĩ Nam giọng *xuân* thì xuống *Nam-Xuân*, giọng *ai* thì qua *Nam-ai*.

Lối qua Nam thường viết bốn vế. Ba vế đầu, hát xuân hay ai thì giọng y như nói lối xuân-ai đã chỉ-dẫn phía trước. Nhưng đến vế thứ tư, giọng và nhịp khác hơn. *Xuân* thì kéo dài chữ áp-chót rồi sang chữ chót. Còn *ai*, cũng kéo dài chữ áp-chót nhưng để mấy chữ nối « ứ ư ư » ăn qua chữ chót.

Tùy ở số chữ trong vế chót để phân câu (phân nhịp) đặng xuống Nam cho tròn.

Lối qua Nam, khi năm, khi sáu, bảy, tám, chín chữ.

Lối 5 chữ — Ôm lòng mà chịu tức,
Cách mặt cũng động tình.
Giận nghĩ bỏ không đành,
Rán mà theo... cho — kịp.

Mở *Xuân*, ngừng tại chữ *Theo* rồi kéo dài chữ *Cho.*

Mở *Ai* thì ngừng ở chữ *Rán*, ngân thêm ứ ư, nối liền ba chữ *mà theo cho* và ngân ứ ư ư để qua chữ *Kịp.*

Lối 6 chữ — (chỉ kể số chữ ở hai câu chót)

Ruột quặn thắt đi càng khó chịu,
Gót lần-lừa gắng lấy mà theo.
Non người nước khách cheo-leo,
Biển ái nguồn ân chan-chứa.

Mở Xuân — Biển ái... nguồn ân... chan — chứa

Mở Ai — Biển ái ứ ư nguồn ân chan ứ ư ư chứa

Lối 7 chữ — Thấy cha mẹ can tràng tổn trệ
Nhìn anh em phế phủ chi ly.
Bốn lạy từ nam bắc phân kỳ,
Trăm năm tủi sâm thương biệt giả.

Mở Xuân — Trăm năm tủi... sâm thương... biệt — giả

Mở Ai — Trăm năm tủi ứ ư sâm thương biệt ứ ư ư giả.

Lối 8 chữ — Mặt giã-từ đài các
Chơn lần-lựa yên vân.
Sợi nhơn-duyên, vắn-tắt dám than rằng,
Vòng danh-lợi dở-dang xin chịu vậy.

Mở Xuân — Vòng danh-lợi... dở-dang xin...chịu —vậy

Mở Ai — Vòng danh-lợi ứ ư dở-dang xin... chịu ứ ư ư vậy

Lối 9 chữ — Thiên hàn lạc nhựt viễn,
Hàng lộ thu sơn âm.
Bước lạc-loài, bắc sơn bắc, nam sơn nam,
Mặt lơ-láo, trường đình trường, đoản đình đoản

Mở Xuân — Mặt lơ-láo... trường đình trường... đoản... đình — đoản

Mở Ai — Mặt lơ-láo ứ ư trường đình trường... đoản đình ứ ư ư đoản

★

Hát Nam-xuân hay Nam-ai, trầm bổng, khoan-nhặt, phân câu, để nhịp, đều y như nhau. Có khác chăng là khác giọng, *xuân* thì vui, *ai* thì buồn,

XUÂN — Giọng bi-đát mà hùng-tráng. Hát những lúc người trung-liệt thất cơ mà dung-ruổi giữa bầu non sầu nước thẳm, hoặc trang anh-hùng ngộ biến mà cô đơn trong cảnh nước mất nhà tan, hoặc anh sĩ khó lìa quê mà đến Kinh-đô ứng cử, hoặc đấng thiền quyên vì nước mà về cứu-quốc sánh-duyên. Người trượng-phu, trang cân-quắc, dẫu nước mắt dư nguồn, nhưng trong cơn ly-biệt, trong bước gian-nan, cũng cố ngăn dòng lệ chảy mà bền gan vững dạ. Thế nên hát *xuân*.

Người du-khách thân nhàn, thế lạc, thấy cảnh đẹp sanh tình, lòng nẩy hứng-thú, cũng hát Nam-xuân mà hòa vui cùng nước-non hoa-cỏ.

Địch-Thanh, dù nặng tình cùng Thoại-Ba, nhưng nợ nước-non canh-cánh bên lòng, phải trốn vợ để đi bình Liêu cho tròn chữ thảo-thân ngay-chúa.

Nói lối — **Đã quyết lòng vị-quốc,**
Phải cam chữ vô tình.
Mang sao đội nguyệt cũng đành,
Lặn suối trèo non nào nại...

Qua xuân — **Nào nại tấm lòng trung-hiếu,**
Gánh cang-thường nặng trịu trên vai.
Làm trai cho phải trọn ngay,
Gan trung nắng dãi gió day chi sờn.
Gập-ghình một bước giang-sơn.
(tôi mà đi đây)
Kẻ vui nở mặt... (còn công-chúa người ở lại)
người buồn chia tay.

ĐIỆU HÁT và PHÂN CÂU — Điệu nói lối qua xuân, đã dẫn-giải phía trên. Cách hát Nam (dù xuân hay ai) có thể thu gọn vào một nguyên-tắc và cứ theo đó mà hát.

Điệu Nam thường viết ba câu : nhứt, nhì, ba hay là trống, mái, hạ. Ba câu hát có khác nhau, theo nguyên-tắc : « NHỨT TAM PHÂN, NHÌ KHINH THỦ, TAM KHINH VĨ » nghĩa là : câu trống phân ba nhịp, mỗi nhịp hai chữ, — câu mái đầu nhẹ mà đuôi liền, câu hạ đầu liền mà đuôi nhẹ. Về bát trong ba câu, cứ phân hai chữ, hai chữ, trừ phi trong một vài trường-hợp phải tùy văn mà hát liền ba chữ hoặc bốn chữ (sẽ nói sau).

Câu trống phân ba — *Nào nại... tấm lòng... trung hiếu*
1 2 3
Gánh cang-thường... nặng trịu... trên vai

Câu mái khinh thủ — *Làm trai... cho phải trọn ngay*
(nhẹ) (nặng)
Gan-trung... nắng dãi... gió day... chi sờn

Câu hạ khinh vĩ — *Gập-ghình một bước... giang-sơn*
(nặng) (nhẹ)
Kẻ vui... nở mặt... người buồn... chia tay

Để ý — Câu ba kêu là câu hạ, vì chữ *hạ* là bước xuống sân-khấu để vô buồng. Sắp hạ thì hát câu hạ nhặt hơn hai câu nhứt nhì. Trước khi mở câu hạ nói: « Tới », rồi bắt liền vô bốn chữ đầu cho nhặt «Gập ghình một bước ứ ứ ư» và từ đây lơi ra cho đến hai chữ chót « chia tay » thì hát mau mà vô buồng.

★

AI — Giọng du-dương buồn thảm, nghe qua mà gò chín khúc, mà châu đôi mày. Hát trong cảnh ly-biệt, vợ xa chồng, con lìa cha, thân gái cô-đơn đăng san thiệp thủy, phận chàng chiếc nhạn đạp tuyết nằm sương.

Trong tuồng Mao-y Thần-cung, nàng My-Lan qua nước Nguy tìm chồng:

Lối ai — Lần theo dặm thẳng,
Noi dõi đàng quanh.
Gót xung-xăng đeo-đuổi chữ tình,
Chơn lẹ-lẹ bước dồn dặm liễu.

Nam ai — Lẹ-lẹ bước dồn dặm liễu,
Bởi thương chồng lịu-địu lòng son.
Dầu rằng biển cạn non mòn,
Thân mai dầu nát, tình còn vấn-vương.
Khổ cho thân liễu dặm trường.
Vừng trăng xẻ nửa, bước đường chia đôi.

Phần nhịp y như trong điệu Nam-xuân, khác một chút là trước khi hát câu ba, nói « *Tới a* ». Nam-xuân không để chữ « a » là cho gọn, cho vui.

★

XUÂN-DỰNG — Hát xuân mà làm cho đứng giọng lên, cho thêm nét hùng-tráng, hát trong khi tế-lễ (xây chầu, đại bội) hay là hát vãng-tấn (hát câu chúc trước khi vãng hát).

Trong lễ xây-chầu, kép đứng cái hát:

Giúp nên nghiệp cả trùng hưng,
Phước lành rọi dấu đượm nhuần cháu con.

Hát vãng-tấn:

Mao-y một thứ đã trình,
Cầu xin thiên-hạ thái-bình an vui.

★

XUÂN-THOÀN — Chữ *Thoàn* là chữ *Thiền* nói trại ra. Người xuất gia hát Xuân-thoàn. Hát chẫm-rãi, nghiêm-trang và trước khi nói lối qua nam-thoàn, niệm lục tự « Nam-Mô-A-Di-Đà-Phật ».

Nguyệt-Kiều xuất gia (tuồng San-Hậu thứ ba)

Nói lối — Nam-Mô-A-Di-Đà-Phật
Xe rồng em trở lại,
Dặm liễu chị trải qua.
Giã năm em còn hưởng vinh-hoa,
Phó một mối cho toàn huynh-đệ.

Nam-thoàn — Một mối cho toàn huynh-đệ,
Mặt giã-từ tướng sĩ *quần* liêu
Mặc ai giàu mến sang yêu,
Mưa mai dễ biết nắng *chiều* nào hay.
Hư vô là đạo mầu thay,
Hữu duyên Phật độ có *ngày* siêu thăng.

Thoàn mấy chữ có dấu huyền và in bằng chữ xiên (quần, chiều, ngày) nghĩa là kéo dài hơi đi từ không dấu (bình thường) tới có dấu huyền (bình hạ).

★

NAM-TẨU— Tẩu là chạy, nên cũng kêu là *Nam-chạy*. Chạy thì từ-nhiên phải hát cho mau và cho gọn, lại tùy vai tuồng mà hát xuân hay ai.

Lối qua nam-tẩu thường viết ít chữ để nói cho mau. Giọng hát cũng như xuân-ai thường, nhưng hát nhặt hơn và không kéo dài ư ư.

Nam chạy thường chỉ một câu mà thôi.

Nam-chạy xuân — Triệu-Tử theo thuyền bà Quận :

Lối — Nhứt thân khoái khứ
Nỗ lực bôn-ba
Vái cùng trời phò-hộ Hớn-gia
Xui cho Triệu gặp chơn chúa Triệu
Nam — Cho Triệu gặp chơn chúa Triệu
Dốc một lòng đỡ yếu phò nguy.

Nam-chạy ai — Tào-Tháo bị Trương, Triệu đánh, chạy :

Lối — Nguy-trào !
Sự nguy chí cấp
Vật khả diên trì
Cấp bôn phi, cấp bôn phi,
Ta lánh họa hề ta lánh họa
Nam — Lánh họa thoát vòng quân sói
Nguyện hai vừng cho khỏi tai ba.

★

NAM-BIỆT — Hát Nam-biệt khi dứt tình, chia tay nhau. Người ở hát đưa người đi (trong khi người đi vô buồng). Người ở nhìn theo kêu : « Bớ phu-quân, hay bớ anh, bớ em... » rồi hát liền câu nam-biệt. Không cần lối qua nam.

Bớ phu-quân ! *Nam* — Én qui nam nhạn hồi lãnh bắc
Ngựa quày đầu ruột thắt đòi cơn.

Bớ mẹ ! *Nam* — Dứt tình, tình lại vấn-vương
Cũng đeo một tấm đoạn-trường mà đi.

Hai vai đang bịn-rịn, không nỡ dứt tình, thì người ra đi hát một câu khách, người ở lại hát Nam-biệt có tán lối :

Lối tán (nói mau) Sơn cách thủy cách tình nan cách
Tình di nguyệt di chi bất di
Nam-chạy — Chi bất di lưỡng đồ ly-biệt,
Chữ ân-tình chi xiết nỗi thương.

★

NAM BÁN XUÂN-AI — Nam bán xuân-ai là trong một câu nam mà có cả giọng xuân, giọng ai. Khi vế lục xuân, qua vế bát ai, hoặc ngược lại, vế lục ai, qua vế bát xuân. Lại có khi chỉ có nửa vế bát xuân, còn nửa vế ai.

Điều cần trong điệu hát nầy là phải làm màu cho biết xuân qua ai hay là ai qua xuân. Ai qua xuân thì đổi giọng vui, xuân qua ai thì đổi giọng buồn, hoặc làm mấu gạt nước mắt.

Phải tùy câu văn mà hát. Như Tô-Võ chăn dê, đang đuổi dê, bỗng nhớ chúa mà buồn, thì sang ai.

Nói lối — Luống mỏi mắt ngồi trông tin nhạn,
Những ôm lòng vui với bầy dê.
(chừ trời cũng đã trưa rồi, ta phải thả dê đi ăn chớ)
Bước lần lần theo ngọn tiểu-khê,
Chơn nhẹ nhẹ qua miền đại-lãnh.
Khởi xuân — Nhẹ nhẹ qua miền đại-lãnh,
(ôi ngô quân ôi)
(gạt nước mắt làm màu qua ai)
Qua ai — Lụy cô-thần giữa cảnh thâm thu.
Gió chiều như giục cơn sầu,
Lá ngô xao-xác, hoa lau rã-rời.
Tới a...

Hớn Hồ mấy dặm xa khơi,
(*Tới đây làm vĩ qua xuân*) Như ta là :
Qua xuân — Dẫu phơi tóc trắng, chẳng dời lòng son.

Trong câu nam dưới đây, hát xuân về lục và nửa về bát, rồi hát ai nửa về bát sau vì nét buồn đã vẽ trong câu văn.

Xuân — Gập-ghình một bước giang-sơn,
(như tôi mà đi đây)
Kẻ vui nở mặt... (*tới đây xuống giọng ai nói*)
(còn như công-chúa, người ở lại)
Qua ai.... người buồn chia tay.

★

LÝ QUA NAM-AI — Lý hai câu rồi bắt qua nam-ai. Hát những lúc hồn ma đưa người qua núi, hay khi người sương-phụ ru đứa con côi, hay người thục-nữ dệt đoạn tơ lòng.

Thể-văn : Song-thất lục-bát. Trong Chinh-phụ-ngâm hay Bần-nữ-thán, hay ca-dao, đoạn nào hát cũng được.

Chinh-phụ-ngâm

Lý — Lòng thiếp tựa bóng trăng theo dõi
Chàng sầu xa tìm cõi thiên san
Nam-ai — Múa gươm rượu tiễn chưa tàn,
Chỉ ngang ngọn giáo, vào ngàn hang beo.

Ca-dao

Lý — Cầu nào cao bằng cầu danh-vọng,
Nghĩa nào trọng bằng nghĩa chồng con.
Nam-ai — Vì đâu nước chảy đá mòn,
Xa nhau ngàn dặm lòng còn nhớ thương.

ĐIỆU LÝ — Trước khi lý, phải có lối nêu (hai vế hay bốn vế), hát giọng ai, dứt vế chót bằng chữ « Hồ ». Kế đó ngâm buồn một câu lục-bát hay là một câu thi bảy chữ.

Câu lục-bát ngâm theo điệu « ngâm Kiều » và trong vế bát, khi tới chữ thứ bảy thì kéo dài ra qua chữ tám. Đó là làm vĩ cho giàn ngoài vô bài nhịp một (cắt rụp cắt).

Câu thi ngâm ai cũng kéo dài chữ áp chót qua chữ chót.

Lý mỗi vế hai lần và gối đầu, nghĩa là đem chữ thứ nhứt câu nhì gối đầu chữ chót câu nhứt :

Cầu nào cao bằng cầu danh vọng... Nghĩa...
nào trọng bằng nghĩa chồng con... Nghĩa...
nào trọng bằng nghĩa chồng ư ứ ư con...

Xuân-Lan (tuồng Lê-Lợi) vừa dệt vừa lý qua nam :

Nói lối ai — Ngón kinh-luân kéo kết tơ vàng
Khuôn nhựt-nguyệt lần đưa thoi ngọc... hồ !
Ngâm — Xuân đi rồi lại xuân về
Nước non cũng vẫn một bề buồn xuân
Lý — Kìa một dãy non sông gấm vóc,
Trách ai làm tang tóc cỏ... ư ứ cây
Nam — Buồn xuân càng gạt càng đầy
Bưng-khuâng nước mắt, ai-hoài nhà tan.
Lý — Tiếc cho mình hồng-nhan phận gái
Biết sao mà đem lại giang... ư ứ san
Nam — Hỡi ai nam-tử bổng tang
Thấy bao da ngựa dặm ngàn chí trai.
Lý — Lần tay ngọc dệt ngày tươi sáng
Cảnh thanh-bình chiếu rạng trời ư ứ nam
Nam — Ngậm cay e đứt ruột tằm
Hở môi sợ vách âm-thầm nghiêng tai.

Lối ai bốn vế (Tuồng Xuyên-ngọc thành y)

Mẹ ôi ! Xan mối chỉ, chỉ dường thắt ruột.
So đường tơ, tơ lại rối lòng,
Con trông mấy con tủi phận sầu đông.
(còn như mẹ) Mẹ tựa cửa mẹ nhọc tình thảm bắc, hồ...

Nêu thi — Kìa tranh vân cẩu vẽ tang ư ứ thương

Lý — Ơn cúc dục hai trời dầu đội
Nghĩa sanh thành muôn thuở vai mang

Nam-ai — Đề-Oanh xưa cũng hồng-nhan
Nghĩ mình thêm thẹn hai hàng lệ rơi

Lý — Hạt minh châu kết thành y cẩm
Chỉ tơ điều bỏ sậm màu hoa

Nam-ai — Hoa tươi khoe sắc trời xuân
Ơn vua nặng trả, nghĩa thân chưa tròn.

Lý — Buồi tương-phùng lòng con trông đợi
Chữ ân-tình ai hỡi phanh-phui

Nam-ai — Hiệp tan như cảnh mây chiều
Đương tan bỗng hiệp như khêu gợi người.

★

PHÂN NHỊP TÙY VĂN — Đành rằng hát thì phải theo nhịp, nhưng qui-tắc nào cũng có ngoại-lệ, cho nên đôi khi phải tùy câu văn chớ không theo sát nhịp, để giữ cho tròn nghĩa câu văn.

Như hai câu dưới đây thì phải phân vế lục làm hai :

Mai cốt-cách, tuyết tinh-thần
Hơi hương đã nhuốm, bóng trăng lại lò
Xót xa thay lúc phân kỳ,
Tình kia ngỡi nọ, dốc ghi tấc lòng.

{ Mai cốt-cách ư ứ ư tuyết tinh-thần
{ Xót xa thay ư ứ ư lúc phân kỳ

Có khi vế bát phân nhịp ba, nhịp năm để giữ nghĩa văn :

Vắng tanh nào thấy vân mòng,
Hơi thê-lương lạnh-ngắt song phi huỳnh
(Hơi thê-lương... lạnh-ngắt... song phi-huỳnh)

Hoặc vế bát chia làm hai phần :

Càng đờn, càng địch, càng mê
Càng gay-gắt điệu, càng tê-tái lòng.
(Càng gay-gắt điệu ứ ư càng tê-tái lòng).

(Còn tiếp)

Thân văn NGUYỄN VĂN QUÍ

Nhà xuất bản sinh viên

CHỨNG CHỈ MPC, MGP, SPCN

Lần lượt xuất bản :

I.— BÀI TẬP TOÁN (Đại số và Giải tích) của Tétrel.
Tập 1 : Đại số, Giải tích
Tập 2 : Đại số, Giải tích
Tập 3 : Cơ học

II.— BÀI TẬP HÌNH HỌC GIẢI TÍCH của Tétrel.
Tập 1 : Hình học Giải Tích
Tập 2 : Hình học Giải Tích

III.— BÀI TẬP QUANG của Tétrel
IV.— BÀI TẬP NHIỆT của Tétrel
V.— BÀI TẬP ĐIỆN của Tétrel

Và nhiều sách khác của nhiều tác giả nổi danh, thuộc các chứng chỉ tại trường Đại Học Khoa Học.

Sách của nhà xuất bản Sinh Viên bày bán thường xuyên tại :

NHÀ SÁCH NHẬT-QUANG

81, đường Nguyễn Trãi, CHOLON
(gần trường Đại Học Khoa Học và Đại Học Sư Phạm)

GIẢI-TRÍ CÁCH NÀO

★ Bài của VIỆT-THƯỜNG ★

Thế nào là giải-trí ? Giải-trí có liên quan gì đến sức khỏe không ? Nên giải-trí cách nào ? Giải-trí có phải là một nhu-cầu không ? Những ai nên giải-trí ? Những ai là người không cần giải-trí ? Tại sao ? Đó là những câu hỏi gây nhiều thắc-mắc, khó mà trả lời cho vừa ý mọi người.

Gần đây hai tiếng Giải-trí bị gán cho một cái nghĩa không mấy đẹp và có kẻ nghịch ngợm còn thêm sau hai tiếng đó cái đuôi « lành mạnh » để ám chỉ sự ăn chơi trác táng của một số người.

Thật ra Giải-trí không phải là sự xa xỉ quá đáng như có người lầm tưởng và như có người lạm dụng trước nay.

Giải-trí có khi thụ động (coi phim ảnh, nghe âm nhạc...) có khi chủ-động (vẽ tranh, trồng hoa...) — song nếu vẽ tranh hay trồng hoa không nhằm mục đích để mình thưởng thức, nói rõ hơn, để mình vui mà là thuộc về nghề nghiệp (vẽ để bán, trồng thuê) thì không phải là giải-trí. Cũng có khi người ta thoạt trông qua tưởng là thụ động nhưng không hẳn thế : nếu mình xem phim ảnh, đọc sách mà quan tâm tới, thắc-mắc tới cái chủ đề của chuyện phim, cuốn sách. Chẳng hạn như khi ta xem một cuốn phim xã-hội như phim La Chaine thì đầu óc ta khó mà thảnh thơi được, như vậy, loại giải-trí này vừa làm ta quên được nhọc nhằn trong chốc lát vừa làm ta mệt óc thêm chút nữa...

Nếu cổ nhân của chúng ta « khi chén rượu khi cuộc cờ, khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên » thì ngày nay giải-trí có

nhiều hình thức chứ không phải chỉ quanh quẩn trong mấy thứ vui tao nhã đó.

Giải-trí ngày nay là một vấn đề xã hội, là một nhu-cầu, — trừ một số ít người nhàn dật thái quá thì không kể, những người nầy cần làm việc hơn là cần giải-trí — Có làm việc thì phải có giải-trí, ta nghĩ thế nào nếu không có giờ chơi trong lớp học ? Chắc chắn lũ trẻ sẽ coi nhà trường như một nhà tù và trí khôn lụn bại dần, kiến thức thu thập hóa ra vô ích mất thôi. Nhà trường là một xã hội nho nhỏ, người ta sẽ kinh ngạc nếu thấy lúc nào cũng như lúc nào, trẻ phải vùi đầu vào sách vở chứ không chạy nhảy đùa giỡn ngoài sân. Người mẹ nào cũng kêu ca rằng con mình ồn ào không chịu được song nếu trong ngoài lặng lẽ là triệu chứng con bà cần... uống thuốc không sai. Một người lúc nào cũng chỉ biết có làm việc không biết đến nghỉ ngơi giải-trí là một người kỳ quái, bất thường, họ đã chọn con đường ngắn nhất để đến nghĩa địa ! Một người bình thường tất có nhu-cầu giải-trí và nhu-cầu này phát hiện từ lúc đứa trẻ chập chững biết đi, có khi sớm hơn nữa. Càng lớn lên người ta càng « tỉnh » hơn trong khi giải-trí (ít ai thấy được một người già trong các hội túc cầu). Dù là tuổi nào, thích động hay tĩnh, người ta *cần canh chừng đừng để cho nhu-cầu này trở thành bất chính hay có hại cho bản thân và cả chung quanh.*

Thông thường thì sau khi làm việc — dù một nghề lao động tay chân hay trí óc, làm thợ hay viết văn — con người đều cần đến sự nghỉ ngơi, giải-trí để lấy lại thăng bằng cho cơ thể và tâm hồn, lấy lại sức khỏe, tìm lại năng lực, sáng kiến... và sự giải-trí cũng cần thiết đối với học sinh, sinh viên không kém vì lý do trên.

Ấy thế nhưng có người quanh năm suốt tháng chẳng mó tay mệt óc vào một công việc nhỏ mọn nào lại giải-trí rất hăng, đến ngấy và rất nhiều người khác vất vả, công việc lấn qua giờ ăn, giấc ngủ của họ. Rất ít khi được nghỉ ngơi, nói chi đến việc giải-trí là một việc viển vong, xa xỉ vượt quá tầm tay họ.

Cũng bởi lý do trên mà ngày nay sự giải-trí mất dần ý nghĩa cần thiết trong lành của nó, *khi mà nó trở thành phương tiện làm*

giàu cho một số người. Trong những trà thất, vũ trường, hộp đêm làm gì còn có sự giải-trí đúng như nghĩa của nó. Vì theo thiển ý thì giải-trí chỉ có nghĩa là giải-trí, sau khi « giải-trí » rồi mà Tinh thần cũng như Thể chất ta đều không suy giảm chút nào mà ta còn cảm thấy khỏe mạnh và sáng suốt hơn lên, ta tin tưởng thêm, yêu đời hơn, vui vẻ hơn mới phải. Trái lại, ta quan sát thấy những người vào các nơi này trở ra đều như đã đốt bớt, đã bị hao hụt, bị tước mất đi một phần sức khỏe cũng như nghị-lực. Nói chi xa, nguyên mỗi chuyện thức đêm đủ làm mệt phờ rồi. Nếu không cho là nói ngoa thì tôi xin phép được nói rằng Tạo-Hóa đã phân biệt, minh định giờ giấc cho loài người, lúc nào nghỉ ngơi, lúc nào làm việc, song bởi quá văn minh con người muốn vượt quyền Tạo-Hóa lấy đêm làm ngày và trái lại, biết chừng cũng do đó mà xã-hội ngày càng xuống dốc vì sự đảo lộn do chính họ gây ra ?

Sự rập theo khuôn mẫu Tây phương trong nếp sống, cảm nghĩ của ta không hoàn toàn là tốt hết mà sự bắt chước, du nhập mốt giải-trí của họ càng có hại hơn. Ngày xưa chỉ có vua Chúa và hàng quí tộc mới có đặt quyền giải-trí. Nay không thế. Song nếu ngày xưa sự giải-trí chỉ dành cho một thiểu số, đôi khi vô lý và còn tàn ác nữa (như bắt nô lệ đánh nhau, giết nhau cho họ thưởng thức chẳng hạn) thì ngày nay giải-trí có vẻ phổ biến hơn và *tại những đô thị lớn sự giải-trí lại hầu như đồng nghĩa với sự sa đọa, trụy lạc, làm giảm phẩm cách con người, nguy hại cho sức khỏe cá-nhân, hăm dọa đến hạnh-phúc gia-đình nhưng tệ nhất là đưa một số thanh thiếu niên vào vòng tội lỗi, làm băng hoại cả ý chí, nghị lực họ, gây ảnh-hưởng không hay cho xã-hội không ít bởi các tổ-chức này lạm dụng hai tiếng giải-trí mà không nhằm đáp ứng nhu-cầu chính đáng của nó, chỉ nhắm vào sự trục lợi, lại không được chính-quyền kiểm soát chặt chẽ*. Tưởng đã đến lúc người ta cần lên tiếng về điều đó.

Hằng ngày và những ngày nghỉ qua những phố lớn của Saigon người ta thấy đa số thanh thiếu niên học sinh, sinh-viên, công tư chức ra vào những nơi mệnh danh là giải-trí đó. Thật ra không hẳn lỗi ở họ.

Tại những nước tân tiến không những nhà nước kiểm soát mà còn đích thân đứng ra tổ-chức những tổ-chức giải-trí hay giúp dân chúng tổ-chức những môn giải-trí lành mạnh hợp với hoàn-cảnh, khí hậu, và sức khỏe của mỗi người.

Xứ ta, nói chung thì phần đông dân chúng ở thôn quê không thấy cần thiết của sự giải-trí.

Còn tại Saigon, vì sinh kế, một số lớn dân chúng phải giam mình trong văn phòng ngập bụi và hồ sơ dày cộm, trong những cơ xưởng công cũng như tư chật chội và đầy tiếng động, những hãng buôn, ngân-hàng chẳng chịt con số chi thu ; ra đường thì xe cộ như mắc cửi, nạn kẹt xe, tiếng rao hàng quảng-cáo, tiếng âm nhạc dồn dập cuồng loạn, rồi nào khói, bụi, xăng, còi xe điếc tai, nhức óc, hoa mắt, rối trí ; chỗ ở thì nóng bức, tối tăm trong những điều kiện thiếu kém vệ sinh, ngẩng lên không thấy trời, cúi xuống không thấy đất, mũi cứ phải hít mùi rác rưởi và cống rãnh không thoát nước tanh nồng làm cho thần kinh luôn-luôn căng thẳng. Sự giải-trí đối với hạng người này thật là cần thiết mà lại vô cùng đơn giản : trong những ngày nghỉ, họ phóng một mạch về đồng quê, có quen biết họ hàng càng tốt, không cũng chẳng sao. Rồi dưới bóng cây xanh, bên giòng suối cạn, lắng tai nghe nhạc suối róc rách chen lẫn trong tiếng chim ríu rít mời chào, lấy tay làm gối, họ nằm dài trên thảm cỏ xanh mượt, mịn màng, thở mạnh không khí khoáng đãng, ngửa mặt nhìn Trời, thả hồn lơ lửng theo một đám mây, mặc tâm trí bồng bềnh phiêu du đây đó...

Hoặc họ ngồi dưới gốc cây, đắm mình vào mầu xanh bất tận, hoặc họ dõi mắt theo những làn sóng mạ dập dình tận chân trời...

Những người hiếu động thì tổ-chức những cuộc săn bẫy, bơi lội, hay câu cá, thả diều... Song hiện nay, vì chiến-tranh họ bị ngăn trở không thể thực hiện được thú vui nhỏ nhỏ đó.

Một số người khác, ít hơn số người vừa kể trên chỉ ngong ngóng đến chiều thứ bảy là họp bạn tại nhà bày cuộc đỏ đen, sát phạt nhau cho đến mê say, quên cả giờ ăn, giấc ngủ, tiêu thâm qua ngày chúa nhật... rồi đến sáng thứ hai trở lại với

công việc dáng bộ lừ khừ, lũ khừ như tuồng vừa ở bệnh viện ra. Thế nhưng mà vợ con có vì sức khỏe họ buông đôi lời trách cứ thì có ông cười gượng hứa sẽ chừa... chừa cho đến chiều thứ bảy tới, lại thói nào tật ấy như người nghiện thuốc lá, khó lòng dứt bỏ trong một sớm một chiều. Nhưng có ông ngoan cố gân cổ hét : « Làm cái gì mà nhắng lên như vậy ? Các người cũng phải để cho ta giải-trí chút đỉnh chứ ? Quần quật quanh năm suốt tháng, dễ thường muốn ta điên lên hay sao ? »

Lại có người dùng thì giờ rảnh để học thêm, để đọc sách mở mang kiến thức trong lúc một số người khác học vấn thâm uyên hoặc chán ngấy sách vở vì nghề nghiệp phải đọc lắm viết nhiều lại dùng ngày nghỉ tập thể dục, chơi thể thao tìm cách tăng cường sức khỏe... cùng là thay đổi không khí phòng giấy, công việc hằng ngày đã trở thành thói quen, tẻ ngắt...

Nếu ta ví cuộc sống và nghĩa vụ của mỗi người đối với xung quanh : bản thân gia đình và xã hội như một con đường dài đăng đẳng mà người ấy phải đi qua, đi trọn thì sự giải-trí gần như là những bóng mát dưới gốc cây bên vệ đường, người ấy dừng lại đôi khi để nghỉ chân, tránh nắng rồi lại tiếp tục vậy.

Lại có người dùng thì giờ giải trí một cách khác hơn : trong ngày nghỉ, họ rủ bạn bè kéo nhau về thôn quê song không phải để câu cá, thả diều, đá banh, cắm trại mà để giúp thôn dân lợp nhà, đào giếng, thỉnh thoảng còn chịu khó chia nhau dạy người mù chữ biết đọc, biết viết và giảng giải cho đồng bào những điều cần thiết, giúp đồng bào có một kiến thức vệ sinh căn bản, những điều mà người thôn dân vốn rất mù mờ từ trước đến nay vì ánh sáng văn-minh của đô thành quá xa không rọi tới ! Những đồng bào đã và đang tiếp tục chịu thiệt thòi.

Lối giải-trí này có một số người phản đối kịch liệt, đó là những người có nhiều chữ nghĩa trong đầu và ưa lý luận nguyên tắc vì theo họ thì giải-trí phải là : « Hoàn toàn nghỉ ngơi, buông thả, không suy nghĩ hay hành động một chút gì » dù để giúp kẻ khác hay có lợi cho chính bản thân ! Hạng người này phản đối cả việc ngắm tranh, đọc sách, bởi lẽ họ cho như thế cũng là làm

việc đấy : bắt đầu óc phải suy nghĩ, phán đoán để tìm cái hay cái đẹp hay trông thấy cái xấu trong cuốn sách bức tranh, như thế lại càng mệt, đâu phải là nghỉ ngơi ? Và ta có thể đoán thêm rằng hạng người này luôn-luôn gác qua các vấn đề xã-hội (họ chỉ lý luận về những gì có liên quan đến quyền lợi của mình thôi). Họ đọc bất cứ cái gì thuận tầm tay : một cột xã luận, một trang quảng-cáo, một vài giòng tìm bạn tri-âm hay một khúc tiểu thuyết ái-tình tâm-lý, đọc nhưng không chút gì ghi sâu, in đậm trong đầu họ, chỉ cốt chờ giấc ngủ mà thôi.

Họ là những người sung sướng nhất trần đời đấy.

Như thế, bạn hỏi — thì những người suy nghĩ và hành động khác họ là sai, bậy hay sao ? Không hẳn thế, bởi vì giải-trí có muôn chiều, nghìn hướng, mỗi người có quyền chọn môn gì, cách gì hợp với ý mình. Và trong lúc với người này là sát phạt ăn thua, tranh tài cao thấp trong sòng bạc, bàn cờ, người kia là chạy đua tìm cảm giác, đốt bớt sức khỏe và tiền bạc của mình thì với một số người lại là tìm cách tăng thêm sức khỏe hay kiến-thức nếu mình thiếu kém thứ nào trong hai thứ và có một số người nữa thì lại tìm vui trong việc làm vui lòng người khác, giúp người khác tiến tới, sáng ra. Họ là những thanh nữ thiếu niên bụi đời chưa vẩn đục mắt trong, họ có trái tim Bồ Tát, họ ưa cúi xuống, họ thích dắt dìu chứ không muốn chạy trước một mình...

Ai dám bảo rằng như thế họ không giải-trí ? Vì theo thiền ý khi họ rời khỏi đô thành chật chội ồn ào, tâm trí họ đã được đôi chút thảnh thơi, thoải mái, họ đã được hít thở cái không khí trong sạch và khi họ xử dụng cái cuốc, cái rìu là họ đã có những động tác khác với ngày thường như là một trò thể dục...

Hơn thế nữa họ có cái cảm tưởng mình ban phát, mình cho đi, thế há không đủ rồi sao ? Cái gì làm cho người ta khoan khoái hơn là cảm thấy mình như ngọn đuốc nhỏ le lói trong một đêm tối mịt ? Cái gì làm người ta yêu đời hơn là có cái kiêu hãnh, vinh dự của một người chìa bàn tay kéo người khác lên khỏi hố sâu do sự dốt nát gây ra ?

Theo thiển ý đó là một cách giải-trí hoàn toàn nhất, không những nên thực hiện mà còn nên khuyến-khích người khác làm theo, nhất là những sinh viên thanh niên trẻ tuổi hơn là để họ bị lôi cuốn vào những nơi vui phù phiếm, xa hoa...

Nói như thế không có nghĩa là những người có gia đình không làm được. Song theo kinh nghiệm bản thân của một số người lớn tuổi thì sự bận gia đình, con cái đã ngăn thiện chí họ rất nhiều... và tôi còn có cái nhận xét đáng buồn này : đó là hầu hết những người có đôi bạn họ luôn luôn bị bắt buộc phải chìu theo vợ hay chồng mình trong vấn đề giải-trí, những người mà ngày xưa chưa chung sống mình cứ ngỡ là cùng sở thích với mình. « Trời ơi ! Hôm nay anh phải đưa em đi phố chứ » hay « này tôi nói cho mợ biết, tôi không muốn mợ lo lắng cho kẻ khác đến nỗi quên cả chồng con đâu ! » Đó là những luận điệu chắc như đinh đóng cột lim mà ông chồng hay bà vợ đưa ra để ngăn cản bạn thực hành ý định.

Thưa bạn, chắc các bạn cũng như tôi, chúng ta đều thấy rằng giải-trí có cái hay, cái dở, cái tốt, cái xấu, cái lợi và cái hại của nó. Ta không thể không nghĩ đến, điều cần là làm thế nào hướng dẫn bạn trẻ biết cách giải-trí, không chỉ có lợi cho bản thân mình, sức khỏe mình, mà còn giúp kẻ khác nhất là đồng bào thôn quê của chúng ta vốn đã quá nhiều đau khổ thiệt thòi. Đó cũng là một dịp tốt để chúng ta chia xẻ, cảm thông, gần gũi những người thiếu may mắn hơn ta.

Có lẽ chúng ta — không chỉ chúng ta thôi mà tất cả mọi người — phải quan tâm đến vấn đề giải-trí, nói rằng tìm lối thoát cho giải-trí cũng không ngoa vì trong xã hội chúng ta hiện nay, trong hoàn cảnh đặc biệt hiện nay, phần lớn những tệ trạng xảy ra làm đau lòng mọi người có cả sự giải-trí không đúng cách, nguy hại nhất là làm gương xấu cho giới trẻ, những người trẻ không có một lòng tự chủ và không được một giáo dục vững vàng về mọi mặt.

Một sinh viên VN hiện đang học tại Úc-Châu viết cho tôi (khi tôi hỏi em về sự giải-trí của sinh viên nước này) rằng :

« Hầu hết thanh niên học sinh và sinh viên ở xứ Úc đều ham chuộng thể thao, trong 100 người thì có độ 2 người vùi đầu vào sách vở hay lựa những thú vui không hoạt-động. Mọi người đều biết đến bóng gậy, bóng chuyền, bóng rổ, bóng tròn, bơi lội, ít ra là thạo một môn mà em vừa kể. Họ phát triển song song hai mặt thể và trí dục. Năm nay người tốt nghiệp kỹ-sư hạng danh dự là một cầu thủ trong đoàn túc cầu của tiểu bang Queensland và anh khác là kỹ-sư điện làm thủ quân đoàn bóng gậy của Úc đi dự Thế-Vận-Hội Tokyo đoạt được huy chương đồng. Họ đều là những sinh viên xuất sắc của trường và đáng chú ý hơn hết : họ là những người rất nhã nhặn, khiêm tốn và tử tế mà em đã gặp. Nhớ lại hồi còn ở bên nhà, thầy em một lần bảo « em là một phần tử ưu tú » cho đến giờ em còn hổ thẹn ! Này chị, họ có thể tin nhiều hay không tin vào Thiên Chúa Giáo song đặc biệt cái là họ không hề bàn tới « cuộc đời phi lý » buồn nôn, chán nản mà cũng không hề kêu than về những thất vọng ở trường tình như kiểu một số sinh viên mình. Họ không biết cô độc là gì đâu, vậy chị đừng mong tìm thấy ở họ, và ở sách báo họ những điều đó như ở xứ ta ».

Tôi xin mượn một đoạn thư của cậu sinh viên nầy chép lên cho quí bạn đọc và trở về với chúng ta, tôi ao ước rằng chúng ta sẽ thành công. Bởi kiến thức mà ta thu thập được trong sách vở là một báu vật không bao giờ hao hụt, còn tuổi trẻ và sức khỏe cũng là những báu vật song không tồn tại mãi ta cần làm thế nào để sau này khi hồi tưởng lại thời còn trẻ sinh lực dồi dào ta không ân hận rằng mình đã phung phí những báu vật đó. Trái lại ta sẽ xoa tay kiêu hãnh, tự bằng lòng mình vì ta đã dùng những của báu độ vào mục đích tốt đẹp là « góp phần xây dựng », không chỉ cho xã hội ta mà còn là cho mọi con người. CON NGƯỜI viết hoa đúng nghĩa với hai tiếng cao đẹp ấy.

VIỆT THƯỜNG

LẼ SỐNG

Truyện ngắn của NGUYỄN-HỮU-TRI

Anh Chất cầm cây giầm lái chiếc xuồng, tay bủa câu. Chiếc xuồng trôi xuôi theo dòng nước. Lưỡi câu rơi lõm chõm trên mặt sông.

Bủa xong vác câu, anh Chất bơi xuồng đến chiếc phao đầu, buộc lại. Ngồi xếp vành tròn trên sạp tre, anh lấy hộp thuốc, vấn, đánh diêm, đốt. Anh hít từng hơi dài rồi phà khói vào hư không. Khói cuồn cuộn quyện nhau rồi tan đi. Hơi thuốc thấm vào chạy râm rang khắp cơ thể, anh cảm thấy tinh thần lâng lâng sảng khoái.

Trời về đông, mới chập choạng tối mà đã bắt đầu lạnh. Trên nền trời năm ba vì sao lạc lõng. Mặt nước sông phẳng lặng. Đó, đây vài đóm lửa lập lòe của những chiếc xuồng câu khác. Nhìn hai bên bờ sông, anh cảm thấy nguy hiểm thật. Đang đêm một chiếc xuồng con neo một phần ba dòng sông cái lớn như thế này, nếu mỏi mệt ngủ quên gặp khi sắp mưa dông hoặc tàu chạy đêm, sự may rủi biết đâu. Nhưng sự túng thiếu bắt buộc anh phải bạo dạn và rồi cũng quen dần với nghề nghiệp.

Mấy năm qua anh sống về nghề ruộng, nhưng không vốn, anh vay lúa giống, lúa ăn, khi đến mùa gặt hái xong, phải đong lúa vốn lẫn lời, rốt cuộc thiếu cũng hoàn thiếu. Anh xoay qua nghề rẫy nhưng cũng không khá. Hiện giờ anh chỉ trồng được công khoai và thường đêm đi giăng câu kiếm tiền mua gạo và chi tiêu hằng ngày. Anh hy vọng

công khoai trúng có thể bán được ít ngàn trang trải nợ nần.

Làng anh cách quận lỵ lối mười cây số ngàn. Thỉnh thoảng vài ba tuần có cuộc hành quân của lính quận kéo đến làng anh. Đoàn quân đóng vài ba ngày rồi lại rút trở về quận. Ban đêm mấy ông bên trong về đào đường hoặc đắp mô. Con lộ trước kia bằng phẳng hân hoan tiếp đón những đoàn xe qua lại và nàng nhẹ những gót chân thon nhỏ của những cô thôn nữ, giờ đây lở lói như bịnh hủi nằm cô đơn thiêm thiếp. Trời vừa tối thì tất cả mọi người đều thấp thỏm lo sợ. Lắng nghe động tịnh để xuống hầm. Nếu có việc cần đi đêm rước thầy rước mụ mua thuốc và đi giăng câu như anh thì phải có đèn đuốc. Thỉnh thoảng ngoài quận gởi « ô-bít » vào làng. Tiếng nổ long trời, nhà cửa rung rinh. Một khung cảnh buồn bã như một đọa đày truyền kiếp.

Buổi sáng năm rồi vợ chồng con cái anh đi đám giỗ quê ngoại bên kia sông. Lúc nửa trưa có tiếng súng nổ hướng làng anh dữ dội. Người xóm và anh kéo ra bờ sông nhìn về hướng máy bay lượn quanh trên không như diều hâu tìm mồi. Họ bàn tán hai bên dụng nhau. Anh nôn nao lo sợ.

Lễ cúng xong. Buổi trưa nắng đổ gay gắt. Anh cùng vợ con hối hả đi về. Một cảnh tượng hãi hùng thê thảm. Gian nhà của anh và năm sáu ngôi nhà khác hư sập. Từng miếng dăm cây nát vụn.

Anh hết sức cực nhọc lo lắng cất lại gian nhà tre. Vài tháng trước một đêm mưa dông, gian nhà đong đưa như cái giần sàng gạo. Anh trụ cột cho gian nhà khỏi xiêu.

Anh xoè bàn tay. Những kẽ tay nước ăn nứt nẻ và đầu móng thâm đen. Anh lấy chén mặc nưa mài sẵn để ở mũi xuồng xoa vào những kẽ tay. Những vết thương vừa rát vừa mát. Anh hít hà.

Đời anh là cả một cuộc tranh đấu không ngừng để kiếm từ chén cơm, manh áo, chưa bao giờ hưởng được sự thoải mái, an vui. Vì quá vất vả nên người anh già đi trước tuổi, mới hơn ba mươi tuổi đầu mà xem như người trên bốn chục. Anh sống trong cơ cực của cuộc đời và sẽ chết dần mòn trong cơ cực Nhưng mỗi khi ý nghĩ bi quan vừa thức dậy nơi tiềm thức, anh vội xua đi không cho nó dẫn dắt đến chỗ tiêu cực, vì những liên quan đã trói buộc anh với số phận, anh không thể thờ ơ, sự liên quan ấy là gánh nặng gia đình.

Anh chị Chất đã có 4 con. Thằng Tín con Kim thằng Hiền và con Tư. Điều anh lo lắng và đau lòng là thằng Tín đã mười tuổi rồi mà mới học lớp năm. Trường học thì xa. Thỉnh thoảng có cuộc lộn xộn thầy giáo bỏ trường. Trẻ xóm tụ lại cạy cửa vào lớp. Chúng tập tuồng hát tập ca, la hét om sòm. Lấy đất sét vẽ trên bảng đen hình người gầy đét. Rồi viết hàng chữ ngoằn ngoèo thầy giáo Ròm ẩu quá, nhậu như hũ chìm. Mé nền trường cỏ mọc rậm rạp. Trâu bò lội vào ăn cỏ nghểnh cổ nghinh mặt ra đường. Người ta đồn ngôi trường có ma, ban đêm có tiếng hú rồi nói chuyện thì thào. Mấy hôm nay thằng Tín bịnh nghỉ học. Vả nó còn phải giữ em cho chị Chất làm công việc hằng ngày. Anh nghĩ giá anh có tiền thì con anh được sung sướng ung dung ngồi trên ghế nhà trường như những con nhà khá giả ; nhưng với hoàn cảnh hiện giờ của anh rồi đây con anh cũng phải sống cuộc đời mai một như anh, vì anh đã ý thức sự thất học là một khuyết điểm lớn của đời người.

Lúc anh còn nhỏ, có người bà con thương anh, xin anh đem về nuôi cho đi học, vì nghèo lại con đông nên cha mẹ anh bằng lòng. Nói đi học nhưng ngoài hai buổi đến trường, anh phải giữ em, lau bàn ghế, xách nước làm công việc không hở tay. Nhờ tình thương đó nên anh cũng biết đọc biết viết.

Giờ đây mỗi khi đình đám hội hè, anh năm Cải nói thao thao bất tuyệt. Nào là tình hình quốc nội quốc ngoại. Nào

là dụng ngữ lập trường, căn bản, xét vì, cấp bách v.v... Anh không lý hội rốt ráo vấn đề. Tủi thân, anh định mượn sách vở báo chí để đọc, được chữ nào đỡ chữ ấy, nhưng hoàn cảnh lại không cho phép. Vấn đề mưa nắng hay giá sanh hoạt vừa thay đổi cũng đủ làm cho anh chột dạ : Năm nay mưa già quá rồi đây ruộng bị chìm, tới mùa chết đói. Hay mưa đêm thường không giăng câu được rồi làm sao có tiền đóng lời, vì thất mùa ruộng chót mà số nợ thiếu hơn năm nay chưa trả vốn được. Hoặc gạo mới 120$ một chục bữa nay vọt lên 160$ làm sao lo kịp tiền mà mua. Hoặc hơn nữa, vải lên giá vùn vụt, đây có nước ở trần chớ biết làm sao v.v... Một chuỗi tính toan lo nghĩ chèo kéo đan nhau nơi lòng anh như cuồng tơ rối thì đâu còn đầu óc hay thì giờ để học hỏi.

Phao động đậy. Anh Chất liền mở dây xuống từ từ phăn tới. Anh vừa gỡ cá bỏ vào xuống vừa thay mồi, lòng mừng khấp khởi. Mãn đường câu, anh lẩm nhẩm :

— Bữa nay coi mòi khá lắm, mới có một vác mà độ hơn 4 ki-lô nào cá tra cá lăng.

Buộc xuống xong, anh dỡ sạp lấy mấy củ khoai lang nấu. Anh lột vỏ và thỉnh thoảng cắn từng miếng một ăn rất ngon lành như thưởng thức món cao lương mỹ vị. Đoạn anh lấy chiếc nón lá cúi xuống múc nước bưng lên kề miệng nốc ừng ực từng hơi dài. Anh ngẩng lên thở phì, tay cầm một bên vành nón rảy rảy. Nước còn lại trong lòng nón văng tóe ra từng đợt chạt chạt trên mặt nước.

Cao hứng cũng có, muốn đỡ buồn trong đêm vắng cũng có, anh chép miệng ngâm lên một đoạn thơ trong Lục-Vân-Tiên của cụ Đồ Chiểu mà hầu hết mọi người dân quê đều thuộc làu cả tập để ngâm nga khi nhàn rỗi :

— Nước trong rửa ruột sạch trơn ơ ơ ờ
Một cầu danh lợi ơ ơ chi sờn lòng đây ờ ờ
Sớm đoi tối vịnh vui vầy ờ ờ

Giọng anh khi trầm lúc bổng vang lên xé tan bức màn đêm vắng vẻ và gieo vào trong gió gởi tận xa xa.

Mỗi lần anh sắp sửa đi giăng câu, có khi chị Chất đưa anh ít củ khoai lang nấu hay một tô bắp rang hoặc vài khúc mía. Chị cười dễ dãi :

— Nè ! mình bỏ cái này theo xuồng, khuya khuya ăn cho nó vui miệng lại đỡ buồn ngủ.

Mặc dù quê mùa, tính tình chân chất hồn nhiên, nhưng nền lễ giáo cổ truyền đã tiềm tàng nơi người chị. Đối với chồng, chị chiều chuộng, nể nang và an ủi chồng khi có việc buồn phiền. Đối với con, chị săn sóc chu đáo và tích lũy một tình thương dồi dào. Ngoài ra chị còn giỏi giang việc gia đình và siêng năng việc đồng áng. Đáp lại anh Chất rất mực yêu vợ, vậy nên mặc dù nghèo khổ nhưng gia đình bao giờ cũng được đầm ấm.

Anh hết sức đau lòng khi nhìn thấy vợ. Quần áo chị đã rách hết mà chưa có tiền mua vải. Nhiều khi chị mặc chiếc áo rách bày cả vai nút đứt hở bụng. Nhưng lòng hy sinh kín đáo đối với chồng con. Mỗi khi mua vải về chị nói với anh :

— Mình hay đi đứng vậy để may cho mình trước, còn tui ở nhà bận gì cũng được. Hay chị nói : may cho con cho nó mừng. Người ta nói con nít thường vui mừng nó mau lớn.

Phao lại động. Anh bơi xuống thăm câu. Vác này còn trúng hơn vác trước.

Bây giờ lối chín giờ đêm. Gió bấc thổi lao rao. Mặt nước xao động. Mưa rơi lấm tấm. Anh nghe lạnh. Anh lột cái choàng đang bịt đầu vấn quanh hai ống chân vì chiếc quần đùi không phủ kín, và lấy chiếc nón lá đội đầu. Anh ngồi chồm hổm, thu mình, hai tay khoanh lại để trên hai đầu gối. Chập sau nước mưa thấm ướt chiếc áo vải dính sát da lưng làm anh hơi run. Anh liền tháo chiếc nóp ra, phủ nửa thân sau.

Gió thổi hơi rong ngọn. Tiếng sóng vỗ nhẹ hai bên mạn xuồng xọc xạch. Anh muốn cuốn câu về. Bỗng chiếc phao động mạnh, quay tròn, chìm xuống nổi lên. Biết gặp cá lớn, anh lập tức cuốn lẹ chiếc nóp, rồi tháo cái choàng ở chân quấn lên cổ. Anh mở dây xuồng nắm phao phăn tới. Bỗng tiếng anh Hải — người cùng xóm mà cũng là bạn đồng nghiệp của anh — hòa trong gió gọi vọng lại :

— Anh Chất ơi ! cuốn câu dìa. Sắp dông bấc a.

Tay vẫn phăn câu, anh đáp lại :

— Ờ, anh dìa trước đi. Tui thăm xong vác câu này cũng dìa đa.

Anh phăn càng nhanh. Đến chiếc phao thứ ba anh phăn nặng tay quá. Anh liền ngồi bẹp xuống, ấn hai gót chân vào then xuồng, nín hơi, hai tay chuyển mạnh, kéo. Con cá trồi lên mặt nước. Nó vẫy vùng nhào lộn như anh kép hát xiệc nhào đu. Nước văng tung tóe ướt cả ngực và mặt anh làm anh chóa mắt. Anh quấn dây câu vào khoen xuồng, ghịch lại, tay trái giữ mối dây tay phải vuốt mặt rồi chụp lẹ cây câu bắt. Anh thọc xuống móc vào mang cá nhưng cá vẫy mạnh quá vuột đi. Anh móc tiếp lần nữa và cực nhọc lắm mới đem được cá vào xuồng. Qua ánh sáng của chiếc đèn lồng, anh mừng rỡ reo lên :

— Ồ ! cá bông lau, lối mười lăm kí !

Loại cá nầy rộng trong xuồng không được vả nó có thể vẫy ra khỏi. Anh lấy một sợi dây xỏ vào mang cá buộc chặt. Đầu dây còn lại anh buộc vào then xuồng, hai tay nâng cá thả xuống nước giòng cặp bên hông xuồng.

Bỗng trên không tiếng sét nổ liên tiếp. Mưa trút xuống rào rào trên mặt sông và dội vào chiếc nón lá của anh đốp đốp. Anh hối hả cuốn câu. Xong, anh lấy giầm nhắm hướng bơi vào bờ.

Trời tối đen. Gió mỗi lúc càng to, sóng càng lớn. Chiếc xuồng bạt ngang tròng trành muốn úp. Nhanh tay anh thọc

giầm bên be xuống lái mạnh, chiếc xuồng quay lại theo chiều lượn sóng. Thỉnh thoảng trời chớp lóe lên ánh sáng rợn người. Những lượn sóng to gào thét ồ ạt đuổi nhau phủ tới bỏ vòi trắng xóa như những con rắn khổng lồ bao vây chực vồ lấy con mồi. Chiếc xuồng bị nhồi chúi mũi xuống cất lái lên, rồi hạ lái xuống cất mũi lên làm anh lắc lư muốn mất thăng bằng. Nhưng anh cố giữ cho xuồng gối đầu lượn sóng và bỏ giầm bên phải, móc bên trái, bơi. Anh trao cây giầm qua lại liền liền và gắng sức bơi nhưng xuồng vẫn đi chậm. Anh điều khiển chiếc xuồng rất cực nhọc như người kỵ mã đã bao phen ra roi điều khiển con ngựa chứng cất tiền cất hậu nhưng nó vẫn chẳng tuân.

Toàn thân anh ướt dầm nước mưa, tứ chi bải hoải. Từng làn gió lạnh rít lên như cắt da xoi thấu ruột anh. Hai hàm răng anh khua vào nhau lọc cọc. Lạnh như thế mà mồ hôi rướm ra lấm tấm trên trán anh. Sự rủi ro hiện giờ chỉ xê dịch một tí là xuồng bị đắm. Anh hồi hộp lo âu. Nếu chẳng may mà xuồng đắm thì thân anh phải bị chôn sâu dưới lòng sông lạnh. Rồi vợ con anh... Hiện tượng một người vợ yếu, một đàn con nheo nhóc. Anh cảm thấy lòng đau nhói. Như có ma lực thúc đẩy, anh nỗ lực bơi một cách hăng hái. Mỗi mái giầm bỏ xuống, anh cúi rạp mình tới, nín hơi bơi miết mái dài.

Anh vẫn bơi. Trời vẫn chớp. Rặng cây ven bờ hiện ra lờ mờ trước mắt, anh càng bơi hăng hơn. Mưa từ từ ngớt hột. Gió cũng dịu dần. Anh bơi nhẹ tay mà xuồng đi mau hơn. Và chặp sau anh vào đến bờ.

Quá mỏi mệt, anh buộc xuồng vào nhánh cây gie xuống mặt sông : Anh lần dây thăm lại con cá bông lau. Hai tay anh nâng nhẹ con cá lên như nâng niu của quí. Xong anh thảo cái choàng quấn cổ ra lau hai bàn tay rồi lấy hộp thuốc vấn một điếu hút để lấy lại hơi ấm. Khi đánh diêm ánh lửa nhoáng lên, anh thấy hai bàn tay tái xanh và mười đầu ngón tay đều móp, tuy nhiên lòng anh rộn lên một niềm vui khó tả.

Hút xong điếu thuốc, anh mở dây xuồng cặp bờ bơi về. Vừa bơi anh vừa nghĩ : Bữa nay « Bà cậu » độ mình khá quá. Số cá nhỏ và con cá bông lau trên hai chục kí. Theo giá cá lúc này chắc bán được ngàn hai ngàn ba. Vậy mình mua một giạ gạo. Còn lại bao nhiêu tiền mua cho má thằng Tín một bộ đồ vải đen, thằng Tín một bộ đồ vải bông, con Kim thằng Hiền còn Tư mỗi đứa may đỡ một cái áo. Tội nghiệp ! thằng Tín thấy thằng Sáu con anh tư Nam bận bộ đồ vải bông nó trầm trồ hoài.

Bỗng anh nghe có hơi tàu chạy. Anh dòm ngoái lại. Thỉnh thoảng giữa dòng sông ánh đèn pha chiếu lên rực rỡ. Anh bơi cặp bờ lòn lỏi ẩn mình qua những đống chà sợ tàu bắt gặp lục soát lôi thôi. Máy tàu nổ mỗi lúc một gần. Rồi có tiếng súng từ dưới tàu bắn lên bờ bên kia. Anh lo sợ bơi mạnh tay, mắt đớn đác ngảnh nhìn bóng tàu lù lù tiến tới thật nhanh. Bỗng chiếc xuồng đội mạnh lại. Bất thình lình anh chới với ngã ngửa xuống mặt nước hai chân còn gác trên xuồng. Chiếc xuồng quay ngang nghiêng một bên, nước vừa tràn vào. Cá bắt hơi nước mát rộ lên. Anh hoảng hốt lăn mình rút chân xuống nước, đoạn trồi đầu lên, hai tay nâng xuồng hì hục lội vào bờ. Chiếc tàu chạy qua khỏi. Sóng từ ngoài cuồn cuộn lăn đến đập vào mé bờ ầm ầm. Những lượn sóng to phủ lấp đầu anh và đập chiếc xuồng lắc lư. Anh sặc nước trồi lên thở khì khịt.

Chán đụng đất, anh kéo mạnh và đem xuồng cặp vào mé bờ. Anh đỡ sạp tát bớt nước. Chiếc lồng đèn đã rớt mất. Anh thò tay sờ cá trong xuồng còn độ hai phần ba. Lập tức anh bước tới lần dây thăm con cá bông lau nhưng chỉ còn lại sợi dây trơ trọi. Anh ngẹn ngào đứng thừ người. Anh nhớ lại, tặc lưỡi :

— Phải rồi ! Lúc nãy xuồng tấp vào đống chà. Chắc cá vướng dây. Mình kéo nặng tay quá !

Anh buồn bã lên xuồng uể oải bơi đi. Thôi, thế là mộng đẹp ngày mai tan đi như mây khói. Đời anh sao gặp

toàn cảnh may ít rủi nhiều. Tay bơi xuống mà lòng anh nghĩ vơ vẩn đâu đâu, thỉnh thoảng lại thở dài.

Về đến bến, anh bắt cá bỏ vào rộng và buộc chặt dưới dạ cầu. Anh xách giầm lững thững lên nhà.

Vào đến sân, anh thấy chị Chất còn chong đèn ngồi rọc lá chuối sáng đi chợ bán. Anh bước vào dựng cây giầm bên hông nhà. Nghe tiếng động, chị Chất bưng đèn đi ra, giọng mừng rỡ :

— Tía thằng Tín dìa đó hả ? Hồi nãy mưa dông, tui lo quá ! Bữa nay khá hông mình ?

Anh đáp lại giọng rầu rầu, gọn lỏn :

— Ối ! được ít kí gì đó.

Anh cố giấu không cho vợ biết sự thật, nếu biết chị thêm buồn tiếc rẻ, nhưng quá thất vọng anh không nén được lời nói chán nản, cộc lốc. Chị đâu biết điều bí ẩn nơi lòng anh. Chị ngỡ chồng buồn vì quá cực nhọc mà sự kết quả không xứng công. Chị an ủi :

— Thì có bữa trúng bữa thất chớ sao mình. Mà vậy cũng khá, có thua mọi bữa lắm đâu. Thôi mình đi thay mình đi, quần áo ướt hết kìa. Gió máy độc địa.

Anh vào nhà thay quần áo. Rồi anh đi lại nằm chuỗi trên bộ ván. Chị Chất tiếp tục rọc lá.

Một lát sau anh Chất nghe ớn lạnh sau xương sống toàn thân mỏi rừ, đầu nhức như búa bổ ? Anh kéo chiếc chiếu đắp lên mình, rên khừ khừ. Chị Chất giật mình bước nhanh lại đặt tay lên trán chồng. Chị nhíu mày giọng lo lắng :

— Mèn ơi ! Trán mình nóng hầm nè. Chắc mình trúng nước rồi !

NGUYỄN-HỮU-TRI

VƯƠNG THÚY KIỀU TRUYỆN

của Dư Hoài tự Đạm Tâm

(rút trong Ngu Sơ Tân Chí)

● Bản dịch của AN CƯ

Tôi đọc sách Ngô Việt Xuân Thu, thấy Tây Thi làm cho nước Ngô bị diệt vong rồi theo Phạm Lãi về ở Ngũ Hồ, trộm nghĩ người đàn bà được ủy thác dùng sắc đẹp làm cho nước người ta bị tiêu diệt, mà không chịu chết theo, như thế dầu không phụ lòng người, nhưng vẫn phụ ơn người rồi. Còn như Vương Thúy Kiều đối với Từ Hải, việc công việc tư đều làm trọn, chắc phải khác Tây Thi.

Than ôi ! Thúy Kiều vốn là con nhà hát đê tiện, mà hành vi sáng sủa trong sạch như thế, kẻ nam nhi đem so sánh cũng phải hổ thẹn nhiều. Tôi vốn đau xót cho chí nàng, sắp xếp lại việc làm của nàng để viết thành truyện. Truyện rằng :

— Vương Thúy Kiều người đất Lâm Truy, lúc nhỏ bị bán cho nhà điếm, mạo nhận họ Mã, mụ chủ gọi là Kiều nhi, dáng điệu đẹp đẽ, tánh nết thông minh, đem đến Giang Nam dạy hát điệu Ngô Du, tức thì nàng giỏi điệu Ngô Du ; dạy đàn Hồ tỳ bà, tức thì nàng đàn giỏi Hồ tỳ bà ; thổi tiêu dựng khúc, âm thanh thoát ra vừa trong trẻo vừa vút lên ; cầm phách trỗi giọng, khiến khách nghe phải lắng tai dần dần. Trong chốn Bình khang, danh tiếng Kiều nhi trỗi hẳn lên. Nhưng tính Kiều nhi nhã đạm, thường tự vui với mình, không thạo việc dồi phấn thoa son. Đứng tựa cửa gặp những người buôn bán bụng phệ hoặc những người có lắm vàng, nàng cười họ bằng mắt, không bao giờ ban cho họ một cái nhìn đa tình khêu gợi hoặc một lời dịu dàng, nên mụ chủ càng

ngày càng ghét và thường đánh đập chửi rủa nàng. Gặp một thanh niên cho tiền nàng, dùng kế chuộc thân thoát mụ chủ, rồi dọn đến ở huyện Gia hưng, đổi tên là Vương Thúy Kiều. Lúc đó có người đất Hấp tên La Long Văn, giàu có, hào hiệp, giao thiệp rộng, quen thân với Thúy Kiều rất lâu, lại thân với một kỹ nữ kém danh tiếng hơn tên là Lục Châu. Còn Từ Hải là người đất Việt, gian xảo và khinh bạc, nghèo và vô lại, bị bọn người cờ bạc làm cho cùng khốn, một mình nhảy vào nhà Thúy Kiều ẩn núp, ban ngày không dám ló mặt ra ngoài, sợ gặp mặt người ta. Long Văn biết ông là một tráng sĩ, chịu kết bạn và mời ông uống rượu, lại nhường Lục Châu cho Hải một đêm. Hải không từ chối. Uống rượu đến lúc hai tai đã nóng, Hải xăng tay áo ghé tai Long Văn nói : « Mảnh đất nầy không phải chốn đắc ý của chúng ta. Đại trượng phu làm sao sống ẩn uất dưới người khác được. Ông nên cố gắng, tôi cũng từ nay đi nơi khác, một ngày kia có phú quí thì đừng quên nhau ». Rồi Hải khẳng khái hát bài ca bi hùng. Vài hôm sau, Hải từ biệt ra đi. Từ Hải vốn là sư của chùa Hồ Bảo ở Hàng châu, gọi là hòa thượng Minh sơn. Chẳng bao lâu Hải đi Nhựt bổn, làm thuyền trưởng, cầm hùng binh trên mặt biển, thường quấy nhiễu đất Giang Nam.

Năm Gia tĩnh thứ 35, vây tuần phủ Nguyễn Ngạc ở Động Hương, Thúy Kiều và Lục Châu đều bị bắt. Hải thấy nửa lo nửa mừng, bảo Thúy Kiều đón Hồ tỳ bà để hầu rượu, càng ngày càng sủng ái, gọi là Phu nhân, bắt tất cả các nàng hầu khác phải ra lạy. Thúy Kiều một khi đã được yêu mến, phàm các việc quân cơ mật hoạch, chỉ có nàng một mình được nghe. Thúy Kiều bề mặt tỏ ra thân gần với Hải, trong bụng lại mong Hải có lúc thua trận thất bại để thân nàng được tự do mà trở về quê cũ, nàng thường khóc. Gặp lúc tổng đốc Hồ Tôn Hiến khai phủ Triết giang, giỏi dùng binh, lắm mưu mẹo, muốn dùng Từ Hải giết bọn Ma Diệp và Trần Đông để ly tán bọn Vương Trực (tức Uông Trực), sai Hoa Lão Nhân đem hịch đến dụ hàng ; Hải tức giận trói Hoa Lão Nhân đem chém, Thúy Kiều nói rằng bây giờ việc sanh sát ở trong tay ngài, còn việc hàng hay không hàng có liên hệ gì với sứ giả ? Hải liền mở trói Hoa Lão Nhân, ban cho vàng bạc rồi đuổi đi. Lão Nhân về bảo Tôn Hiến : « Thế giặc đương mạnh, chưa diệt được.

Tôi thấy Vương Phu nhân mà Hải sủng ái, dáng điệu có vẻ hướng ra ngoài, hay là chúng ta dùng bà để giết giặc chăng ? » La Long Văn thoạt nghe, lấy làm mừng, vì quen trước với Thúy Kiều, nhờ mạc phủ thượng khách (người khách nuôi trong nhà) tên là Sơn Âm Từ Vị để ra mắt Tôn Hiến và Tôn Hiến khôn lanh viện cớ là người cùng làng, xuống thềm đón tiếp và nói : « Ông cũng có ý việc công danh phú quí chăng ? Tôi bầy giờ cần dùng đến ông ». Cùng nhau nói chuyện rất vui vẻ. Rồi Long Văn mặc y phục hiệp sĩ thẳng đến doanh trại của Hải, nộp danh thiếp xin ra mắt Hải. Hải mời vào thỉnh ngồi chỗ danh dự, bầy rượu và cầm tay Long Văn nói : « Túc hạ chẳng ngại đường xa đến làm thuyết khách cho Hồ công chăng ? » Long Văn cười đáp : « Không phải làm thuyết khách cho Hồ công, mà làm trung thần cho cố nhân. Vương Trực đã sai nộp tiền xin hàng, cố nhân không thừa cơ hội nầy giải giáp thích binh, một ngày kia sẽ bị bắt ». Hải ngạc nhiên, nói : « Hãy gác việc nầy qua một bên, bây giờ cùng cố nhân uống rượu đã ». Cầm vóc, âm nhạc rất mực đầy đủ, sang trọng ; Từ Hải nghiễm nhiên tự cho rằng đại trượng phu thỏa chí ở đời, nên phô trương như thế. Uống rượu nửa chừng, cho gọi Vương Phu nhân và Lục Châu ra mắt Long Văn ; Long Văn thay sắc mặt chào Thúy Kiều, nói cười vui vẻ, không động đến chuyện tư trước kia. Thúy Kiều vốn biết Long Văn là người hào hiệp, khuyên Hải sai người cùng Long Văn đến dinh Tổng đốc Hồ Tôn Hiến nộp tiền, giải vây Động Hương. Tôn Hiến mừng, theo kế Long Văn, đem vàng ngọc lén lo lót Thúy Kiều. Thúy Kiều càng động lòng, ngày đêm khuyên Hải ra hàng. Hải tin theo, dùng kế bắt trói Ma Diệp và Trần Đông, hẹn ngày hàng với Tôn Hiến, đến Động Hương, Hải mặc giáp trụ vào thành. Lúc đó Triệu Văn Hoa (binh bộ thượng thơ), Nguyễn Ngạc và Tôn Hiến ngồi một cách nghiêm trang. Hải giập đầu xuống đất tạ tội, rồi cám ơn Tôn Hiến. Tôn Hiến xuống vuốt đầu Hải nói : « Nay triều đình ân xá ngươi, ngươi đừng phản nữa ». Hải được ban thưởng rất nhiều rồi lui ra. Hải đi ra, thấy quân lính tụ họp, hơi nghi ngờ. Tôn Hiến có lòng thương Hải nên không muốn giết, bị Triệu Văn Hoa ép buộc, phải ra lịnh tổng binh Du Đại Du chỉnh đốn hàng ngũ tiến quân, gặp lúc gió to, phóng lửa, các đạo quân thừa cơ đánh trống hò hét tấn công, giặc tan rã bị giết sạch. Hải

hoảng hốt nhảy xuống nước, bị bắt dẫn ra chém đầu, còn Thúy Kiều bị bắt dẫn tới cửa quân. Tôn Hiến mở tiệc cùng các tướng tá ăn mừng, bảo Thúy Kiều hát điệu Ngô Du, đem rượu hầu khắp các tướng. Các tướng có người quì trên chiếu, có kẻ nhảy múa, nâng rượu chúc tụng Tôn Hiến. Tôn Hiến say cũng xăng tay áo cầm giáo đùa với Kiều, tiệc loạn rồi tiệc tan. Hôm sau, Tôn Hiến xấu hổ và hối tiếc việc xảy ra lúc say rượu, ban Thúy Kiều cho tên tù trưởng người Vĩnh thuận dưới quyền mình. Thúy Kiều theo tù trưởng Vĩnh thuận về phía sông Tiền Đường, lòng áy náy đắm giường thở dài : « Minh sơn đối đãi với ta rất hậu, ta dùng việc nước dụ ông khiến ông bị giết. Giết một tù trưởng rồi theo một tù trưởng khác, ta có mặt mũi nào sống nữa », hướng về mặt sông khóc rồi nhảy xuống sông tự tử.

Nhà ngoại sử nói : « Than ôi ! Thúy Kiều dùng cái chết để trả ơn Từ Hải, chí đó đáng thương thay. Lư Long Văn được người đời xưng là Tiểu Hoa Đạo Nhân, giỏi nghề làm mực cây, lúc đầu dùng lối du thuyết và lén lo lót Thúy Kiều để dụ Từ Hải bãi binh, có thể gọi là người « trí », sau a dua kẻ quyền quí, rồi cùng Nghiêm Thế Phồn bị chém ở chợ Tây. Đem so với cái chết của Thúy Kiều, khác nào lông hồng bên cạnh núi Thái sơn. Làm người phải biết trọng cái chết, con điếm còn biết trọng, huống chi bực sĩ đại phu không biết trọng, tại sao ? Đáng thương thay.

Trương Sơn Lai nói : « Hồ công đối với Thúy Kiều, không ban cho Tiểu Hoa Đạo Nhân mà ban cho tù trưởng, tâm địa đó là tâm địa thế nào ? Xét về Thúy Kiều sau khi bị bắt không chết ngay lập tức, mà lại dâng rượu trước mặt các tướng tá, ta biết lòng nàng đã có chỗ gởi gắm rồi. Về sau gieo mình xuống sông chết nhứt định không phải để đền ơn Minh sơn vậy.

AN CƯ dịch

NHÓM ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

— lãnh in sách và tác-phẩm
— việc làm kỹ-lưỡng.

Tìm hiểu

QUỐC-NHẠC VIỆT-NAM

(Tiếp theo)

✲ Của NGUYỄN-CÔNG-THIỆN

LỊCH-TRÌNH TIẾN-HÓA CỦA QUỐC-NHẠC QUA CÁC THỜI-ĐẠI

Ca-vũ-nhạc-kịch Dân-tộc được trưởng thành vào Cận-Kim Thời-Đại

Từ đầu thế-kỷ XIX đến trước Đệ-nhị Thế-chiến, trong khoảng lối 140 năm, tinh thần quật-khởi của Dân-tộc ta lên cao tuyệt đỉnh. Nơi ý-chí đấu tranh bất khuất cho nền Tự-do, Độc-lập của nước nhà được vị Anh Hùng Quang-Trung NGUYỄN-HUỆ rèn đúc nên nhơn dân ta đã vùng lên thực-hiện nhiều việc cải-cách để phục-hưng chấn-chỉnh trên mọi lãnh-vực.

Ngoài việc thay thế chữ Hán bằng chữ Nôm, riêng về nền Quốc-Nhạc theo sử-liệu có ghi chép đành rành, chúng tôi nhận thấy nhiều sự cải-biến toàn diện để đào-thải các dấu vết ngoại lai (ảnh hưởng Hoa-Ấn) hầu trở lại với nội-dung, hình-thức, thể-điệu, sắc-thái thuần chất dân-tộc Việt-Nam.

Thật thế, Nhạc-Triều-Miếu được chỉnh-đốn một lần nữa và loại Nhạc-Ca giải trí tiêu sầu đã bành trướng mãnh liệt dưới các Triều-Đại nhà Nguyễn vì được hầu hết các từng lớp nhơn-dân trong xã-hội mến thích ham mộ.

Điển-hình nhứt là sự phát-triển của môn Cổ-kịch (Hát Bội) với nhiều vở tuồng đặc-sắc, đầy giá-trị văn-chương và sự phát xuất môn Tân-kịch (ca-kịch Cải-lương và Thoại-kịch).

Để ý-thức phần nào về các việc trình bày trên đây và chứng minh sự trưởng thành của Quốc-Nhạc vào thời Cận-Đại, thiết tưởng nên biết sơ qua hình-thức những thành-phần các loại Nhạc kể sau :

A — NHẠC TRIỀU-ĐÌNH

Theo Đại-Nam Hội-Điển Sự-Lệ thì dưới triều Nguyễn chỉ còn lại :

1.— Bộ Nhã-Nhạc với các nhạc-khí như :

1 Bảng cồ (trống bịt một mặt da)
1 Tỳ-bà
1 Nguyệt-cầm (đờn kìm)
1 Nhị-huyền (đờn cò)
2 Địch (loại tiêu sáo thổi ngang ống)
1 Tam-âm (chuông ghép có ba giọng)
1 Phách-tiền (nhịp sanh bằng tiền điếu)
Đàn huyện-tử (đờn tam) bị loại bỏ.

2.— Nhạc-huyền gồm có :

1 Kiến cồ (trống đứng)
1 Bác chung (chuông lớn)
12 Biện chung (chuông ghép 12 giọng)
12 Biện khánh (chuông đá ghép 12 giọng)
1 Phục phụ (trống 2 mặt da, bụng phình)
1 Chúc (hộp bằng gỗ)
1 Cồ (trống)
2 Cầm (đờn 7 dây)
2 Sắt (loại đờn 25 dây)
2 Bài tiêu
2 Địch
2 Sênh (kèn)
2 Huân (nhạc-khí để thổi, bằng đất hầm)
2 Trì (tiêu hay sáo thổi ngang ống)
1 Phách bằng (nhịp sanh bằng gỗ)

Đó là một nhạc-đội 15 loại nhạc-khí thông dụng vào các dịp Đại-Lễ.

3.— Đại-nhạc hay Cổ-xúy đại-nhạc gồm có :

20 Cồ
8 Minh ca (sáo bằng loại sậy)
4 Câu giốc (tù và bằng sừng trâu)
4 Sa la (chuông)
4 Tiểu sa (chuông nhỏ)
2 Hải loa (loa bằng vỏ ốc)

Đội Đại-nhạc nầy với thành phần 42 nhạc-công không giống Ban Đại-Nhạc nhà Trần vào thế-kỷ XIII.

4.— Tế-nhạc hay Ti-trúc tế-nhạc gồm có 8 nhạc-công và kể từ năm 1828 được đổi tên là Hòa-Thanh-Thự cùng thêm vào 8 ca-công. Đến năm 1831 trong dịp Đại-Lễ, ta thấy có sự hiện diện các nhạc-khí :

— Bác chung
— Đặc khánh
— Biện chung
— Biện khánh
— Ty chung
— Ty khánh

5.— Ty-cồ (đội trống) với 7 nhạc-công được sử dụng trong dịp Tế Giao Trời Đất.

6.— Quân nhạc là Đội-Nhạc-Võ mà chúng tôi không được rõ thành phần nhạc-khí.

7.— Đội-nhạc Cung-nội là bộ đội hợp tấu vào năm 1827 dưới triều Minh-Mạng nhơn dịp Lễ-tế để kỷ-niệm đệ lục-thập chu niên Hoàng-Thái-Hậu, gồm có :

— Trống bọc
— Tiểu cồ
— Đại cồ
— Phách
— Sinh tiền

— Tranh huyền
— Nguyệt cầm
— Tỳ bà
— Tam huyền
— Nhị huyền
— Địch, sáo
— Quản (kèn đôi)

Ngoài ra, đội-nhạc dành riêng cho Hoàng-Thượng có những nhạc-khí sau đây :

1 Nhị huyền
2 Kèn
5 Tiêu sáo
1 Sinh tiền
1 Tam âm
2 Nhịp sanh
1 Trống.

Nhưng vào năm 1919, ta thấy đội nhạc nầy chỉ còn 10 nhạc-khí :

1 Trống bọc
2 Sáo
1 Sinh tiền
1 Tam âm
1 Phách
1 Nhị
1 Tam
1 Nguyệt
1 Tỳ bà.

B.— NHẠC-LỄ

Về các Dàn Nhạc-Lễ chúng ta thấy có :

1.— Phường bát âm dùng vào các việc hôn-nhơn tang-tế, có 8 nhạc-khí như của Đội nhạc Triều-Đình :

1 Trống bọc
1 Thiếu canh (đầu)

1 Địch
1 Nhị
1 Tam
1 Tỳ bà
1 Nguyệt
1 Thập lục (tranh 16 dây),

2.— Phường kèn là những ban nhạc nhỏ, khác Phường bát-âm và tùy địa-phương, chỉ có 3, 4 hay 5 cái kèn.

3.— Nhạc ngũ âm là Ban nhạc-lễ thông dụng tại miền Nam với 5 hay 6 nhạc-khí. Ban nhạc nầy có thể tấu Nhạc-văn hay Nhạc-Võ.

a) Về Nhạc-Văn ta thấy có :

— Đàn cò
— Đàn cò chỉ
— Đàn cò gáo tre
— Đàn cò gáo dừa
— Trống nhạc hay trống bát cấu
— Trống cơm.

Nhạc-công có khi thay thế cây đàn cò bằng một ống sáo hay địch.

b) Về Nhạc-Võ, 5 nhạc-công sử dụng 6 loại nhạc-khí :

— Trống đực, trống cái (trống văn trống võ)
— Chập bát
— Đầu hoặc Thanh-la (một nhạc-công sử dụng)
— Mõ
— Kèn trung
— Bồng.

C.— NHẠC THÍNH PHÒNG

Nhạc thính phòng là loại ca-nhạc giải trí, tiêu sầu của nhóm tài-tử sử dụng 3, 5 hoặc 6 nhạc-khí hợp tấu (miền Trung có Đàn Huế, miền Nam có đờn tài-tử) để tiêu khiển trong lúc nhàn rỗi trong gia-đình, khi trà dư tửu hậu.

D.— NHẠC KỊCH TRƯỜNG

Đó là các thể nhạc được áp dụng trên sân-khấu kịch-trường tân cổ (hát chèo, hát bội, hát cải-lương).

E.— NHẠC DÂN GIAN

Chúng ta có thể gọi là Nhạc Bình Dân đối với Hát Xẩm ở Bắc, Hát Bài Chòi ở Trung và Hát Nói Thơ ở Nam.

Về 3 thể nhạc (thính phòng, Kịch trường, Dân Gian) vừa nêu trên, chúng tôi xin sẽ trình bày vào một chương khác.

Ngoài ra, nhờ các chi tiết trong Đại-Nam Hội-Điển Sự-Lệ, chúng tôi được biết về Nhạc Triều-Đình :

— khi hành lễ tế Đất Trời, dàn nhạc phải hợp tấu 9 nhạc-khúc khởi đầu với tựa chữ *Thành*,

— khi hành lễ tại Lăng-Tẩm các Tiên-Đế triều Nguyễn, phải tấu 9 bản khởi tựa bằng chữ *Hòa*,

— tế Thổ-Thần và Thần Mùa Màng, phải thực hiện 7 bản khởi bằng chữ *Phong*,

— tại Văn-Miếu lễ tế có 6 bản với tựa chữ *Văn*,

— khi lâm triều phải hợp tấu 5 bản khởi bằng chữ *Bình*,

— lúc đại-yến phải tấu một loạt 5 bản khởi tựa bằng chữ *Thành*,

— tại cung-nội, khi tiếp giá, phải tấu một lúc 5 bản khởi tựa với chữ *Khánh*,

— tại Lăng-Tẩm Lịch-đại-đế-vương (vua các tiền triều) phải tấu 6 bản khởi tựa bằng chữ *Huy*.

Hơn nữa, trong dịp thiết lễ tại triều-nội hay tại Lăng-Tẩm, luôn luôn đều có 64 vũ-công sắp thành 8 hàng 8 múa hát văn-vũ và võ-vũ. Tại Văn-Miếu chỉ có 36 vũ-công sắp thành 6 hàng 6 múa văn-vũ mà thôi.

Đại khái ta còn thấy lối múa Hoa-Đăng (múa bài bông) mà ban vũ gồm ít lắm là 8 vũ-nữ, có khi lên đến 16 hay 32 vũ-nữ

trong các cuộc Lễ quan trọng. Nhưng kể từ 30 năm nay, ban vũ nầy đã thu hẹp chỉ còn lại 4 vũ-nữ mà thôi, thật là một điều đáng tiếc.

Căn cứ vào các sự-kiện nêu trên, chúng tôi nhận thấy hãnh-diện với nền Quốc-Nhạc rất xứng đáng, bao gồm đầy đủ các bộ môn ca-vũ, nhạc-kịch, tạo nên một kho tàng văn-nghệ vừa độc-đáo vừa quí-báu, đã được trưởng thành trong tinh thần tự do, tự chủ vào Thời-Đại Cận-Kim vậy.

(CÒN TIẾP)

NGUYỄN CÔNG THIỆN

KIM CANG

59, đường PHẠM HỮU-CHÍ (Chợ-lớn)

(Bên hông Y-Viện Chợ Rẫy)

CHUYÊN LÀM BẰNG MÁY :

Các nắp chai đủ cỡ, bằng nhôm hay bằng thiếc cho các nhà thuốc Tây và nhà thuốc Bắc.

Đi dạo với giáo sư

NGUYỄN THIỆU LÂU

Bài của SƠN NAM

Giáo sư Nguyễn Thiệu Lâu đã mất trong năm qua. Đó là một cái tang của giới nghiên cứu sử-địa. Giáo sư đã làm việc nhiều từ hồi còn trẻ cho đến lúc kiệt sức, bi quan vì tình thế; rất tiếc là mãi đến nay, giới yêu thích sử-địa khó tìm những bài ấy. Ngoài một số bài đăng tải trong các tạp chí khảo cứu về sử địa, nhân chủng thời Pháp thuộc, lúc sau nầy, ông viết nhiều bài để đọc trên đài phát thanh ở mục Non Nước Việt Nam. Nếu chúng tôi không lầm thì phần lớn các bài phát thanh ấy được đăng tải vào tạp chí Gió Mới. Đài phát thanh đã xuất bản một tập mỏng « Non Nước Việt Nam ». Chúng tôi ước mong rằng Viện Khảo Cổ sẽ sưu tầm, phân loại những bài nghiên cứu của ông Nguyễn Thiệu Lâu và cho ấn hành gấp, kẻo thất lạc. Chẳng lẽ Viện Khảo Cổ thiếu tiền để in? Hồi còn sống, ông đã buồn bực vì chuyện đó, chúng tôi đã nhiều lần hỏi, ông trả lời:

— Đánh máy nhiều lần, trao cho nhiều người bạn, người bạn nào cũng gật gù hứa sẽ in nhưng rồi ngày qua tháng lại. Thôi thì uống một ly rượu nhỏ, đừng nhắc làm gì cho mất vui.

Ông có tâm hồn cởi mở, sẵn sàng trò chuyện thân mật với tất cả mọi người. Vào năm 1959 — 1962, muốn tìm ông thì cứ đến Ngã Sáu, góc Nguyễn Tri Phương — Minh Mạng, ông ngồi gần như thường trực tại quán Tân Cúc Mai và lắm khi lại dựa lưng vào vách mà ngủ, kê chân lên cái ghế đẩu. Khi có đứa bé trêu chọc đánh thức thì ông trợn mắt, làm nghiệm rồi lại cười xòa. Tuy uống rượu rất dở nhưng tôi thích nhậu với ông, uống khan, không cần thức ăn và chỉ uống rượu đế, rượu thuốc rẻ tiền hai đồng hoặc 5 đồng một ly nhỏ. Uống xong là bắt đầu cuộc phiếm du, đi từ quán nầy đến quán khác. Ông uống rất cẩn thận, đại khái, sau mỗi lần rời quán là ông hỏi:

— Trong túi anh còn bao nhiêu? Mình hùn vốn lại để đi chơi.

Thế là mỗi người hùn chừng 30 hoặc 40 đồng, tha hồ mà giết thời giờ. Tính đồ đồng, với 10 đồng ông với tôi vào ngồi được một quán, mỗi người uống một ly, rồi lại ra đi, tìm quán thứ nhì, đến chiều tối, đến nửa đêm, ăn kèm thêm 5 đồng bún hoặc cháo gà (theo thời giá lúc bấy giờ).

Một ông bạn, bây giờ làm công chức cao cấp, đã tâm sự với tôi:

— Ông Lâu là con người khoa học, rất khó tánh. Năm đó, ở Huế, ổng làm cho năm sáu thí sinh rớt... thật đau, khi vào vấn đáp sử-địa. Ông chỉ nêu một câu hỏi « Mưa là gì? ». Các thí sinh tưởng là dễ ăn nên tha hồ vẽ vời, đem thí dụ cái nồi nước sôi, hơi nước bốc lên gặp cái nắp vun nên đọng lại từng giọt rơi xuống. Ông tuyên bố công khai là các cậu đều rớt, phải học thêm vài năm nữa rồi hãy thi. Vài cậu thí sinh khóc lóc, yêu cầu ông rộng lượng khoan hồng và giải thích dùm tại sao họ bị đánh rớt. Bấy giờ ông mới nói: « Tôi hỏi các anh « Mưa là gì? » chớ tôi không hỏi tại sao có mưa? Các anh phải trả lời cho trúng đề, trả lời vắn tắt rằng mưa là một hiện tượng trong không gian. Thế thôi! »

Cái tinh thần khoa học ấy, ông luôn luôn nhắc nhở với tôi: « Biết thì nói là biết, chưa biết thì nói là chưa biết, giả thuyết thì nói là giả thuyết » Ông khuyên tôi nên học

và khuyến khích mọi người trau dồi về môn sử-địa. Lý do rất đơn giản, theo ông : Sử giúp chúng ta hiểu những gì xảy ra trong thời gian qua, Địa giúp chúng ta hiểu những gì ở làng ta, nước ta, ở địa cầu. Con người giỏi về Sử-Địa thì luôn luôn đứng vững trong không gian (Địa) và thời gian (Sử), do đó, trở nên lạc quan mãi mãi, một niềm lạc quan xây dựng trên khoa học.

Đã hai lần ông và tôi cùng nhau xem hát.

Lần thứ nhứt, tôi mời ông xem cải lương trình diễn một tuồng thuộc về loại « dã sử dân tộc ». Ông từ chối ngay, cho rằng tốn tiền mua vé, nếu dư tiền thì nên để dành uống rượu đế, rượu thuốc. Tôi nói cho ông rõ là chủ đoàn hát lấy làm hân hạnh đón tiếp ông, để nhờ ông chỉ dạy thêm phần trang trí, ngôn ngữ, y phục. Đến giờ hẹn, tôi vội vã tìm ông thì hỡi ôi ! ông đang ngủ khò, tại quán vào lúc 8 giờ tối. Ông mở mắt khi tôi đánh thức và nói ngay :

— Xem hát phải không? Trước khi đi, nên uống cho ấm.

Đến rạp vào lúc tuồng đã khai diễn nhưng vẫn còn kịp, ông ngồi ghế thượng hạng, gật gù, cười tủm tỉm với các vũ công trên sân khấu. Các nữ nghệ sĩ ấy đang biểu diễn một « trường ca đại vũ khúc », mỗi cô cầm một cây quạt giấy, uốn éo qua lại rồi ca hát. Ông Lâu nói :

— Được lắm. Đúng lắm.

Tôi hỏi :

— Cái gì đúng ? Đây là điệu vũ của tiên nữ, do một « vũ sư » cao hứng sáng tác...

Ông gật gù :

— Mấy cây quạt đẹp quá. Đó là kiểu quạt của cung nữ đời nhà Minh, bên Tàu. À ! ở ngoài cửa rạp có bán rượu không ? Trong túi tôi còn chút ít tiền.

Tôi nêu ra điều kiện :

— Uống thì uống nhưng mình nên trở vô rạp xem ít nhứt là hai màn rồi hãy về kẻo bị hiểu lầm.

Chúng tôi lại ra, uống ly nhỏ rồi trở vô. Nhưng lần nầy ông ngả lưng vào ghế, ngủ khò trong khi các diễn viên trổ tài ca hát. Hồi lâu, tôi đánh thức, ông mở mắt xem sân khấu rồi nói :

— Tuồng gì ? Cô gái đó là ai ?

— Dạ, một thôn nữ.

— Thôn nữ sống đời nào ? Tuồng lịch sử phải không ? Cô gái Việt Nam thời xưa phải không ?

— Dạ phải.

Ông lắc đầu :

— Không được. Đàn bà con gái thời xưa không được phép mặc quần « sa-ten » như vậy !

Tôi bèn biện hộ :

— Trên sân khấu, người ta muốn cho sáng sủa, lộng lẫy nên...

Nhưng ông vội ngắt lời :

— Tôi nói cái màu trắng. Đời xưa, thôn nữ luôn luôn mặc quần đen, màu trắng chỉ dùng khi nào để tang cho cha mẹ ông bà. Cô gái trên sân khấu đó đang chịu tang cho ai vậy ?

Rồi ông đứng dậy, đòi về. Chúng tôi lại đến quán, uống rượu. Ông ngủ tại quán, tôi rút lui về để lo viết bài vở cho nhựt báo.

Vài hôm sau, tôi đến tìm ông, vào buổi tối. Ông khen ngợi đào kép cải lương, cho rằng họ có tài, có cố gắng nhưng không gặp hoàn cảnh để... trổ tài. Và ông nói :

— Anh mời tôi xem cải lương. Đêm nay, tôi mời anh xem chiếu bóng, được không ?

Gần quán, có một rạp chuyên môn chiếu các phim Tàu Hồng Kông. Lũ trẻ con chạy theo, cười vui vì chúng hơi ngạc nhiên. Chúng tôi quên giới thiệu rằng ông Lâu luôn luôn xách cây « can », đội nón nỉ, mang kiến cận thị, mặc sơ-mi vàng, dài tay, quần ka ki vàng, giày da đen. Ông bảo đó là lối ăn mặc « lý tưởng » của người đi thám-hiểm, tìm cổ tích. Ông đứng trước rạp hồi lâu. Tôi hỏi :

— Làm sao đủ tiền ?

Ông nói :

— Không cần tiền.

Rồi đến cửa vào rạp, ông hỏi to :

— Ai ở cái rạp nầy ?

Một nhân viên — người Việt gốc Hoa — đến trình diện, nói rất lễ phép :

— Dạ tôi...

Lập tức, ông Lâu móc túi, đưa ra một cái thẻ. Bấy giờ, tôi mới nhớ ông là chuyên viên của bộ Thông Tin, là một công chức. Người nhân viên nọ liếc qua cái thẻ rồi hỏi :

— Dạ, ông muốn gặp ông chủ rạp ?

Ông Lâu bèn khoát tay, đi xăm xăm vào. Như sợ sệt, người nhân viên tìm hai cái ghế cho chúng tôi ngồi. Tôi chẳng hiểu hôm ấy họ chiếu tuồng gì, đại khái, trên màn bạc xuất hiện những ông quan đội mão cánh chuồn, cung tay, quì xuống.

Ông Lâu hỏi :

— Thấy chưa ? Lý thú lắm đó. Nhưng mình ra ngoài kiếm rượu uống cho... mát.

Thế là chúng tôi lại ra, cuộc viếng thăm ngắn ngủi và đột ngột ấy khiến người nhân viên... giựt mình. Anh ta đã báo động với ông chủ rạp và ông chủ đến trình diện, mời chúng tôi uống nước tại quán bên cạnh.

Ông Lâu lắc đầu :

— Tôi đủ tiền uống rượu. Anh là chủ rạp phải không ?

Ông chủ rạp nói ấm ớ :

— Dạ, ông tới mà tôi không biết để tiếp rước, nếu có gì xin ông tha thứ. Ở đây, con nít làm ồn ào quá, tụi nó vô đầy rạp mà thâu tiền không bao nhiêu.

Ông Lâu nói khẽ với tôi :

— Họ tưởng mình là thanh tra của bộ Thông Tin.

Rồi ông trợn mắt nhìn chủ rạp :

— Ông làm tròn phận sự chưa ? Hồi nãy có chào ảnh Ngô Tổng Thống không ?

Chủ rạp đáp :

— Dạ..., « xi-nê-ma bẹt-ma-năn », hồi 10 giờ sáng bắt đầu hát thì suy tôn một lần.

— Tôi cấm không được suy tôn Ngô Tổng Thống, nghe chưa ?

Chủ rạp lại ấm ớ, cúi đầu trong khi ông Lâu nâng ly rượu 2 đồng. Bọn trẻ cười ầm vỗ tay... Chủ rạp từ từ rút lui, bách bộ. Bỗng nhiên, ông Lâu cao hứng, đòi băng ngang đường, tôi nài nỉ, khuyên ông nên cẩn thận vì đường như ông đã quá say. Ông cứ bước tới và đến giữa đại lộ, ông đứng lại mà phóng uế. Tôi hơi bực mình :

— Coi chừng xe cán !

Ông đáp :

— Anh chưa rõ sự đời ! Xưa nay, chưa có ai đứng giữa đại lộ để... phóng uế rồi bị xe cán ! Đây là nơi an toàn nhứt.

★

Lúc nào hơi buồn, ông thích biểu diễn lối hát cô đầu dùng chiếc đũa mà đánh trên bàn, miệng hát ư... ư, tom chát tom. Ông ca ngợi Nguyễn Khuyến qua bài Mẹ Mốc, mẹ Mốc là người trong sạch, ấy thế mà phải giả dại cho qua buổi.

— Khôn kia dễ bán, dại này...

Câu 6 chữ ở cuối bài hát thật là hùng, kín đáo, lơ lửng. Ông Lâu bảo rằng Nguyễn Khuyến muốn ngụ ý :

— Khôn kia dễ bán, dại này khó mua.

Lại còn bài hát ả đào nói về anh kép phường chèo — cũng của Nguyễn Khuyến — làm quan to trên sân khấu nhưng chẳng ai sợ cả ! Anh kép hỏi lý do với vợ. Vợ trả lời thẳng rằng « vua chào còn chẳng ra gì, quan chào bôi lọ khác chi thằng hề ». Bất chấp những người tò mò ở trong quán, ông Lâu cứ thỉnh thoảng chửi ông Diệm, bà Nhu, chửi thật to. Nhiều phen, tôi nài nỉ, yêu cầu ông nên chửi bằng tiếng Pháp. Và tôi cố ý đưa câu chuyện sang vấn đề khác cho... nhẹ nhàng hơn.

Sau đây là vài ý kiến mà ông đưa ra để giải đáp, ông cho rằng :

— Phan thanh Giản là người phản quốc (ông nói bằng tiếng Pháp : crime de haute trahison).

— Tổ tiên chúng ta xưa kia là người Mường ! Đinh bộ Lĩnh là người Mường.

— Trước cuộc Nam Tiến của dân tộc Việt, người Chàm lần hồi suy vong vì họ sống bằng nghề phiêu lưu ngoài biển (mua bán, làm hải tặc). Lối làm ăn phiêu lưu ấy bị hạn chế. Tại miền Trung, đất ruộng quá ít. Đặc biệt là thường lệ hàng năm, giông bão từ Thái Bình Dương kéo tới, gây ngập lụt. Nhiều trận bão lụt có sức tàn phá kinh hồn, hủy diệt một đôi tỉnh. Và khi người Việt kéo đến, lắm khi người Chàm không đủ sức mà chống cự hoặc họ qui thuận ngay để được cứu vớt khỏi nạn đói kém.

Những bài khảo cứu do ông viết lúc sau nầy là để đọc trên đài phát thanh, dùng lối văn đặc biệt để gợi ý thính giả.

Ông cho tôi biết rằng những loạt bài ấy chưa làm ông thỏa mãn. Ông vừa ý nhứt là bài « Nghĩa Cần Vương » (dường như có đăng trên Gió Mới), tổng kết các phong trào Cần Vương. Một dạo đó, đi đâu ông cũng mang bản thảo Cần Vương trong túi, hễ buồn buồn thì đem ra đọc. Ông muốn cho xuất bản, bài nầy rất ngắn, nếu xuất bản thì chẳng tốn kém cho lắm nhưng hỡi ôi ! làm sao tìm ra người xuất bản ? Không hề nản chí, ông tìm cái bản đồ nhỏ, xếp làm tư, nói rằng sẽ in kèm vào tập Nghĩa Cần Vương ! Và châu đáo hơn, ông viết mấy chữ nho « Cần Vương chi nghĩa », « Nguyễn Thiệu Lâu » để in ở bìa sau cho thêm phần trang nhã.

Hỡi ơi ! Đến khi ông nhắm mắt, tập sách mỏng ấy chưa ra mắt được.

Về các danh nhân hiện đại, ông ca ngợi ông Nguyễn văn Tố. Ông cho biết : Ông Tố bị giặc Pháp bắt nhưng quân Pháp không biết rằng đó là ông Tố. Rủi thay, một người học trò cũ của ông Tố, bấy giờ theo Pháp, lại nhìn mặt. Vì vậy, ông bị bắn.

Ông Lâu nói :

— Ông Nguyễn văn Tố là một học giả, là một đạt sĩ.

Và « đạt sĩ », theo ông, là người sống để thực hiện chí hướng, để đạt chí hướng, không màng công danh, không màng hình thức. Ông Tố không có in quyển sách nào cả, toàn là những bài đăng tạp chí.

Bài nói về ông Nguyễn văn Tố được ông xem như là « một nén hương thắp trên bàn thờ » của người quá cố.

Tuy không dám so sánh ông Nguyễn thiệu Lâu với ông Nguyễn văn Tố, chúng tôi cũng ngậm ngùi gợi ra đây hai tiếng đạt sĩ. Ông Nguyễn thiệu Lâu sống với chí hướng, yêu đất nước. Vì gặp nhiều khó khăn trong lúc về già nên

việc làm của ông kém hiệu quả. Trong thời buổi văn minh vật chất, đồng tiền là trọng vậy mà ông không làm ra được tiền! Mà hễ không làm ra tiền thì... người đời cho đó là bất tài, là chủ trương sai lầm. Ông bị đánh bạt ra ngoài lề phố, bị bắt buộc sống cô độc, chuốc lấy tiếng mỉa mai mà phường giá áo túi cơm gán cho ông. Tuy nhiên, ông đã tạo cho mình sự nồng ấm, sống thân mật với nhiều người thuộc lớp lao động, ông đã ăn uống thiếu thốn như một hàn sĩ. Chúng tôi tin rằng ở bên kia thế giới, ông vẫn giữ nụ cười.

SƠN NAM

Thành - thực cám ơn

TẤT CẢ BẠN ĐỌC

đã có lòng tri ngộ

Đồng - Nai Văn - Tập

NGUYỆT-SAN

TAO-ĐÀN

mùa xuân hôi tanh

kiên giang hà huy hà

chiến tranh cướp mất một tay rồi
còn một tay, ta bám vú đời ;
tay cụt dựa nương cần trúc mảnh,
lão đờn, lão chửi thói đời chơi.

*

với chiếc độc huyền đơn chiếc ấy
gọi hồn oan khắp cõi tha ma,
về đây gào khóc trong âm điệu ;
nức nở tơ đồng, nước mắt sa.

*

ta khóc đời trong tiếng độc huyền,
phơi lòng cổ-tích, điệu vân tiên ;
cho ngàn sau vọng ngàn thu cũ,
nơi dấu hùng anh, bậc thánh hiền.

*

người đời ngỡ lão tên hành-khất
khép vội cổng rào, chó sủa vang...
vuốt nhọn lần cao banh áo rách,
máu già rơi ướt bước chân hoang.

*

lão vác đờn theo bước độc-hành
tìm mùa xuân chết giữa hôi tanh,
cười khinh kẻ chợ, tôn thần tượng :
bịnh tật, đói nghèo với chiến tranh,

*

đờn kêu xang xự xế xang,
nỗi chìm thế sự ! huênh hoang thói đời !
tay cùi ôm cả bầu trời,
gục đau ! gục khóc ! gục cười ! gục điên !
âm thanh đục chảy triền miên,
gọi hồn cố-thổ đưa chim về rừng.
bấm dây, nhấn điệu từng tưng.
kẻ điên hòa nhạc, thằng khùng nói thơ ;

*

gió cuồng lộng tóc trắng phơ,
tưởng chừng mây trắng tới giờ phiêu linh.
bến xe mở rộng trường-đình
chợ chiều, quán gió dựng thành cung tiên.

*

đường xa, mang chiếc độc huyền
dẫn hồn đồ chiều đi tìm cố-tri ;
kéo dài ngàn vạn chuyến đi,
tiễn đưa lẻ bóng, biệt ly một mình.
lên dây nỗi sóng bất bình
nước mình hộc máu, dân mình rưng rưng...
« tay bưng dĩa muối chấm gừng
gừng cay muối mặn xin đừng ghét nhau ».

*

qua rồi hai mươi năm lẻ
việt nam gãy mấy nhịp cầu
trong xiềng xích, ngẩng cao đầu việt nam.
bớ phường ác quỉ !
lũ đỏ, trắng, đen !
có nghe uất hận ngời lên da vàng

ngàn năm bắc thuộc
thế kỷ lang sa
việt nam vĩ đại, vẫn là việt nam.

*

đất trời mất máu mùa xuân
tiếng xuân thầm lặng còn ngân trong hồn
màu da nắng khét
nước mắt bầm đen
vết thương chảy mủ
hơi lũ cuồng điên
thấy chăng máu mủ trào lên thâm thù
đâu bóng ngục tù ?
đâu vòm ánh sáng ?
đâu trời quang đãng ?
đâu chốn thâm u ?
cốt xương già loạn rễ ung thư
dân nước mình đang sống ngất ngư
thịt đất nát nhừ bom, đại bác
tóc trời nhiễm độc, úa màu thu

*

mùa xuân trang điểm (bỏ hai chữ...)
nhìn cao, chỉ thấy mây mù bay cao

*

giữa đêm trừ tịch
ngồi chép ca dao
mùa xuân lại đến, máu đào lại tanh.

kiên giang hà huy hà

Dưới cái nhìn của luật gia thời nay

Tuồng « XỬ ÁN BÀNG-QUÝ-PHI »

Bài của TIỀU NGUYÊN TỬ

Nhơn cuộc « Triển-Lãm Thuộc-Địa » tại Ba-Ri, năm 1928, ông Toàn-quyền Đông-Dương có ý-nghĩ gởi một ban hát-bội tới trình-diễn những trò... phun râu, đá giáp, bên cạnh những màn vũ của những phù-thủy Phi-châu.

Thuở ấy, hát-bội còn thịnh-hành. Cải-lương mới phôi-thai. Cũng may ông Hội-Đồng Ninh lại cũng là một cựu công-chức quan-trọng của Phủ Toàn-quyền, nên có giao-thiệp với nhiều nhà văn-hóa-học Pháp. Vì vậy, tại Ba-Ri, khi « gánh hát-bội Đồng-Ninh » diễn tuồng « Xử Án Bàng-Quý-Phi », thì tờ chương-trình đã được nhiều nhân-vật Pháp quan-trọng trong giới văn-học, thuộc « Trường Khảo-Cổ Viễn-Đông » (Ecole d'Extrême-Orient) thảo ra và giải-thích.

Nhờ vậy, dân Pha-Lang-Sa ở Ba-Ri mới phát-giác rằng dân A-nạ-mít thuộc-địa có một nghệ-thuật sân-khấu cổ-truyền rất nhiều giá-trị.

Năm 1936, gánh hát Phước-Cương được gởi sang Ba-Ri, cũng để dự cuộc Triển-Lãm Thuộc-Địa Pháp, cũng đã diễn tuồng « Xử Án Bàng-Quý-Phi ».

Cũng như những tuồng cải-lương thuở ấy, vở « Xử Án Bàng-Quý-Phi » cải-lương chỉ là một phóng-tác — và phóng-tác rất gần, rất sát — của vở tuồng « Xử Án Bàng-Quý-Phi » hát-bội, từ nội-dung đến hình-thức. Soạn-giả chỉ thay thế giọng hát khách, hát nam bằng những điệu ca

cải-lương. Và lối trình-diễn cải-lương thuở ấy cũng bắt-chước theo hát-bội. Chỉ bỏ đi những lối múa men quá mệt nhọc, và những điệu hát quá khó-khăn.

Nghĩa là tuồng « X.A.B.Q.P » cải-lương giữ lại tất cả những cái gì có giá-trị của tuồng hát-bội. Và thêm vào những cái gì... ẻo-lả, lâm-ly, muỗi-mẫn, của điệu cải-lương.

Lần nầy, dân-chúng « Mẫu-Quốc » mới hiểu được tất cả nội-dung của vở tuồng. Và đã « lòe mắt » trước một nền văn-nghệ cổ-truyền vô-cùng phong-phú, mà từ xưa đến nay, họ không biết tìm hiểu. Rồi, để tự an-ủi, họ kết-luận rằng dân A-na-mít đã bắt chước người Trung-Hoa. Tuy nhiên, những bài tường-thuật và phê-bình bằng một giọng khâm-phục, đăng trên các nhựt-báo Pháp L'Intransigeant, L'Aurore vân-vân, đã làm cho những người Việt theo trào lưu Pháp-hóa, thuở ấy, giật mình, ngơ-ngác, như anh nông-phu nghèo đào được hũ vàng, trong miếng ruộng hương-hỏa, bên ngôi mộ ông-bà.

Nay, — sau trên 20 năm « hoàn-toàn » độc-lập, — kẻ viết bài nầy cũng muốn gây trong trí-óc các bạn trẻ, đang si-mê đào Liz Taylor và kép Burton, và đã thuộc lòng những vở tuồng... cổ-điển cùng những bài hát... tân-thời Anh-Mỹ — một cảm-tưởng tương-tợ, nên mới nhắc lại vở tuồng « Xử Án Bàng-Quý-Phi » đóng mốc, đóng meo, — mà không còn đoàn hát nào muốn tái diễn.

Mặc dù, tự biết không có đủ tài-lực để nghiên-cứu tận-tường, từ hình-thức đến nội-dung vở tuồng, — kẻ viết bài nầy chỉ mong đóng một tiếng trống... chầu, dở một góc màn rách, để chờ các bạn Thân-Việt, Thân-Văn và Quý-Vị trong « Khuyến-Lệ Cổ-Ca » lưu-ý.

Biết đâu, chừng ấy, chúng ta sẽ đem lại cho các đoàn cải-lương tân-thời, một vở tuồng... mới, được họ đua nhau... khai-thác.

Vở tuồng

Như các bạn đã biết (hay sẽ biết) cốt chuyện vở tuồng ấy như sau :

Trước Triều, tướng Địch-Thanh tố-cáo Quốc-Trượng Bàng-Hồng đã tư thông ngoại-quốc. Lời cáo ấy vô cùng quan-trọng. Nhưng, càng quan-trọng hơn nữa là, — đối với Vua, Địch-Thanh là em họ, còn Bàng-Hồng lại là nhạc-phụ. Tuy nhiên, để cho Công-Lý được tôn-trọng, sau khi tham-khảo ý-kiến bá-quan, Vua giao cho Bao-Công nhiệm-vụ điều-tra, và quyết-định rằng : Nếu có tội, Bàng-Hồng sẽ bị gia-hình, còn trái lại, nếu cáo gian, Địch-Thanh cũng phải bị trừng-phạt.

Bao-Công, vị quan « thiết-diện vô-tư », mặt sắt đen sì, chỉ kiêng phép nước, luật triều, chớ không sợ ai cả, mở cuộc thẩm-vấn, nghe từ các đương-sự đến các nhân-chứng người Phiên, và sau rốt nghi rằng, hiện nay, Bàng-Hồng còn giữ trong dinh nhiều tang-vật. Nếu tìm ra, thì mọi việc sẽ rõ-ràng. Nhưng vì Bàng-Hồng là một nhân-vật quan-trọng của Triều-Đình, Bao-Công vào yết-kiến riêng Vua, và xin phép được xét dinh kẻ bị tình-nghi. Vua cho phép, không chút ngần-ngại.

Nhưng Bàng-Quý-Phi, đang được Vua sủng-ái, nghe được chuyện ấy. Mặc dù, không hề dính-líu vào câu chuyện phạm-pháp, Bàng-Quý-Phi biết cha mình « dám có tội » lắm, nên sai một hoạn-quan tới báo-tin, để Bàng-Hồng có thời-giờ phi-tang. Nhưng, Bao-Công hành-động quá mau lẹ, nên trong cuộc lục-xét, tìm ra chẳng những hai viên ngọc quý tang-vật, mà luôn cả chú hoạn-quan của Bàng-Quý-Phi gởi đến.

Rồi Bao-Công thảo một dự-án, để dâng lên Vua quyết-định. Trong đó, đề-nghị xử-tử hết gia-đình Bàng-Hồng — luôn cả Bàng-Quý-Phi. Giữa Triều, xem dự-án, Vua tìm cách cãi lấy, đề-nghị đuổi Bàng-Hồng về hàng dân-giả và tha bổng Bàng-Quý-Phi.

Nhưng vì bá quan tâu rối và Bao-Công cương-quyết, Vua bèn... bãi triều nửa chừng, để kéo dài câu chuyện, có thời-giờ tìm lối cứu Quý-Phi.

Trong khi Vua vào cung, than thở với người yêu, thì Bao-Công đi viện Địch-Thái-Hậu. Thái-Hậu triệu-tập « Đại-Hội-Đồng Hoàng-Gia », để buộc Vua chấp nhận dự-án của Bao-Công và phê chiếu xử-tử Quý-Phi. Nhưng, thay vì bị chặt đầu, Quý-Phi được phép chọn lựa trong số « tam-bang », và bị thắt cổ bằng lụa.

Màn chót thật lâm-ly, áo-não. Mấy năm trước đây, những buổi diễn hát-bội, với cô Năm Sa-Đéc (tức là Bà Vương-hồng-Sển) trong vai Địch-thiên-Kim, cô Năm Đồ, trong vai Bàng-Quý-Phi, và cô Sáu Bê, trong vai Tống-nhơn-Tông, — thật không thấy có chỗ nào chê được. (Kép Minh-Tơ thủ vai Vua cũng rất hay).

Ông Vua

Nói tóm lại, cốt chuyện vở tuồng là một cuộc tranh-đấu giữa những thế-lực trong Triều : Bao-Công, điển hình Công-Lý, và Địch-thái-Hậu, đại-diện Cơ-quan kiểm-soát Tối-Cao, với Nhà Vua, trong địa-vị Cơ-quan Hành-Pháp.

Cho nên nhân-vật được những người có học lưu-ý nhứt là ông Vua.

Chế-độ thuở ấy là nền quân-chủ tuyệt-đối. Vua là Thiên-Tử, con của Trời sai xuống để trị dân. Vua cầm hết mọi quyền sinh-sát trong tay. Thì tại sao Vua phải nể Bao-Công, sợ Địch-Thái-Hậu ? Và tại sao, Bao-Công cứ nhắc đi, nhắc lại bộ Luật Tiêu-Hà, chỉ gồm 8 điều, được khắc trên tường, ngay sau lưng Vua. Và trong ấy có câu « Quân pháp bất vị thân » (Luật Vua không chừa người thân). Rồi chính ông Con Trời ấy lại gạt lệ nhìn người yêu bị xử-tử, nát lòng nghe vợ thốt lời trối « Bệ-hạ hãy nhìn mặt thiếp lần cuối-cùng », vì phải cúi đầu trước Pháp-Luật và Lẽ Phải. Tức là Quyền-Lợi Quốc-Gia.

Thì ra, trong chế-độ Quân-chủ tuyệt-đối ấy, ông Vua mặc dù cầm hết tất cả quyền-hành trong tay, khi bước lên ngôi, đã khôn ngoan, để bảo-vệ quyền-lợi của ngai-vàng, để cho chế-độ được sống lâu, không chịu làm một nhà độc-tài, theo Vương-đạo, không theo Bá-đạo, nên chỉ giữ quyền hành-pháp mà thôi.

Mặc dù, sách có câu « Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung », — nhưng nhà Vua, tự ép mình trong quyền-hạn hành-pháp, không dám bức hiếp quyền Lập-pháp của Triều-Đình và quyền Tư-pháp của Bao-Công.

Mặc dù, trên lý-thuyết, Thiên-Tử cầm hết mọi quyền lập-pháp, tư-pháp, hành-pháp trong tay, nhưng, trên thực-tế, Vua biết phân quyền. Và, hơn nữa, biết tôn-trọng chế-độ phân-quyền, bằng cách đặt ra một cơ-quan tối-cao, để phân xử mọi khi có một tranh-chấp giữa cơ-quan hành-pháp và cơ-quan tư-pháp. Rồi, dù bị xử thua, bị ép-buộc, Thiên-tử cũng tuân theo.

Chuyện ông Vua Tống, Trung-Hoa, hy-sinh mối tình vì quyền-lợi quốc-gia nầy làm cho người ta nhớ lại chuyện Titus, trong vở « Bérénice » của Racine hay vở « Tite et Bérénice » của Corneille.

Titus (hay Tite) sống dưới chế-độ Dân-Chủ Cộng-Hòa của Hy-Lạp và La-Mã. Một chế-độ dân-chủ cộng-hòa lý-tưởng, hoàn-toàn hơn những chế-độ dân-chủ thật-sự hiện-thời. Còn trái lại, Vua Tống-nhơn-Tông đang sống trong chế-độ quân-chủ tuyệt-đối. Thế mà, vì quyền-lợi quốc-gia (và cũng là quyền-lợi ngai vàng, tức là hoàng-gia) Vua biết phân-quyền và cương-quyết tôn-trọng nguyên-tắc ấy..

Hơn nữa, nhìn từ một khía-cạnh, vụ án B.Q.P. là một vụ án gương-mẫu. Chẳng những quyền Tư-pháp được Hành-pháp tôn-trọng, mà hơn nữa, quyền tự-do và quyền bình-đẳng của mọi người trước Tư-pháp cũng được triệt-để thi-hành, và chúng tôi sẽ trình bày khía-cạnh Tư-pháp trong bài sau.

Nên, chưa kết-thúc, thiết-tưởng cũng có thể, nhại lại một văn-hào Pháp của thế-kỷ 19, mà hô to :

— Hoan-nghênh tinh-thần dân-chủ của chế-độ quân-chủ tuyệt-đối Trung-Hoa, ở thời xưa !

Và hiểu ngay, vì sao một chế-độ quân-chủ tuyệt-đối có thể đứng vững suốt 4 ngàn năm lịch-sử.

(Còn nữa)

T.N.T.

KÍNH CHÚC QUÍ VỊ ĐỘC GIẢ VÀ ĐỒNG BÀO

XUÂN MẬU THÂN

Vui vẻ khỏe mạnh phân khởi

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

nguyệt san

SỨC MẠNH của CA DAO

dung hợp tánh chất bình dân uyên bác

Bài của Kiện Giang HÀ HUY HÀ

Ca dao là một thứ ngôn-ngữ bình dân vì ngôn từ của ca dao rất phổ cập trong dân gian.

Ca dao cũng là một thứ ngôn-ngữ uyên bác vì giá trị nội dung xúc tích tiềm ẩn một nhân sinh quan, một vũ trụ quan bao hàm triết-lý mà mọi gốc rễ tình cảm đều ăn sâu trong lòng người, trong dòng lịch sử của một dân tộc không ngừng nghỉ rung cảm, suy tư, và tranh đấu.

Nói một cách nôm na, ca dao, phong dao, tiếng hát ru em, câu hò, câu vè đều phản ảnh nếp sống, nếp sinh hoạt của xã hội, gói ghém tâm sự tình cảm, nhồi nắn tư tưởng, cấu-tạo ý thức hệ một cách sinh động từ thế hệ này sang thế hệ khác. Vượt ngoài ý niệm phân tách nhân tình thế thái, ca dao còn có một giá trị sâu rộng nhằm nâng cao phẩm-giá con người, bảo toàn đạo lý cổ-truyền, nung nấu tình yêu quê hương đất nước, khơi dậy ý chí quật cường, phát động cao trào chống giặc cướp trong thời khai-quang và trước mọi làn sóng xâm lược.

Chẻ tre bện sáo cho dày
Ngăn ngang sông Mỹ có ngày gặp nhau

Trui cao già, vót mũi tên
Bắn tan giặc cướp cho yên xóm làng

Đốn tre làm bẫy cò ke
Mày vô ăn cướp thì tre ăn mày

Vài câu ca dao kể trên có một giá trị sắt bén động viên tình cảm, võ trang công việc giữ làng giữ xóm bằng tinh thần sắt thép.

Chính vì thế ca dao còn là hơi thở, là giọt máu là sức sống của con người và đất nước:

Hồn quê nương cánh ca dao
Từ lòng đất nước thấm vào tim đen

Người diễn-viên đem ca dao vào đời sống của đất nước của lịch sử chính là những người bám chặt chân thềm, luống cày, nương rẫy, bờ giếng cầu ao, đình chùa, mồ mả, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh và mọi công trình lịch sử của tiền nhân. Đó là những người mẹ Việt Nam : Những nội Tướng của gia đình, những thành đồng của đồng ruộng, rừng núi, biển cả. Gốc rễ của ca dao được vun bón, được tưới mát bằng mồ hôi nước mắt và máu của những người làm cho đất, làm cho biển, làm cho rừng, trở thành bầu sữa ngọt ngào vô tận, nuôi sống mình và dân tộc mình :

Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang,
Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu

Lên rừng đốn củi đốn cây
Củi nhen bếp lửa, còn cây cất nhà

Con ong hút nhụy bông tràm
Thân cây làm cột nhụy làm mật ong

Chèo ghe ra biển xây nò
Biển bao nhiêu nước, cá nò bấy nhiêu

Vái trời cho nắng suốt ngày
Cho nước thành muối, cho đầy chén cơm

Những câu ca dao kể trên là những đoản khúc đồng dao, hải ca, lâm ca đã minh chứng : đất, biển, rừng là máu thịt của quê hương để làm cho cuộc sống lên hương khởi sắc.

Thiết tha thâm trầm làm sao những câu hát bình dân về hình thức nhưng uyên bác về nội dung.

Ca dao có một giá trị thực-tiễn khi con người đem sức lao động, ý chí tháo vác, công trình sản xuất để giải quyết vấn đề sinh sống hằng ngày. Đó là một nhận xét về bề rộng. Ngoài ra ca dao còn đi sâu vào đời sống tâm linh tình cảm bàng bạc trong niềm bâng khuâng, ray rứt trong niềm quặn thắt phơi trải cả tấm lòng trong mọi trạng thái tình cảm. Ẩn náu trong trái tim đa tình đa cảm, ca dao trở thành những áng thơ tuyệt tác khơi dậy nguyên lý tình ái, hôn nhân, hạnh phúc một cách phong phú đậm đà :

Sông dài cá lội biệt tăm
Phải duyên chồng, vợ ngàn năm cũng chờ

Ai đi bờ đất một mình
Phất phơ chéo áo giống hình cô em

Cam sành quít ngọt còn the
Thấy em còn nhỏ anh ve để dành

Ghe lui khỏi bến còn giằm
Người thương đâu mất chỗ nằm còn đây

Ngồi buồn vọc nước giỡn trăng
Nước xao trăng lặng buồn chăng hỡi nàng

Thương nhau cho bạc cho tiền
Đừng cho áo tố, xóm riềng họ hay

Đó chỉ là một ít châu ngọc trong kho tàng ca dao với chủ đề tình yêu và ái tình. Còn nhiều lắm và nhiều lắm vì ái tình và tình yêu còn là đề tài bất tận đối với một dân tộc giàu tâm hồn thi sĩ như dân tộc V.N.

Trong ca dao, tình yêu và ái tình đều đi đến hôn nhân. Như thế những người hò hát ca dao không hẳn là những kẻ đùa cợt lả lơi một cách lả lơi vô trách nhiệm.

Câu phong dao sau đây đã khẳng định một trách nhiệm về vấn đề hôn nhân :

Liệu bề đắt được thì đươn
Đừng gầy mà bỏ thói thường cười chê

Muốn cho tốt rể tốt dâu
Xin anh bỏ lễ trầu cau cho tròn

Những câu phong dao kể trên vừa thể hiện tấm lòng hiếu thảo của con cái luôn dành cho cho mẹ sự quyết định sau cùng vừa đáp ứng với tinh thần câu phong dao sau đây :

Nuôi con những tưởng về sau
Trao duyên phải lứa gieo cầu phải nơi

Mực đen vô giấy khó chùi
Vô vòng chồng vợ việc đời trăm năm

Tánh chất địa phương đã được đồng hóa trong ý thức đoàn kết tương trợ đã đúc kết một chân lý vững chắc trong hai câu phong dao :

Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn

Ca dao còn kêu gọi đoàn kết với ý nghĩa rộng lớn trong việc góp phần vun bồi đất nước và tương lai dân tộc :

Nước còn quyến cát làm doi
Huống chi ta chẳng tài bồi cho nhau

Chống đối luận điệu « *sống chết mặc bây* » của một số người ích kỷ tìm chỗ trú ẩn, không đếm xỉa đến nỗi thống khổ của đồng bào, ca dao lên tiếng tha thiết :

Nhiễu điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng

Miếng khi đói gói khi no
Của tuy tơ tóc, nghĩa so ngàn trùng

Lấy chân tình đáp lại chân tình, ca dao vẫn giữ vẹn tánh chất mực thước trong việc bảo trọng ân tình công đức. Tuy nhiên ca dao không cúi lòn và dung chứa kẻ phản phúc :

Ham chi đồng bạc con cò
Bỏ cha bỏ mẹ theo phò Lang Sa

Ca dao vẫn có sức mạnh kiềm hãm con người trước sự say mê vật chất tuy nhiên vẫn dùng tiếng nói vừa êm ái vừa chua chát để khuyên răn :

Tai nghe kiểng đồ nhà thờ
Biểu anh vô đạo đặng nhờ tấm thân

Chánh trị đi vào tôn giáo không có đất đứng khi con người biết ý thức mạnh việc bảo toàn tinh thần dân tộc và đề phòng mọi mánh khóe khuyến dụ :

Đèn treo cột phướn
Gió chướng hao dầu
Thương em chẳng được, cạo đầu đi tu

Hạng người thất tình cạo đầu đi tu chỉ làm một việc nông nổi vì chiếc áo không làm nên nhà tu nếu họ biết nhận thức thực chất :

Tu đâu cho bằng tu nhà
Thờ cha kính mẹ chính là chân tu

Trong phạm vi bài nầy, chúng tôi chỉ đơn cử một ít ca dao châu ngọc thể hiện sức mạnh của tình thương đất nước quê hương và một khái niệm tổng quát về tình yêu và hôn nhân.

Còn nhiều châu ngọc đã bị rơi rớt chưa được thu lượm để cất trong kho tàng sâu rộng của ca dao. Vì thế công việc ghi chép, sưu tầm cất giữ phải được đặt thành vấn đề cụ thể thường xuyên trong ý thức vừa duy trì vừa phát huy tinh hoa tinh túy của một nền thi ca vừa bình dân vừa uyên bác.

Kiên giang HÀ HUY HÀ

Ích-lợi và giá-trị của môn Sinh-ngữ

của HUỲNH-PHÚ-HIỆP

Từ ngày người Pháp rời khỏi xứ ta, ngôn-ngữ, văn-hóa Pháp không còn chiếm địa-vị độc-quyền nữa. Người Việt chúng ta đã lần lần ít dùng tiếng Pháp và đi học tiếng Anh-Mỹ. Đến nay việc đi học Anh-văn đã trở thành một phong-trào mạnh-mẽ. Từ Thủ-đô đến tỉnh-lỵ, quận-lỵ, trường dạy Anh-văn mọc ra cùng khắp, phô-bày các quảng-cáo lòe-loẹt đủ màu, khắp các đường phố. Đây là một dấu hiệu đáng mừng chứng-minh rằng chúng ta đã thoát ra khỏi một chế-độ học-tập chật-hẹp, chỉ biết có ngôn-ngữ, văn-hóa Pháp là mẫu mực ; nó cũng chỉ rằng chúng ta đã ý thức được vai trò quan-trọng của Anh-ngữ trong đời sống quốc tế ngày nay. Nhưng đây cũng là triệu chứng đáng buồn vì người ta quá tôn sùng Anh-ngữ ; ngoài Anh-ngữ ra ít người chú ý, học hỏi các sinh ngữ khác như tiếng Đức, tiếng Nhựt, tiếng Ý, tiếng Trung-Hoa chẳng hạn...

Hơn nữa, nhìn cách học Anh-ngữ hiện thời, người ta thấy nó có vẻ ồ ạt, thiếu tổ chức, thiếu phương pháp, có tính cách giả tạo và tạm bợ của một giai đoạn. Do đó kết quả thu lượm được cũng kém giá trị và nông cạn, chưa chắc gì có thể góp phần vào việc nâng cao dân trí, phát huy giáo dục và văn hóa chung của dân tộc. Tất cả những sự kiện bất ổn vừa kể sở dĩ có được, chung quy cũng vì

người ta không thấu rõ giá trị tốt đẹp của môn sinh-ngữ và quá chú trọng đến mục đích vụ lợi của nó. Bởi thế nên khi bàn trở lại sự ích lợi và giá trị của môn sinh ngữ, thiết tưởng cũng là làm một việc cần thiết.

Thường thường làm việc gì người ta cũng đều có hai mục đích: mục đích thứ nhất là thiển cận và vụ lợi vật chất và mục đích thứ hai là bất vụ lợi, có lý tưởng cao xa hơn. Việc chịu cực khổ, trì chí để học một sinh ngữ đòi lắm công phu vậy.

1) QUAN-NIỆM VỤ-LỢI THẤP KÉM

Phần đông đại chúng đi học một sinh ngữ đều nhắm vào mục đích dùng nó để tìm một chỗ làm, để sinh sống, ở công hay tư sở, nhứt là ở tư sở, ở các cơ quan, xí nghiệp, hãng buôn, hãng ngoại quốc. Các cơ sở này cần người biết một thứ tiếng ngoại quốc nào đó để giúp việc cho họ, thường thường là cần biết nói và viết cho được, đủ dùng để giao dịch trong những công việc tầm thường mà không cần chú trọng đến trình độ học vấn hay văn hóa của người làm công. Khi nhu cầu có nhiều, thế là mọi người đều đổ xô đi học cái ngôn ngữ đang hợp thời trang, đang được trọng dụng đó. Người đi học gồm đủ mọi giới, từ bình dân đến trí thức, từ chị bán hàng, cô thơ ký, anh gác cửa khách sạn, cô chiêu đãi cho đến anh quân nhân, ông kỹ sư hay ông bác sĩ. Ai ai cũng đi học được, bất chấp tuổi tác và trình độ, miễn là biết viết và đọc được tiếng mẹ đẻ. Đôi khi người ta cũng chẳng cần biết viết hay đọc nữa. Lớp học gồm từ một vài chục cho đến một vài trăm người, học viên lập đi lập lại những câu đã được định sẵn mà chắc chắn họ sẽ có dịp dùng sau này, lúc đi hành nghề. Đó là lối giảng dạy và học hỏi của một số đông người đang chạy theo phong trào Anh-ngữ hiện nay.

Lối học này cũng như cái giá trị của nó, chẳng có chi lý thú và cần phải bàn nhiều vì mục đích của nó đã thấp hèn và quá vụ lợi. Nó là một lối học bế tắc, quanh quẩn

trong mấy câu chuyện tầm thường, vô vị của cuộc sống và lối giao dịch máy móc hằng ngày. Người học cũng có thể nói ngoại ngữ trôi chảy, sử dụng ngôn ngữ mình học nghe cũng khá hay, nhưng thật ra chẳng có giá trị gì. Thứ nhứt là ngôn ngữ được sử dụng thường thường là của giới bình dân (mà ta gọi là tiếng Bồi) danh từ không chính xác, câu văn bừa bãi, không đúng qui luật văn phạm và rõ ràng, cốt sao nói cho hiểu được là đủ. Khi viết, sự sai trật càng rõ rệt hơn, nhứt là về chính tả. Thứ hai là nền văn minh, tư tưởng, nghệ thuật, những cái tinh hoa của dân tộc dùng ngôn-ngữ ấy, các tác phẩm văn chương chẳng được chú ý đến chút nào. Vì thiển cận, vụ lợi, thiếu lý tưởng cao đẹp, lối học này chẳng có giá trị về tinh thần và chẳng có chút nào tính chất văn hóa. Sinh ngữ học hỏi được chẳng mở mang thêm trí hóa, không rèn luyện được nhân cách và làm cao thượng thêm tâm hồn, mà trái lại, đôi khi còn cho chúng bị tổn thương và làm thiệt hại cho danh dự của người đi học. Ở đây người ta có cảm tưởng không phải người sử dụng ngôn-ngữ mà thật ra ngôn-ngữ sử dụng lại người.

2) QUAN-NIỆM HỌC HỎI BẤT-VỤ-LỢI

Lối học sinh ngữ thứ hai tuy cũng có mục đích thực tế nhưng không thấp kém, đáng khuyến khích và có nhiều triển vọng. Đó là học để làm cho cuộc sống, sự giao dịch giữa những người khác giống có thể dễ dàng, hiểu biết nhau hơn và không bị thúc bách bởi một động cơ lợi lộc vật chất cấp thời nào. Quan niệm học hỏi này có thể đưa người học tiến xa, ra khỏi tầm công dụng của sự giao dịch, tiến đến những mục tiêu cao đẹp nhứt của giáo dục, tức là mở mang kiến thức, nâng cao trình độ văn hóa và rèn luyện tâm hồn. Đây cũng là quan niệm của những nhà giáo dục, khi chủ trương đem môn sinh ngữ vào chương trình giáo dục để giảng dạy cho học sinh ở các học đường, nhứt là bậc trung học. Trong quan niệm học hỏi thuần túy này, môn sinh ngữ có một vai trò hết sức quan trọng trên nhiều bình diện mà chúng ta hãy lần lượt bàn đến.

Sinh-ngữ và đời sống hằng ngày

Ngày nay đời sống của mỗi cá nhân cũng như của mỗi quốc gia, dân tộc và của cả thế giới đều được tổ chức dựa trên khoa học và kỹ thuật. Khoa học và kỹ thuật đã thu hẹp thời gian và không gian, làm cho các quốc gia xít gần nhau lại, trộn lẫn nhiều giống người lại trong một xã hội hay một nơi chốn và không còn để một giống người nào đồng một ngôn-ngữ, thuần túy sống riêng rẽ và cô lập nữa. Trong cuộc sống chung lộn và liên đới chặt chẽ giữa nhiều giống người và nhiều quốc gia như vậy, sự trao đổi, giao dịch dĩ nhiên là không thể nào không có được. Nhưng muốn trao đổi, giao dịch, người nước nầy phải học tiếng của nước nọ để làm phương tiện. Sinh ngữ đương nhiên đã trở nên hết sức quan trọng trong cái vai trò liên lạc và tìm hiểu này. Ngày nay mọi người trên thế giới bất cứ ở thành thị hay thôn quê, dù giao thiệp rộng hay hẹp, cần đi đó đi đây hay không cũng đều thấy cần biết một hay nhiều sinh ngữ. Bước ra một tất đường hay nằm nhà, mua một lọ thuốc, đọc một tạp chí, mở máy thu thanh, xem máy truyền hình hay một phim chiếu bóng, nhất thiết cái gì cũng đòi biết sinh ngữ. Biết để nghe và hiểu được, đọc được, phát biểu được bằng lời nói hay viết, nắm vững một số danh từ cần thiết, một số mẹo luật văn phạm và hình thức cấu tạo của ngôn-ngữ, sử dụng nó một cách trôi chảy, đúng đắn rõ ràng, không ngượng nghịu trong những sự việc thông thường, ngoài những vấn đề chuyên môn đặc biệt. Một người được gọi là có học vấn theo quan niệm ngày nay không thể không có cái vốn sinh ngữ thực dụng và khiêm tốn ấy được.

Trong chương trình giáo dục bậc trung học phổ thông, khi đặt ra việc giảng dạy sinh ngữ, trước tiên người ta cũng nhắm vào mục đích thiết thực kể trên : dạy cho học sinh một hay nhiều thứ tiếng để sửa soạn cho chúng ra sống ngoài đời. Nhưng song song với mục đích này, môn sinh ngữ còn có những giá trị khác tốt đẹp hơn, giá trị của một phương tiện học hỏi và mở mang trí tuệ.

Sinh-ngữ mở-mang trí-óc

Ở giai đoạn đầu tiên, giai đoạn thâu thập ngôn-ngữ và các sự kiện sơ đẳng của nó, môn sinh ngữ có tác dụng rèn luyện những năng khiếu trí tuệ và mở mang trí khôn, cũng như môn toán học hay các khoa học khác. Bất cứ một ngôn ngữ nào cũng đều có những khó-khăn riêng biệt của nó : khó khăn về việc thu thập các danh từ, về việc nhận định các âm thanh và phát âm, khó khăn về các cách cấu tạo phức tạp của câu văn, các qui luật văn phạm hay những cách phát biểu, diễn tả đặc biệt, v...v... Khi đương đầu với những khó khăn đó, tập tành để làm quen với nó, người học phải cố gắng vận dụng và thúc đẩy sự làm việc của các cơ năng trí tuệ của mình như sự chú ý, trí nhớ, tác động phản xạ tự nhiên và mau lẹ, óc phán đoán, suy luận và nhận định của mình. Sinh ngữ bắt trí óc làm việc, lôi nó ra khỏi tình trạng thụ động và lười biếng, rèn luyện nó, bắt nó làm « thể dục về tinh thần » như những nhà tâm lý học đã thường nói.

Ở giai đoạn thứ nhì, khi việc thu thập ngôn ngữ đã được vững chắc, môn sinh ngữ mở rộng kiến thức của con người. Qua các câu chuyện đàm thoại hay các bài văn, bài đọc, sách báo, nó cho người học biết được những sự kiện như khung cảnh thiên nhiên, khí hậu, thời tiết, phong tục, tập quán, di tích lịch sử, lối làm việc và tổ chức đời sống của một dân tộc, nền văn minh, tư tưởng và tâm hồn của họ, những sự kiện tuy chi tiết, nhỏ nhặt nhưng ngộ nghĩnh, phong phú mà các môn Sử ký, Địa lý hay Xã hội học không thể đào sâu và dạy cho ta biết một cách cụ thể, đầy sự sống động được. Đó là nói về phương diện tổng quát của sự học hỏi. Còn đứng về phương diện chuyên môn, muốn làm một cuộc khảo cứu sâu rộng và có giá trị về lịch sử, văn minh, chính trị hay văn học của một nước nào, người đứng ra làm các việc ấy nhứt định không thể nào không biết rành về ngôn-ngữ của nước đó.

Sinh-ngữ và văn-chương, tư-tưởng

Muốn giáo dục công dân về phương diện tinh thần, về văn chương, tư tưởng và triết lý, mỗi quốc gia đều lấy nền văn chương học thuật của nước mình làm gốc. Nhưng thực tế cho ta thấy rằng không một nền văn chương, học thuật nào có thể tự hào là toàn vẹn và có thể diễn tả được tất cả những tình cảm và tâm lý phức tạp của con người, những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội khác biệt, những tư tưởng văn chương, nghệ thuật, triết lý, tôn giáo, những quan niệm nhân sinh của tất cả nhân loại. Nền văn chương và học thuật của mỗi quốc gia chỉ có thể nêu lên được một vài khía cạnh hay một số ít sự kiện của các vấn đề ấy. Muốn hiểu biết các vấn đề này một cách rộng rãi, đầy đủ không làm gì khác hơn là phải học sinh ngữ. Học sinh ngữ ở giai đoạn này không còn là học ngôn-ngữ văn phạm cần thiết cho sự thực dụng nữa mà là học các tác phẩm, các tác giả có giá trị và tư tưởng quí báu của họ. Đây cũng là giai đoạn cuối cùng mà việc học một thứ tiếng ngoại quốc, muốn thực sự hữu ích và có giá trị, phải đạt đến cho được.

Khi bàn đến đây, thiết tưởng chúng ta cũng nên xét sơ qua về sự ích lợi của môn sinh ngữ trong việc phát huy văn hóa và hiểu biết ở Việt-Nam. Đặc tính chung của văn chương Việt-Nam là chuộng về hình thức, đồi dào tình cảm, phong phú về âm thanh, âm điệu và hình ảnh, khéo léo trong việc rèn luyện câu văn, hay lý tưởng hóa sự vật nhưng thiếu thực tế, nghèo về lý luận, kém tư tưởng phong phú sâu sắc.

Chỉ cần nhìn qua 4 tác phẩm cổ điển lớn nhất của chúng ta là Đoạn-trường Tân-Thanh, Cung-oán Ngâm-khúc, Chinh-phụ ngâm và Lục-Vân-Tiên, chúng ta cũng đủ thấy rõ các đặc tính vừa kể. Tư tưởng chứa đựng trong 4 tác phẩm nầy gần như y hệt và không có điều gì mới lạ. Quanh đi quẩn lại cũng chỉ là tư tưởng của Phật-giáo, Khổng-giáo hay Lão-giáo : đời là khổ ải ; đứng trước các khổ ải đó,

con người chỉ có mấy giải pháp để lựa chọn, hoặc là thoát tục, vào chùa đi tu, hoặc tự tử, hoặc nhẫn nại chịu đựng và tu tâm dưỡng tánh. Các danh từ trung, nghĩa, tiết hạnh... v.v... được lập đi lập lại từ đầu đến cuối các tác phẩm. Chẳng có một vấn đề nào mới lạ, những ý kiến nào sâu rộng được đặt ra và bàn đến một cách cặn kẽ, dựa trên khoa học và sự kiện đích xác, ngoài trí tưởng tượng, những điều mà đời sống thực tại và xã hội đòi hỏi giải quyết. Nền văn chương của chúng ta là nền văn chương chỉ thích hợp cho tuổi già, đã mệt mỏi, đã chán ngán cuộc đời, cần tiêu khiển và hưởng nhàn. Nó không thích hợp với tuổi thanh niên đang tranh đấu, cần những hiểu biết thiết thực về xã hội, kinh tế, chính trị, triết lý, v.v... để vào đời, để xây dựng cuộc sống. Dù muốn dù không, chúng ta cũng không thể tổ chức xã hội, xây dựng đất nước và cuộc đời của chúng ta mãi theo quan niệm của ông, cha nữa mà không nghĩ đến các tư tưởng văn minh và khoa học hiện tại của Âu-Mỹ. Lớp người thanh niên hôm nay và ngày mai của chúng ta cần học hỏi thêm những văn nhân và triết gia như Montaigne, Pascal, La Bruyère, Montesquieu, Voltaire, Rousseau... để biết những vấn đề về giáo dục, cách học hỏi, xử thế ở đời, các quan niệm tổ chức xã hội, kinh tế, nguồn gốc của pháp luật, chính trị, nguyên tắc dân chủ và phân quyền, các quan niệm tôn giáo, triết học v.v... Trong trường hợp này môn sinh ngữ thành ra tối cần thiết, không thua gì môn Quốc-văn, học tiếng mẹ đẻ.

Nhưng chúng ta rất lấy làm tiếc nhận thấy rằng, việc dạy dỗ sinh ngữ của ta đã thất bại. Con em của chúng ta không đạt đến mục tiêu kể trên và trong suốt học kỳ 7 năm trung học, chỉ mãi quanh quẩn lúng túng ở giai đoạn học ngôn-ngữ mà không đi đến giai đoạn học văn minh và tư tưởng của nước người.

Sinh-ngữ và sách dịch

Có nhiều người đưa ra lý do là người ta cũng có thể đạt được mục đích trên, nghiên cứu được một nền văn

minh hay lịch sử, thấu đáo được những tư tưởng mới lạ mà chỉ nhờ sách dịch và không cần phải tốn nhiều công phu để học hỏi một sinh ngữ. Ý kiến này cũng có thể chấp nhận được, nhưng chỉ đúng một phần nào, và nhứt là chỉ đúng về phương diện khoa học vật chất hay kỹ thuật mà thôi. Nó không thể đúng được đối với các khoa học tinh thần hay khoa học nhân văn (sciences de l'esprit, sciences humaines) nhứt là triết lý học, thẩm mỹ học (esthétiques) hay văn học, những khoa mà sách dịch không thể nào thay thế được bản văn nguyên tác được.

Tục ngữ La-tinh có câu

« Dịch tức là phản bội ». Người dịch dù có tài giỏi đến đâu, cũng không thể nào diễn tả lại một cách trung thực, đầy đủ ý tứ của bản văn nguyên tác được. Đó là chưa kể những sai lạc lầm lẫn hay phản ý có thể lúc nào cũng có được. Lịch sử các sách dịch thường cho thấy những điều này, vì rằng mỗi ngôn-ngữ là con đẻ của những hoàn cảnh, của thời đại và dân tộc riêng biệt.

Mỗi ngôn-ngữ, và trong ngôn-ngữ đó mỗi tiếng, đều mang một sắc thái, một âm thanh, chứa đựng một ý nghĩa, có một tâm hồn với các sự tế nhị riêng biệt của nó. Cùng chung một ngôn-ngữ người ta còn không cho rằng có hai tiếng đồng nghĩa với nhau huống hồ là hai ngôn-ngữ khác biệt. Do đó chẳng ai dịch được văn và thơ, nhứt là thơ, bao giờ. Học gì cũng có thể được, nhưng khi học văn học nước ngoài, chẳng ai học được bằng sách dịch và không biết tiếng của các nước ấy bao giờ. Chính cái cá tính riêng biệt của mỗi ngôn-ngữ đã làm cho môn dịch thuật thất bại cũng như nó đã làm thất bại cái ngôn-ngữ chung cho thế giới (espéranto) mà nhiều người đã mơ tưởng vào cuối thế kỷ vừa qua.

Sinh-ngữ và các vấn-đề quốc-tế

Thế giới ngày nay, nếu đã đem lại được cho con người một phần nào hạnh phúc nhờ ở khoa học và các tiện nghi

vật chất thì đồng thời cũng mang đến những mối lo âu, sợ sệt, một sự lo sợ bị diệt vong không biết lúc nào mà nguyên nhân cũng là ở khoa học vật chất và dục vọng của con người.

Một thế giới như vậy lúc nào cũng đặt ra nhiều vấn đề cần phải được giải quyết và được theo dõi canh chừng vì các sự va chạm quyền lợi giữa những quốc gia. Nhưng giải quyết bằng cách nào? Không phải giải quyết bằng sức mạnh, bằng các chính sách chính trị hay mánh lới ngoại giao. Từ lâu rồi, các hình thức giải quyết ấy đã tỏ ra thất bại. Chỉ có một cách giải quyết, tuy hết sức khó khăn và lâu dài nhưng thực sự hữu hiệu và chắc chắn: đó là sự hiểu biết, sự cảm thông và tình huynh đệ giữa những người khác giống, dựa trên căn bản của đạo đức. Sinh ngữ, với nhiệm vụ mở rộng tâm hồn, đả phá những tư tưởng, thành kiến, chủ nghĩa quốc gia quá khích và hẹp hòi, mang đến cho con người lòng khoan dung và bác ái, là niềm hy vọng của lối giải quyết ấy.

Ngày nay một số đông người học môn sinh ngữ để mưu cầu một lợi lộc tức thời và thấp kém. Cũng có nhiều người khác học môn sinh ngữ mà không nghĩ đến ngay dùng nó để làm gì, có cơ hội thực dụng nó hay không, nhưng vẫn cứ say mê học hỏi cũng như những người đã học một cổ ngữ không còn dùng đến nữa. Tất cả cái lý do của sự học hỏi bất vụ lợi sau này cũng chính là ở chỗ môn sinh ngữ mang nhiều giá trị tinh thần kể trên, những giá trị nhân bản mà con người cần phải học hỏi và quí trọng.

HUỲNH PHÚ HIỆP

SỐT ĐÔ THỊ

Truyện dài của Phạm Long Điền

PHẦN THỨ NHỨT

Sợi tóc ơn tình

CHƯƠNG I

Bà thầu khoán Văn kê ghế bố ở mái hiên để bà nằm dễ nhìn mấy chậu cúc vàng hé nụ khoe sắc trong cơn gió thoảng từ bên kia sông đưa qua. Bà ngồi chỗm dậy, với tay lấy trầu trong ô ra tiêm. Bà nhai tỏm tẻm coi cái miệng ngon lành làm sao ấy !

Bà Văn như sực nhớ ra điều gì, quay mặt vào trong nhà.

— Tư à, Tư. Giọng bà lanh lảnh, vang dội trong ngôi biệt thự do chính một tay bà đứng ra xây cất từ bốn năm nay.

Bà Văn tằng hắng một cái mạnh, nói một mình :

— Giờ này mà tụi nó đi đâu hết rồi cà ? Hễ đi vắng một chút là tụi nó trốn coi hát như mèo gặp mỡ.

Bà Văn nằm, nhìn lên trời. Nãy giờ về nhà, thay đồ xong, ra nằm đây bà còn tiếc hùi hụi. Bà tiếc cho bà sao không gặp may. Nhưng bà tiếc cái gì mới được chớ ?

Số là gần cả năm nay chồng bà, ông thầu khoán Văn, bỏ nhà đi luôn. Mỗi lần vợ cằn nhằn về việc đi sớm về trưa, ông Văn lấy làm bực mình lắm. Ông cố giằn cơn giận, nhỏ nhẹ nói với vợ :

— Ấy tại bà không biết, chớ tôi đi ra là có lợi cho gia đình, cho con cái. Mai mốt tôi làm lớn, có lính gác, lúc ấy bà biết tôi.

Bà Văn nghe chồng nói, chắp hai tay lại xá :

— Tôi xin kẹo ông đi. Mình khổ cực hồi mới dụng nhau. Bây giờ dư dả, tôi với mình nên hưởng một chút cái của Trời Phật cho mình.

Lời lẽ của vợ làm ông Văn nhớ lại cái thời ông còn trẻ, chân ướt chân ráo lên Sài gòn làm ăn. Lúc đầu ông đi gánh hồ cho mấy ông thợ cất nhà lai. Rồi ông được cặp rằn cất nhắc lên làm hồ, làm phụ hồ. Từ đó ông gặp bà Văn lúc ấy gánh hồ cho ông. Hồi ấy bà Văn có mã nhứt trong đám con gái gánh cát trộn hồ. Hai vợ chồng lấy nhau, không cần làm đám cưới và cũng không cần đăng bộ xin làm hôn thú. Tình lao động giản dị, đơn sơ. Nó không éo le, gút mắt như tình của mấy cô, mấy cậu sống trong giàu sang phú quí. Anh thợ hồ Văn thương cảm chị Văn. Anh nói thẳng với chị tình thương của ảnh. Thế rồi anh chị thành vợ thành chồng, sống tá túc ở cái mái hiên bằng tôn trong xóm Bàn cờ.

Ông Văn cố gắng làm lụng, chắt mót từng đồng bạc. Ông vừa làm thợ, vừa đứng ra lãnh thầu. Tuy nghề nghiệp chưa phát đạt nhưng gia đình chỉ gồm hai vợ chồng trẻ đủ ăn đủ mặc, đủ có tiền sắm chiếc xe đạp Alcyon sườn sắt to, bánh cao su và mỗi chiều thứ bảy, hai vợ chồng dèo nhau đi ăn nem Chợ Đủi hay ăn cháo cá Chợ Cũ.

Kịp khi chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, ông thầu khoán Văn lãnh thầu cho nhà binh Pháp. Một lời mười. Theo lời ông Văn thường nói với vợ con, tụi quan Pháp không biết gì rào trọi, thầu khoán Việt ăn trên đầu cha thiên hạ.

Cuộc chiến đến hồi quyết liệt. Ông tướng De Lattre từ Pháp sang. Ông cho lính xây cất dọc theo mấy con đường chánh từ Sài gòn chạy về các tỉnh thành những lô cốt xây bằng gạch. Ông thầu khoán Văn lại một phen hốt bạc.

Ông bà Văn bây giờ giàu có nhứt vùng Đa kao. Ông mua một sở đất ở dốc Đa kao, chỗ đường rầy xe lửa quẹo cua. Chính một tay bà Văn đứng ra cất ngôi biệt thự lộng lẫy này.

Người ta thường bảo giàu đổi bạn, sang đổi vợ. Câu nhận xét này chưa thấy đúng cho cuộc đời dư dả của ông bà thầu khoán.

Nhưng mấy tháng gần đây, bà Văn cằn nhằn chồng về cái tật hay xách cạt táp đi hết nhà này tới nhà kia.

— Tôi đã nói với mình, tôi bỏ nhà đi để lo vô làm nghị sĩ Quốc hội. Bây giờ thì được rồi, người ta kể từ nay gọi mình bằng bà nghị sĩ.

Trời ơi ! một danh từ bà Văn nghe chướng tai quá. Cái gì là nghị sĩ ? Quốc hội ở đâu ? Bà Văn không cần biết. Bà chỉ biết người trong xóm hết gọi chồng bà là ông thầu khoán hay mông xừ ăn trờ rơ nưa. Người ta cung kính gọi ông là ông nghị sĩ, bà là bà nghị sĩ.

Nghị sĩ dưới thời ông Tổng thống Ngô Đình Diệm oai ghê lắm, hét một tiếng là ra lửa.

Sáng sáng bà thầu khoán Văn đi chợ. Mấy chị hàng tôm hàng cá, mấy bà bán trái cây đon đả mời bà nghị mua cái này, cái nọ.

— Bà nghị cứ mua đi, ăn trước trả sau, em chịu hết.

Bà Văn tủm tỉm cười trước những cái níu áo mời mọc. Người bán hàng tưởng bà lấy làm thích thú về cách xưng hô. Nhưng họ đâu có biết bà đang rầu thúi ruột.

Tiếng tăm thì có nhưng khổ một nỗi chồng bà cứ bỏ nhà đi luôn, bỏ ăn bỏ uống. Bà Văn cằn nhằn. Ông được dịp la lớn :

— Tôi đi họp chớ đi đâu. Quốc hội họp để bàn cái này cái kia. Chớ nói như bà thì người ta lập Quốc hội ra để làm gì ?

Ông la, bà nín. Bà lặng thinh nhưng bà cảm thấy buồn buồn. Nỗi cô đơn bắt đầu xâm chiếm lòng bà.

Bà nghị Văn lên Tân định rủ các bà ngồi đánh với nhau vài chén tứ sắc. Một đồng hay năm đồng một lẹn, bà nghị Văn không màng. Bà cần đánh để đốt cho hết cái khoảng thời gian dư dả trước mặt bà.

Chiều nay bà nằm chổng cẳng trên chiếc ghế bố kê ở mái hiên, bà nhai trầu tỏm tẻm, đưa mắt nhìn mấy chậu cúc vàng. Bà tắc lưỡi, tiếc chến bài hồi chiều.

— Nước bài tốt quá mà lại thua chị Phủ. Bà Văn nói thầm như thế.

Bà nghị Văn đánh bài cũng coi mặt. Bà đầu bao giờ cầm tay bài với tụi đá cá lăn dưa, sứt tay gẫy gọng. Bà giải sầu với chị Phủ, chị Huyện, chị Đốc. Họ vừa đánh bài, vừa có dịp khoe với nhau đôi bông hột xoàn hay chiếc cà rá nhận hột.

Con Tư hớt ha hớt hải, từ nhà dưới chạy lên, khoanh tay ngay ngắn nhưng cái miệng nó còn láng o. Nó lấy cái lưỡi liếm qua liếm lại cho hết mấy vết mỡ còn đóng hai bên mép. Nó lợi dụng bà chủ đi vắng, leo rào ra ngoài ăn bánh mỡ chiên của ông già Tàu đẩy xe kêu kót két.

Nó lấm la lấm lét, đứng chờ bà chủ ra lịnh. Nó muốn kéo dài thời giờ để lấy lưỡi chùi cho sạch cái miệng. Chớ bà chủ thấy cái miệng láng, bà phạo con Tư ăn vụn. Một cái bốp tai ngay tức khắc. Bà chủ có tiếng đánh oan mạng.

Về buổi chiều, con Tư sợ ra mặt. Bà chủ ăn bài, miệng bà còn bi bô. Chớ bà thua bài, cứ lấy con Tư mà gỡ. Bà rơ-ve nó sanh tử lắm. Bà đánh để xì bớt cái tức giận cho cái vận đen của bà trong con bài.

— Dạ thưa bà cho gọi con.

— Ừ! Mầy lấy báo chưa?

— Dạ chị bán báo chưa đưa.

Bà Văn gục gặc cái đầu :

— Chạy ra lấy báo cho tao. Sẵn lấy cho tao tờ *Phụ nữ già*.

Con Tư mở đôi mắt tí hi của nó ra dòm chòng chọc bà chủ. Nó lấy làm lạ bữa nay bà chủ lại đọc tờ báo của mấy bà bán cá, bán tôm hay bạn bè của nó thường đọc ở ngoài phông tên nước, dưới ngọn đèn đường.

Bà Văn nhìn con Tư, ngỡ nó không biết tờ *Phụ nữ già*.

— Đi ra ngoãi, thấy tờ báo có cái bìa in hình con gái. Bên trong có một trang coi bói.

Bà chủ ngồi dậy hối thúc :

— Ra lấy lẹ đi, về tao coi chút xíu.

Con Tư chạy ra tới cửa, nó còn nghe tiếng bà chủ nói văng vẳng theo nó :

— Tức quá! Tức quá! Phải coi báo có bói trước thì đâu có thua. Tại ngày xui mà.

Con Tư vừa đi, vừa tủm tỉm cười. Nó mới nảy ra một ý nghĩ ngộ nghĩnh mà nó cho chỉ có một mình nó mới suy nghĩ được như thế. Nó lật tờ báo ra xem ba chớp ba nháng.

— Phải rồi, bữa nay, bà chủ hổng phải coi bói nữa đâu. Bà để tâm nghiên cứu trang sửa sắc đẹp.

Con Tư nói xong, cười ngất. Nó mường tượng trong trí non nớt của đứa tớ gái rất mê mấy cô đào cải lương, đến một ngày nào đó bà chủ của nó sẽ cắt đi cái củ nừng treo lủng lẳng, rồi bà đi uốn theo kiểu cô đào Thanh Mỹ hay kiểu Út Bạch Huệ mà nó nghe lóm ở phông tên nước mỗi tối. Bà chủ sẽ bỏ trầu, sẽ đánh móng tay móng chân đỏ chét.

Con Tư gục gặc cái đầu, nó cho ý kiến của nó rất đúng. Tối hôm qua, đang lúc ở dưới bếp, nó nghe bà Ba nấu bếp nói nhỏ với chú Sáu sớp phơ là ông chủ bây giờ làm nghị sĩ, bỏ bà chủ vì bà chủ tối ngày ăn trầu miệng bô bô và ông chủ có mèo ở bên Xóm Củi. Nó nghe nhưng nó nào có tin. Ai đời nhà cao cửa rộng, xe hơi đàng hoàng, vợ con đầy đủ mà lại bỏ nhà « theo tiếng gọi của con tim »! Con Tư nghe chú sớp phơ, nó chỉ cười mím chi cọp. Nó biết tỉnh chú Sáu mà. Chú ấy hay lăn xê tin động trời và luôn luôn làm cả nhà nghẹt thở vì những mẩu tin động trời mà chính chú sáng tác mỗi khi chú đến nhà làm trễ.

Con Tư lấy làm lạ chiều nay bà chủ mặt rầu rầu như Lưu Bị cầu ông Khổng ở thảo lư nhưng bà chủ kêu nó hai ba lần, không ban cho nó một vài cái bốp tai chát chúa. Nhứt định bà chủ không thua bài. Hoặc thua ít ít thôi.

Theo ý nghĩ của con Tư, bà chủ buồn vì ông chủ đi hoài. Bà thấy cần chạy nước rút đi thi sắc đẹp.

— Đúng rồi cái trang này ưng ý của bà chủ nhứt.

Con Tư đưa tờ báo lên cao, đọc chầm rãi :

— Quí bà muốn giữ chồng, muốn giữ hạnh phúc gia đình, quí bà phải làm đẹp nghĩa là da mặt bà mịn màng như da mặt của Tây Thi.

Nó đọc tiếp hàng chữ dưới ghi rõ : lời cẩn dặn dành riêng cho các bà muốn giữ chồng trong phòng the.

Mỗi sáng, bà thức dậy, lấy dưa chuột rửa mặt. Nếu có dưa gang càng tốt.

Con Tư đọc xong, tủm tỉm cười thích chí :

— Hèn chi da mặt của cô đào Ngọc Phú mơn mởn, chắc nhờ cộ có đọc mục này.

— Tư, sao không đi lẹ đi.

Con Tư đưa tờ báo cho bà chủ, mắt nó còn ngó theo để xem bà chủ đọc trang nào trước.

Bà chủ với tay lấy con dao ăn trầu để trên nắp ô đồng. Bà rọc trang bói số của chiêm tinh gia Hoàng Lan có tiếng nhứt ở Đông Nam Á như báo đăng.

Theo nhà tướng số, bữa nay tuổi bà không gặp được giờ kiết. Bà tuổi dần : mà bữa nay lại ngày mẹo. Dần mà gặp mẹo kỵ ghê lắm. Mặc dầu con cọp và con mèo một nhà thân thiết, nhơn rảnh rang bàn bạc chuyện trò nhưng thực tế cho thấy hai con gặp nhau là hầm hừ, cấu xé với nhau.

Bà nghị Văn nằm gát tay lên trán, nói thầm :

— Nhè bữa nay ngày xui mà mình lại đi đậu chến. Thua là phải.

Con Tư nãy giờ lấp ló sau cửa, xem bà chủ đọc mục nào trước nhứt. Nó chắc ý rồi bà chủ đọc mục tử vi, nó bỏ ra nhà sau.

— Tư à Tư, lên biểu nè.

Con Tư khoanh tay ngay ngắn, đứng xa xa. Nó không dám đứng gần bà chủ, sợ bà chủ bốp tai oan mạng lắm.

— Thưa bà gọi con.

— Tư à ! Ông mầy hồi sáng tới giờ có về chưa ?

Con Tư trả lời gọn lỏn :

— Ông đi từ hồi sáng. Trước khi lái xe đi, ông dặn con tối ông mới về.

Bà nghị Văn nghe đứa làm nói, bà thở một cái nhẹ. Một nỗi buồn xâm chiếm lòng bà.

Bà nhớ lại ngày nào vợ chồng chung nhau làm ăn suốt ngày suốt đêm, tâm đầu ý hợp. Lúc nghèo vợ chồng hủ hỉ nhau. Khi giàu có rồi, tiền muôn bạc vạn, ông lại chạy theo danh lợi, bỏ bà một mình lo trong lo ngoài. Bà cảm thấy buồn bnồn.

Bà không dè bây giờ chồng bà đổi tánh mau quá. Đêm nào ông cũng đi tới một hai giờ khuya mới về.

Lắm lúc bà nghị tức quá, la chồng bằng cái giọng mặn chát của mấy bà bán cá chợ Cầu Ông Lãnh :

— Tôi chịu ông hết nổi. Ông bây giờ đổi tánh quá. Nhà đó ông ở đi. Để tôi đi cho ông rảnh tay.

Ông nghị Văn thấy vợ la, ông bình tĩnh nói :

— Tại bà không hiểu, chớ bây giờ làm nghị sĩ, mình phải đi tới đi lui, hết họp chỗ nầy tới họp chỗ kia. Phải thù tạc vãng lai. Làm Quốc hội khổ lắm, chớ bộ bà tưởng tôi sướng lắm sao? Động một chút là Tổng Thống quở.

Như để phân trần sự đi sớm về trễ, ông Văn gục gặc cái đầu :

— Làm Quốc hội khổ lắm. Việc nước, việc dân chất thành núi mà sức mình làm có hạn.

Ông Văn nói xong, bỏ vào buồng trong, đóng cửa ngủ thẳng bon cho tới sáng mặc vợ quát tháo.

Bà nghị la nhiều quá, đâm ra mệt. Trong phút hồi tâm, bà thấy thương chồng. Dù gì đi nữa, vợ chồng già sứt mẻ thế nào cũng còn tình nghĩa thuở gánh hồ, ăn cơm đường, uống nước chợ.

Bà suy đi nghĩ lại thấy thương chồng ở chỗ ngày xưa ông hà tiện có tiếng, một đồng xu ten không ai cậy nổi. Ông cắc ca cắc củm tạo một sự nghiệp lớn lao như ngày nay.

Ai ở vùng Đa kao lâu năm đều nghe tiếng ông thầu khoán Văn. Bây giờ người ta không gọi ông là thầu khoán nữa. Người lối xóm gọi ông là ông nghị bởi vì mấy tháng trước đây ông được vô Quốc hội làm việc. Bà Văn phục ông ở chỗ này.

Hồi ông Văn mới bước vào con đường chánh trị, nhiều đêm bà thức canh ông về. Bà sợ ông bị trễ xe hay bị tai nạn gì không. Con cái đi ngủ hết rồi. Bà vò võ trong phòng chờ ông về để mở cửa. Lâu ngày bà quen với cảnh sống xa lánh chồng, chỉ hủ hỉ với hai đứa con, một trai một gái. Đứa trai lớn, Cậu Huy, năm nay đã vào đại học. Nghe đâu cậu học Luật. Đứa gái, cô Dung, lẹt đẹt mãi ở trung học, thi hoài không đậu. Con gái nhà giàu lo gì. Tới tuổi thì đi lấy chồng. Con gái nhà giàu không cần học cũng có người tới rước, cũng làm bà như ai.

Bà Văn cảm thấy đơn độc mặc dầu sống trong giàu sang gấm vóc. Con người không phải chỉ lấy tiền mà mua được niềm hy vọng trong đời. Hạnh phúc nằm trong lòng con người chớ không phải trong tiền tài, danh vọng.

— Tại số mình. Tuổi dần phải chịu cảnh long đong. Bà Văn nhủ thầm như thế.

Hồi bà còn trẻ, đi coi bà thầy bói ở gốc cây đa miệt chùa chà. Bà thầy cho biết tuổi dần gặp lận đận, lao đao. Còn trẻ thì khó kiếm chồng. Lớn lên có chồng, phải gặp cảnh xa chồng xa con, sống trong đơn độc. Tuổi dần đàn ông làm quan hiển vinh, đàn bà cô đơn sầu muộn.

Hình ảnh ấy đánh mạnh vào tiềm thức bà Văn. Nó dự một phần vào sự an ủi đời bà.

Nhưng từ ngày ông Văn theo con đường chánh trị, bà Văn bắt đầu tập tành theo chị em đậu chến tứ sắc với bà này bà nọ, cốt cho qua hết những ngày trống rỗng cô đơn.

Đánh bạc như xổ số. Ăn thì ít mà thua thì nhiều. Mỗi lần thua về nhà, mặt bà một đống như cái mặt của con heo hầm. Con Tư sẽ là nạn nhân đầu tiên chịu những cái tát tai nẩy lửa do chính hai tay bà triu hay rờ-ve vào hai má của đứa tớ gái.

Chiếc xe hơi hiệu Peugeot 403 sơn đen bóp kèn inh cả tai trước cửa ngõ. Con Tư lật đật chạy ra sân.

Bà Văn tủm tỉm cười, nhìn chồng :

— Chà bữa nay gió nào làm ông về sớm quá vậy ?

Ông nghị Văn giậm mạnh đôi giầy trên tấm cao su để ở bực thềm. Ông nói vẻ bực nhọc :

— Đã mệt ở Quốc hội. Về lại gặp bà. Bà để cho tôi yên trí một chút coi.

Ông nghị Văn đi thẳng vào buồng trong, không thèm nhìn mặt vợ. Ông thừa hiểu vợ ông lúc nào cũng cau có, quạu quọ. Bà luôn luôn chực quát tháo ông. Hình như sự tức giận của bà chỉ cần một hành động nhỏ nhặt của ông là đủ tức nước vỡ bờ, bà được một phen la lối, múa tay múa chân. Bà làm quá thét rồi ông phát bực, đỗ lì. Bà la mặc bà, ông cứ lo làm công việc của ông.

Ông từ trong bước ra, ngồi kế bên vợ. Ông ở trần, để lộ sợi dây chuyền bằng vàng có gắn cây thánh giá.

Ông nói với vợ, giọng nhỏ nhẹ :

— Tôi về sớm để mai, năm giờ phải xuống Vĩnh Long.

Ông Văn ngừng nói, kéo ghế ngồi sát vợ :

— Tôi đi công tác ở Vĩnh Long hai ngày.

Giọng ông ôn tồn làm xiêu lòng người đàn bà có tiếng hay nóng giận.

Bà tủm tỉm cười, có duyên ác :

— Ông đi công tác gì mà mới đi Huế rồi lại đi Vĩnh Long ? Bộ theo cô nào rồi chớ gì ?

Ông Văn chớp đôi mắt. Ông sợ bà biết chuyện ông dan díu với bà Sương thì chuyện nhỏ xích ra lớn làm hàng xóm đều biết ông có mèo. Lúc đó ông còn mặt mũi nào dòm ngó hai bên láng diềng. Hơn nữa bây giờ ông cũng làm ông này ông nọ với người ta. Nếu báo chí đăng bậy cái tin

ông bị bà đánh ghen, ông không biết làm sao biện minh với các bạn đồng viện. Rồi ông chỉ có nước trốn khuất mặt Tổng thống.

Theo ông nghị Văn hiểu biết, Tổng thống là con người mẫu mực, « suốt đời lê gót nơi quê người » lo cho nước cho dân. Tổng thống không tạo lập gia đình, nguyện đem cả cuộc đời hiến dâng cho nước. Vậy thì ông nghị Văn phải làm gì cho xứng đáng với người chí sĩ anh minh. Ông Văn nghĩ thế. Nhưng ông còn thêm nếu có làm cái gì thì làm chút ít thôi. Mà cái gì ấy ra sao ? Chuyện dan díu giữa ông với bà kỹ sư Sương chết chồng chắc không phải là một xì căn dan ở nghị trường.

Bà Văn nhìn vào ngực chồng :

— Ủa bữa nay ông có sợ dây chuyền đâu mà đẹp quá vậy ?

Bà lấy tay mân mê cây thánh giá màu vàng tươi.

Ông Văn nghe vợ hỏi, lấy tay gãi sau ót. Ông đang tìm cách trả lời.

— Ai cho ông sợi dây này đây ? Bà Văn hỏi giọng nhát gừng.

Ông Văn tằng hắng một cái mạnh để lấy trớn trả lời cho suông mấy câu của thẩm sát viên sắp sửa nổi cơn tam bành. Nụ cười gượng ép đặt trên đôi môi dày cộm của ông nghị.

— Thì tôi nói với mình ngày mai tôi đi Vĩnh Long gấp cũng tại việc này.

Ông nghị lấy ngón tay phải chỉ vào cây thánh giá. Ông nhìn chòng chọc vào mặt bà Văn hiện rõ thấy được sự đáng tin cậy của bà. Ông như mở cờ trong bụng, bồi thêm :

— Ngày mai tôi đi Vĩnh Long, xuống dưới làm phép rửa tội với Đức Cha.

Ông đứng dậy, lấy cây thánh giá đang đeo vào cổ ông, đặt vào lòng bàn tay còn mang một vài dấu chai cứng.

— Nhờ vật này mà tôi mới được vào Quốc hội.

Thấy vợ nằm yên, không thốt ra một lời nào, ông Văn ngỡ vợ đồng tình, ông vót thêm :

— Kệ nó mình, ở đời đạo nào cũng là đạo. Miễn mình được giàu sang phú quí là đủ rồi. Đạo nào cũng dạy mình làm thiện gặp thiện, làm ác gặp ác.

Giữa lúc ấy, có tiếng chuông reo trong máy điện thoại. Ông nghị Văn lật đật chạy lại, nhắc ống nghe đặt sát vào tai.

Ông dõng dạc nói :

— Allô ! Allô ! Tôi nghe đây. Tôi nghe đây. Nghị Văn đây.

Có tiếng the thé ở đầu dây bên kia.

Ông Văn liếc nhìn bà vợ đang nằm ra chiều suy tư và lắng tai nghe ông nói. Khổ một nỗi cái máy nghe lại đặt sát vách gần chiếc ghế bố. Mà người đối thoại với ông Văn không ai xa lạ hơn là bà góa phụ tên Sương mà ông hẹn sáng mai đi Vĩnh Long chơi với ông trong hai ngày.

Ông Văn ấn cái ống nghe cho thật sát tai. Ông không muốn một tiếng nhỏ nhẹ nào trong ống nghe lọt ra ngoài.

Bà Văn nằm yên, để tai nghe. Bà chỉ nghe chồng bà lập lại ba lần câu :

— Được rồi, được rồi.

Chồng bà chỉ nói có mấy chữ đó sau khi nghe một hồi lâu.

Ông Văn đặt ống nghe trở lại máy. Ông bước ra đứng gần vợ. Ông làm ra dáng mệt nhọc :

— Khổ quá, đã về tới nhà mà văn phòng gọi dây nói mời họp. Phải biết vậy hồi đó vô chi cho khổ thân.

Mỗi câu nói xong, ông Văn đều liếc nhìn bà vợ mà theo ông, ông cho là nguồn gốc của sự bực bội trong cuộc đời bay nhảy của ông.

— Tối rồi mà còn họp gì nữa ông ?

Ông nghị Văn lúc lắc cái đầu :

— Khổ lắm ! Khổ lắm !

Ông nhanh như chớp bước vào phòng thay bộ đồ vét. Ông hối hả đi bởi vì bà Sương đang chờ ông lái xe đến đưa bà vô Chợ Lớn ăn cơm Tàu.

Ông đi qua mặt vợ, ra chiều hấp tấp :

— Chuyện gấp, tôi đi tới đẵng một chút. Mình với tụi nhỏ ăn cơm trước đi. Tối về có đói bụng, tôi sai con Tư đi mua cháo ăn được rồi.

Chiếc xe Peugeot ra tới sân. Ông nghị Văn còn thò đầu ra cửa kiến, quay lại nói với vợ :

— Tôi tới đẵng một chút. Ở đẵng đang chờ.

Xe rồ ga, chạy mất.

Bà Văn nằm buồn buồn. Bà nhớ tới những lời lẽ chồng bà nói hồi nãy. Ông từ bỏ đạo của bà để theo đạo mới và cũng để ông có dịp bước thêm một bước dài nữa trên con đường bay nhảy của ông.

Bà Văn cảm thấy trơ trọi quá. Những ngày sắp tới đây, trong những buổi rầm nguơn chỉ còn mình bà ăn chay niệm Phật. Đêm đêm chỉ còn mình bà thắp nhang cúng vái Phật, Trời, ông bà khuất mặt. Bà Văn cảm thấy đau nhói nơi lòng. Bà muốn nói lên cái gì chất chứa trong người bà. Nhưng bà biết nói cùng ai.

Bà lăn qua bên trái, lấy tờ Phụ nữ giả che mặt. Bà nói một mình :

— Tại mình tuổi dần phải rán chịu chớ biết sao đây !

Hàng đèn đường cháy sáng choang. Nhưng đêm nay bà Văn cảm thấy trong người bà tối om với niềm cô đơn tủi lạnh.

(Còn tiếp)

LONG ĐIỀN

HÃY ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

— Nêu các vấn-đề thời-đại Việt-Nam
— Có nhiều bài văn-học miền Nam

Xin nồng-nhiệt giới-thiệu cùng độc-giả :

TỜ ĐUỐC TỪ-BI hiện phát-hành đến 20.000 (hai chục ngàn) số mỗi tháng và đang tăng lên hơn. Ra cả ngoại quốc.

vườn trăng

của trần văn linh

vườn say dưới ánh trăng ngà
trăng nghiêng vẽ bóng thướt tha đầy vườn
bóng in trên thảm cỏ sương
bước đi rón rén ngược đường với trăng
trời nhung vắng bóng sao băng
mảnh đêm lần tránh trong tàng cây đen
đầu hiên thổn thức dế mèn
vọc sành châu chấu trỏi kèn tỉ tê
trẻ con vừa khóc bên hè
ai đưa kẹo kẹt hát về ru con
đầu thôn chó sủa âm hồn
âm ba não nuột héo mòn ánh trăng.

TIỆM TƯƠNG TỨ HÒA
93, đường Chu văn An (Chợlớn).
★ Tiệm tương nổi tiếng nhứt miền Nam và miền Trung Việt nam
◑ Biến chế hợp vệ sinh
⊙ Có bán sỉ và lẻ đủ thứ nước tương, chao, tương ớt, củ kiệu hảo hạng

Librairie KHAI-TRÍ
62, Bd. Lê-Lợi, SAIGON

XIN LƯU Ý :

KỂ TỪ SỐ 16 **ĐỒNG - NAI VĂN - TẬP**

khởi đăng mỗi kỳ *Chuyện Trặc Họng* do Người Điên đảm trách thay cho Nhị Cuồng bận vào Nhà Thương Điên Biên Hòa một thời gian.
Mục Cuồng Đàm tạm gác lại.

Hãy tìm đọc :

ĐẤT và NGƯỜI

truyện dài của

minh-quân

Lá-Bối xuất-bản

同奈文集

Địa-chỉ liên-lạc :

Ông AN CƯ

393B, đại lộ Trần Hưng-Đạo

— SAIGON —

Giấy phép số 3974 TBTTCH/BC I
ngày 11/9/1967

GIÁ NHỨT ĐỊNH : 25$

CÔNG-SỞ : GIÁ GẤP ĐÔI

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

năm thứ ba nguyệt-san *quyển* 16

chủ nhiệm kiêm chủ bút : an cư

sơn nam

VỀ QUÊ TÌM CỔ TÍCH

tiểu luận

Bộ mới : số 5

15 tháng 3 năm 1968